VIỆN NGHIÊN CỨU & PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA
TỦ SÁCH HỒNG PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA

CHỦ ĐỀ: NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN

PGS. TS. LÊ TRỌNG

HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH LÀM ĂN XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CHO HỘ NÔNG DÂN

(Tái bản lần thứ ba có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN
2004

HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH LÀM ĂN
XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
CHO HỘ NÔNG DÂN

VIỆN NGHIÊN CỨU & PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA
PGS TS LÊ TRỌNG

HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH LÀM ĂN
XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
CHO HỘ NÔNG DÂN

(Tái bản lần thứ ba có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA
INSTITUTE FOR RESEARCH AND UNIVERSALIZATION FOR ENCYLOPAEDIC KNOWLEDGE (IRUEK)
Văn phòng liên hệ: B4, P411 (53) TT Giảng Võ - Đường Kim Mã
Quận Ba Đình - Hà Nội.
ĐT (04) 8463456 - FAX (04) 7260335

Viện Nghiên cứu và Phổ biến kiến thức bách khoa là một tổ chức khoa học tự nguyện của một số trí thức cao tuổi ở Thủ đô Hà Nội, thành lập theo Nghị định 35/HĐBT ngày 28.1.1992.

Mục đích: Hoạt động nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng khoa học nhằm mục đích phục vụ nâng cao dân trí và mục đích nhân đạo.

Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ:

1. Nghiên cứu các vấn đề văn hoá khoa học.
2. Biên soạn sách phổ biến khoa học công nghệ.
3. Biên soạn các loại từ điển.

Nhiệm vụ cụ thể: Trong những năm tới (từ 2001 đến 2005): phát huy tiềm năng sẵn có (hiện có hơn 200 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia): Viện tổ chức *nghiên cứu một số vấn đề khoa học; biên soạn từ điển; biên soạn sách phổ biến tri thức bách khoa, (kiến thức khoa học cơ bản, chính xác, hiện đại, thông dụng, Việt Nam)* dưới dạng SÁCH HỒNG (sách mỏng và chuyên luận) phục vụ độc giả rộng rãi theo các chủ đề như *nông nghiệp và nông thôn; phòng bệnh và chữa bệnh; thanh thiếu nhi và học sinh; phụ nữ và người cao tuổi, v.v..*

Phương hướng hoạt động của Viện là dựa vào ***nhiệt tình say mê khoa học, tinh thần tự nguyện*** của mỗi thành viên; liên kết với các viện nghiên cứu, các nhà xuất bản.

Hoạt động khoa học của Viện theo hướng ***"Chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá"*** (Nghị quyết Đại hội Đảng IX).

Vốn hoạt động của Viện là vốn tự có và liên doanh liên kết. Viện sẵn sàng hợp tác với các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước hoặc nhận đơn đặt hàng nghiên cứu các vấn đề nêu trên.

Rất mong được các nhà từ thiện, các doanh nghiệp, các cơ quan đoàn thể và Nhà nước động viên, giúp đỡ.

Viện Nghiên cứu & Phổ biến kiến thức bách khoa

"Làm cho người nghèo thì đủ ăn
Người đủ ăn thì khá, giàu
Người khá, giàu thì giàu thêm"

Lời HỒ CHỦ TỊCH [1]

[1] Hồ Chí Minh - Toàn tập - Tập 4 - Nhà xuất bản Sự thật - Hà Nội - 1984, trang 287.

PGS TS Lê Trọng

Sinh ngày 1-5-1926

Quê hương : xã Lý Hải, huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Trú quán : 2 M11, số 184 phố Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Đây cũng là địa chỉ liên hệ với tác giả.

Điện thoại : 04. 8644717; 04.8693375

Nguyên giảng viên Đại học Kinh tế Quốc dân, hiện nay là Viện trưởng Viện Quốc tế học (IID).

Từ năm 1963-2003 đã nghiên cứu, viết và công bố 120 tác phẩm chính có liên quan đến nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Đã xuất bản riêng hoặc đồng tác giả 26 cuốn sách.

LỜI NÓI ĐẦU

Hộ nông dân nói chung và các hộ nông dân đói nghèo là những đơn vị kinh tế tự chủ. Những điều kiện và cách làm ăn của mỗi loại hộ có khác nhau.

Trong lịch sử của nền kinh tế tự nhiên và trong sự phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần những năm qua, cách làm ăn của các loại nông hộ nói chung là theo kinh nghiệm sẵn có, được ghi trong *đầu óc họ, hoặc "gặp đâu làm đó" chứ chưa có sự tính toán, lập kế hoạch làm ăn, kinh doanh ngắn hạn và dài hạn (gồm: sản xuất - dịch vụ - bán - tiêu dùng - tích lũy sản xuất mở rộng). Trong tình hình đó, một bộ phận nông hộ có điều kiện và tích luỹ được kinh nghiệm làm ăn, bước đầu biết tính toán đầu tư kinh doanh đã giàu lên; và ngược lại thì đói nghèo.*

Đói nghèo là do nhiều nguyên nhân nhưng suy cho cùng là do thiếu điều kiện và không có kế hoạch làm ăn phù hợp dẫn đến bị động, thiếu tính tự chủ trong sản xuất, dịch vụ để sinh sống, để tự xoá đói giảm nghèo một cách bền vững và tiến tới kinh doanh có lợi nhuận ngày càng cao.

Trước thực trạng đó, trong nhiều năm nay, Đảng đã có chủ trương, Nhà nước đã có chính sách, có chương trình và giải pháp thực hiện xoá đói giảm nghèo - với một số vốn đã và sẽ chi đến mấy chục ngàn tỉ đồng; đồng thời nhiều tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước cũng đã quan tâm trợ giúp, trong đó có chương trình hợp tác Việt - Đức về xoá đói giảm nghèo. Đó là những cố gắng vượt bậc của Đảng và Nhà nước Việt Nam với sự hợp tác giúp đỡ to lớn của cộng đồng và quốc tế. Nhờ vậy, tỉ lệ đói nghèo hàng năm đã được giảm xuống, bộ mặt nông thôn Việt Nam hiện nay đã có nhiều đổi mới.

*Tuy nhiên, so với yêu cầu và vốn liếng bỏ ra để tài trợ cho xoá đói giảm nghèo thì hiệu quả còn chưa tương xứng. (Đến 7/1998 cả nước vẫn còn đến 17,4% hộ đói nghèo, trong đó có những làng bản, thôn xã ở miền núi diện đói nghèo lên đến 50-70%, thậm chí đến 80% với mức tính là dưới 13-15kg gạo/người/tháng. Đến cuối năm 2002, tỉ lệ đói nghèo cả nước theo chuẩn mới còn 14,3% [32] *). Và khi gặp thiên tai thì diện tái đói nghèo lại tăng thêm.*

Có tình hình đó bởi nhiều nguyên nhân. Trong đó, theo chúng tôi, có một nguyên nhân cơ bản - có tác dụng tổng hợp về nhiều mặt - là chưa hướng dẫn cho hộ nông dân đội nghèo hiểu, biết xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch làm ăn, tự chủ xoá đói giảm nghèo bền vững và từ đó tiến lên có kế hoạch kinh doanh để làm giàu.

Nói nó có tác dụng tổng hợp về nhiều mặt bởi: nó chẳng những để cho họ có ý thức tự chủ để làm ăn, từng bước xoá đói giảm nghèo bền vững mà còn có cơ sở để các tổ chức kinh tế-xã hội hỗ trợ vốn, hướng dẫn, theo cách làm ăn - quyết tâm tự xoá đói giảm nghèo: đồng thời cũng là cơ sở để thanh tra, kiểm toán thực hiện hữu hiệu các chính sách đã có với mỗi loại nông hộ đói, nghèo và từ đó mà bổ sung, hoàn thiện chính sách có căn cứ khoa học, đồng thời có thể xoá được những mặt tiêu cực trong lĩnh vực này. Như vậy, đây là yêu cầu khách quan và cấp bách. Nhưng từ trước đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu, viết và hướng dẫn kế hoạch làm ăn cho hộ nông dân đói nghèo. Do vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu, viết cuốn sách này nhằm mục đích:

- Tìm ra được một phương pháp hữu hiệu để tiến hành xoá đói giảm nghèo.

- Để giúp cho nông hộ đói nghèo hiểu và biết cách lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch làm ăn để tự xoá đói giảm nghèo một cách bền vững.

- Để các tổ chức Đảng, Nhà nước và các tổ chức kinh tế-xã hội, các cấp có cơ sở giúp đỡ, kiểm tra theo kế hoạch làm ăn xoá đói giảm nghèo của hộ.

- Kiến nghị hoàn thiện chính sách vĩ mô và vi mô nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói giảm nghèo mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Từ mục đích trên, yêu cầu của cuốn sách này là : thiết thực, dễ hiểu và khoa học nhằm phục vụ đối tượng chủ yếu là chủ nông hộ đói nghèo; cho phổ cập viên về kinh tế, quản lí và kĩ thuật (trong hệ thống tổ chức xoá đói giảm nghèo và khuyến nông) cho loại nông hộ khác; cho cán bộ lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước và cho những ai có quan tâm.

Đến đây, còn một vấn đề cần bàn là: như chúng ta đều biết, chủ nông hộ đói nghèo phần lớn là những người còn mù chữ hoặc ít chữ. Vậy thì làm sao có thể dạy họ hiểu và biết lập kế hoạch làm ăn ?

Đúng vậy. Đó chính là khó khăn bao trùm nhất ! Nhưng, nếu chúng ta đầu hàng khó khăn này thì có nghĩa là chúng ta khó có thể thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo bền vững.

Theo chúng tôi, chúng ta có thể vượt qua bằng cách : Kiên trì và kiên trì ! Dạy cho họ bằng nhiều cách:

1. Dạy và hướng dẫn trực tiếp cho chủ nông hộ (đã xoá mù từ lớp 3 trở lên).

2. Dạy và hướng dẫn trực tiếp cho chủ nông hộ mù chữ cùng với một thành viên trong gia đình có trình độ văn hoá từ cấp I trở lên. Đây cũng chính là một dịp kết hợp dạy lập kế hoạch làm ăn gắn với dạy thêm chữ cho người nghèo ít chữ.

3. Cũng có thể xây dựng mô hình về lập và thực hiện kế hoạch làm ăn cho một số hộ nông dân khá ở ngay sát bên cạnh nhà họ để gắn với yêu cầu: dạy - học - thảo luận - thực hành, tạo điều kiện cho người học được nhìn tận nơi, thấy và nghe cùng một lúc. Đó sẽ là cách dạy và học cho người nghèo ít chữ có hiệu quả nhất. Từ kết quả ban đầu, chúng ta sẽ hoàn thiện cả về nội dung và phương pháp dạy và học để nhân rộng ra.

4. Từ thực tế được đặt ra về vấn đề này, theo chúng tôi, tiến lên chúng ta có thể gắn dạy chữ với dạy nghề, dạy lập kế hoạch làm ăn vào các trường dạy nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học nông - lâm - ngư nghiệp đồng thời sẽ chuyển vào dạy ở các trường dân tộc nội trú, các trường trung học phổ thông và trung học cơ sở ở nông thôn như là một môn học.

Từ cách đặt vấn đề trên, việc nghiên cứu và viết cuốn sách này sao cho đạt được mục đích và yêu cầu đã nêu ở trên là cực kì khó khăn, phức tạp. Do đó, những nội dung trình bày trong cuốn sách còn được tiếp tục bổ sung để hoàn thiện trong quá trình thực hiện.

Vậy, chúng tôi rất mong được sự quan tâm chỉ bảo và giúp đỡ của các nhà lãnh đạo, các nhà khoa học và bà con nông dân - đặc biệt là các chủ nông hộ đói nghèo.

Tác giả trân trọng cảm ơn Chương trình hợp tác Việt - Đức về xoá đói giảm nghèo, đặc biệt là Tiến sĩ Ngô Huy Liêm, phái viên của Chương trình; chân thành cảm ơn sự lãnh đạo của Đảng uỷ, của Uỷ ban nhân dân xã Đông Minh, của Hội Nông dân huyện Đông Sơn (tỉnh Thanh Hoá) cùng nhiều địa phương khác, đã có sự hợp tác, giúp đỡ chí tình để tác giả vượt khó khăn trong quá trình nghiên cứu, viết bài giảng đã được đánh giá cao và có hiệu quả cho các hộ nông dân...

Tác giả chân thành cảm ơn sự cộng tác, tạo điều kiện của Trung tâm nghiên cứu Kinh tế và Xã hội (ESRC), Viện Nghiên cứu và Phổ biến kiến thức bách khoa (IRUEK), cũng như các nhà báo, các nhà khoa học và đồng nghiệp gần xa đã quan tâm.

Xin chân thành cảm ơn

TÁC GIẢ

CHƯƠNG I

TÌNH TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN ĐÓI NGHÈO CỦA VIỆT NAM

Con người, tạo hoá sinh ra, ai cũng mong muốn học hành, có việc làm, cơm no, áo ấm, có nhà ở và phương tiện sinh hoạt từ đơn sơ đến hiện đại... Song do môi trường và điều kiện khác nhau nên hiện nay trên toàn cầu có đến 1,5 tỉ người đói nghèo. Ở Việt Nam, theo thống kê, năm 1996 còn có 20-25% hộ đói nghèo, nhưng theo tính toán của Ngân hàng Thế giới thì con số đó trên dưới 51% (do xác định chuẩn mực có khác nhau). Để thấy rõ thực trạng, xin điểm qua tình cảnh đói nghèo và nguyên nhân của nó.

I - TÌNH TRẠNG VÀ KHÁI NIỆM VỀ ĐÓI NGHÈO

1. Tình trạng đói nghèo

Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, đói nghèo là một vấn đề xã hội rộng lớn, mà cho tới nay chưa có một quốc gia nào giải quyết triệt để để không còn có người đói nghèo. Tuy nhiên do *nhận thức và phương pháp* giải quyết ở những nước có điều kiện kinh tế-xã hội và thể chế chính trị khác nhau thì *mức độ* và *tỉ lệ* người đói nghèo nhiều, ít là có khác nhau.

Việt Nam vốn là một nước nông nghiệp nghèo nàn, bởi điều kiện thiên nhiên ít thuận lợi, thường bị thiên tai mà khả năng chế

ngự thiên tai còn hạn hẹp, kĩ thuật và công nghệ sản xuất còn lạc hậu, đồng thời trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam là một dân tộc luôn luôn phải chống giặc ngoại xâm - nhất là chống các cường quốc hùng mạnh. Vừa mới ra khỏi chiến tranh, biết bao hậu hoạ khiến hàng chục vạn đến hàng triệu gia đình phải lâm vào cảnh đói nghèo, bệnh tật (trong đó nhiều người bị chất độc màu da cam, bom, mìn). Để khắc phục, trong hoà bình, trong những năm đổi mới, mặc dầu Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chính sách xoá đói giảm nghèo cho người đói nghèo, hộ đói, tính từ 1992 đến 1998 đã đầu tư gần 11.000 tỉ đồng và đầu tư chung để xây dựng 6 cơ sở hạ tầng cho xã nghèo, vệt nghèo là gấp đôi số đó [17]; và tính cho giai đoạn 2001-2005 để thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia XĐGN và việc làm là 22.580 tỉ đồng [33] nên đã *mang lại những kết quả đáng ghi nhận, hàng năm số hộ đói nghèo đã giảm xuống chừng 1,8 đến 2%*. Nhưng, nhìn chung hiện nay (2002), mức độ và tỉ lệ đói nghèo của Việt Nam vẫn còn cao và chưa bền vững so với yêu cầu. Trong đó hơn 90% hộ đói nghèo tập trung ở nông thôn - chuyên làm nông nghiệp. Đặc biệt ở vùng cao, sâu, xa và nơi có điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, thường bị thiên tai (bão, lụt, hạn,...) thì mức độ và diện đói nghèo còn gay gắt.

Thế mà, hiện nay :

Có một bộ phận hoạt động kinh doanh gặp những cơ hội thuận lợi hoặc ở các ngành phi nông nghiệp, ở đô thị, có đời sống khá giả, một phần là nhờ sản phẩm của nông dân, của lao động nữ nông nghiệp bao gồm cả của nông hộ đói nghèo sản xuất ra, bán với giá rẻ ngay sau khi thu hoạch, thậm chí bán cả lúa non,

lạc non, lại có cái nhìn người nông dân, người phụ nữ, trẻ em đói nghèo bằng con mắt lạnh lùng, khinh bỉ. Và cũng không ít người - kể cả các cán bộ đang có chức trọng, quyền cao - muốn hiểu rõ tình cảnh và nguyên nhân đói nghèo của họ nhưng không sao hiểu được cụ thể. Nếu chỉ "cưỡi ngựa xem hoa", thích nghe báo cáo "theo tai người nghe" và vì điều kiện hoặc không thể chịu gian khổ để thâm nhập đến các loại nông hộ, tìm hiểu cuộc sống của phụ nữ, trẻ em đói nghèo thì chẳng những ở nơi xa xôi, hẻo lánh, rừng sâu, núi cao vực thẳm, đảo xa mà ngay những nông hộ đói nghèo nhất ở cạnh các quốc lộ họ cũng không thể nào hiểu nổi.

Vì những lẽ đó, cái lẽ *"Mắt không nhìn thấy sự đời, trái tim không thể rụng rời đớn đau"* - chúng tôi xin cung cấp đến các đồng chí, các bạn quan tâm một số tình cảnh đói nghèo (để minh hoạ) dưới đây. Thiết nghĩ đó cũng là cơ sở để học, để rèn mình góp phần hiểu đúng về hộ đói, nghèo với nguyên nhân của nó để có giải pháp xoá đói giảm nghèo hữu hiệu cho những năm tới.

Hiểu đúng tình cảnh nông hộ đói nghèo tưởng chừng quá đơn giản, vì điều này chẳng những hàng ngày được nghe thông tin bằng miệng mà trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng đã có diễn đàn bàn đến. Nhưng vấn đề quả thật lại hết sức khó khăn, phức tạp.

Tôi vốn sinh ra, lớn lên và có may mắn là hầu như toàn bộ quá trình hoạt động công tác của mình luôn luôn gắn với nông thôn, nông nghiệp và bà con nông dân, nên cũng dễ sinh chủ quan về sự hiểu biết đó. Có một trong những lần tôi về một thôn lớn, nằm sát đường 5, cách Hà Nội chỉ có 30km để tìm hiểu những bước tiến thật đáng mừng trong nông thôn đổi mới với

những hộ còn đói nghèo - nơi quê ngoại của các các con tôi. Biết ý ấy, cậu tôi - một nhà trí thức, một cán bộ hoạt động cách mạng về hưu, bảo: "Cháu muốn hiểu cho đúng... cháu phải về nằm liền ở đây vài ba tháng, đến nửa năm, chứ dăm ba hôm thì chẳng ăn thua gì".

Nghe thế, tôi vẫn giữ thái độ bình tĩnh, vui vẻ tiếp thu. Nhưng bên trong còn ẩn giấu cái bệnh chủ quan cho rằng, mình vốn đã hiểu biết nhiều về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và lại có phương pháp tốt thì làm gì phải nằm lâu thế ?

Ấy vậy mà, riêng những đợt đi thực tế mới đây để tìm hiểu thêm và bổ sung những điều chưa biết đến, chưa hiểu đúng về tình cảnh đói nghèo với những nguyên nhân gần, xa của một số nông hộ ở năm bảy thôn nghèo, xóm vắng, để viết tác phẩm này thì mới thấm thía lời khuyên chí tình của cậu tôi !

Chuyến đi Đông Sơn (19 ngày) để làm nhiệm vụ này, tôi quyết định đến ăn ở liền trong nhà dân ở giữa một xóm nghèo (xóm 7 xã Đông Minh) và đã chuẩn bị tất cả những điều kiện vốn có để làm con em hoà mình vào cộng đồng nông dân nghèo khó *để học, để hiểu đúng về họ*. Cùng hợp tác với tôi còn có đồng chí xóm trưởng, chủ tịch Hội nông dân xã và một trong số cán bộ trong Ban xoá đói giảm nghèo của huyện tham gia. Thế mà, chúng tôi phải làm việc cật lực trong suốt 15 ngày đêm với những phương pháp nghiên cứu, tiếp cận tốt mới có thể bảo đảm đạt được kết quả hiểu gần đúng về họ. Được có 13 nông hộ: nên vẫn còn thòm thèm !

Do đó, trong cuốn sách này, ngoài những nguồn tư liệu vốn có hệ thống của chúng tôi, chúng tôi cũng thấy cần sử dụng một

số tư liệu khác đã công bố để góp phần minh hoạ về tình cảnh đói nghèo.

MINH HOẠ I.1 : NÔNG HỘ CHỊ LÊ THỊ DƯƠNG QUYẾT CHÍ VƯỢT ĐÓI NGHÈO

Nếu chưa một lần đến thì làm sao có thể thấy, nghe và biết được tình cảnh, ý chí quyết vượt đói nghèo của một trong những nông hộ, của một trong những người phụ nữ như chị Lê Thị Dương - người con gái của quê hương Bà Triệu (xóm 7, xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá) mà nhiều người trong chúng ta chưa biết đến.

Gia đình chị Lê Thị Dương là một gia đình nông dân nghèo: Cuối năm 1985, chồng phát bệnh, khi trên tay còn bế đứa con sơ sinh. Cuối năm 1987 anh chị lại có thêm cháu thứ hai nên một thân chị vừa phải sớm hôm trông nom mẹ già - mẹ liệt sĩ ở tuổi 80, vừa nuôi dạy 2 con thơ - biết đâu sắp thành mồ côi; vừa phải nhịn ăn nhịn mặc để khăn gói vào các bệnh viện nuôi chồng. Tính các đợt chữa bệnh của hai năm đầu bằng 6 tháng, tốn đến hơn 2 tấn thóc[1]. Thật là "hoạ vô đơn chí". Vậy mà chị đã gượng dậy từng bước vượt qua, vẫn chăm sóc được chồng, nuôi được con khoẻ, dạy con ngoan!

---

[1]. Biết rằng mẹ liệt sĩ có chính sách trợ cấp: tùng tiệm lắm thì cũng chỉ tạm đủ qua ngày của mẹ. Hai năm đầu, từng đợt đưa chồng đi bệnh viện chị phải theo nuôi. Từ khi chuyển đến bệnh viện Nội trợ (5/1987) thuộc Sở Lao động Thương binh xã hội Thanh Hoá thì bệnh viện miễn phí tất cả, chỉ còn chi mỗi khi đi thăm chồng và đưa chồng về thăm nhà.

Để vượt qua, chị phải lao động liên tục gần như suốt cả ngày đêm để có thu nhập. Có đêm chị chỉ ngủ được 2-3 tiếng, thậm chí nhiều đêm còn thức trắng để trông chồng, nuôi con.

Về tài năng lao động, chị chẳng những biết thâm canh sản xuất lúa, trồng rau màu vụ đông trên ruộng được chia 2500m^2, sản xuất mía xen rau trên 136m^2 đất mượn và thường chăn nuôi 2 lợn thịt với 3-5 gà đẻ, vịt thịt mà còn đi cày thuê mỗi vụ 1 mẫu.

Những ngày ngoài thời vụ, tính bằng 6 tháng trong năm, thì mỗi tối đến sau khi lo cho chồng (khi không ở bệnh viện), cho con lên giường ngủ và lợn, gà xong, chị mò đi cắt một gánh cỏ. Chừng 3 giờ sáng chị đã dậy lo sẵn mọi thứ cho chồng, con để đến 5 giờ sau khi cho lợn ăn và giao cho đứa con lớn mới lên 5, lên 6... ở nhà làm những việc chăm sóc em, lấy cơm rót nước cho bố, chị lại tranh thủ thời gian trên đường đi làm thuê cho chủ lò vôi gồng gánh 30kg cỏ (đã cắt trong đêm) đi bán cho những chủ có ngựa thồ, bò kéo, cách nhà 4km để kiếm 4-5 nghìn đồng, sau đó phải chạy cho kịp giờ đến làm thuê: vác đá vào, xúc vôi ra lò cho chủ lò vôi để có bữa cơm trưa đạm bạc của nhà chủ và kiếm được 7-8 nghìn đồng lo cái ăn cho chồng, con và vốn cho sản xuất. Dĩ nhiên là lúc hiểm nghèo, chị phải vay nợ nặng lãi. Song, với cường độ lao động bền bỉ và cần kiệm như trên, chị đã trả dần được nợ nặng lãi. Nhờ đó đến cuối năm 1997, chị chỉ còn nợ tư nhân 400 nghìn đồng, với lãi suất 2,5% tháng. Đến tháng 5 năm 1998, chị được Ngân hàng Phục vụ Người nghèo (NHNg) cho vay 1 triệu, lãi suất 0,8% tháng, trong 36 tháng, cộng với tiền bán lợn và số dư của tiền bán trâu mua bò cái tơ, chị quyết định dựng cái bếp nhỏ, xây thêm chuồng, làm thêm nghề nấu rượu gạo, lấy

bã (bỗng) rượu mở rộng chăn nuôi 1 lợn nái và 6 lợn thịt - thay cho việc đi làm thuê cho chủ lò vôi với tiền công rẻ mạt và lại độc hại.

Thêm vào đó, khi làm ăn dành dụm được chút ít tiền, chị còn biết tính toán dùng tiền đó mua một ít mặt hàng dân dụng, các ngày lễ, ngày tết, để các cháu bán cho bà con trong xóm ngay tại nhà, cũng kiếm thêm được một khoản thu nhập.

Chúng tôi cũng đã cùng chị thử tính lập kế hoạch làm ăn trong những năm tới. Chị muốn được vay thêm một triệu đồng nữa của Ngân hàng phục vụ người nghèo để mở rộng sản xuất. Nếu được đáp ứng chắc chắn sau 1-2 năm tới gia đình chị sẽ vượt qua cảnh đói nghèo một cách bền vững, là một thực tế thật đáng trân trọng !

Trên đây là những kết quả vượt đói nghèo của chị mà cũng là những bài học vô cùng quý giá của chúng tôi.

Bài học ở chị mà chúng tôi có thể rút ra được là chị có bốn cái "có" :

- Có sức lao động dẻo dai.
- Có học vấn khá (lớp 7/10) và biết tính toán giỏi.
- Có ý chí và hành động quyết vượt đói nghèo để khỏi xấu hổ.
- Có đức tính tốt, được mọi người yêu mến.

Chính bốn cái "có" đó tác động lẫn nhau hợp thành nội lực để chị vượt qua đói nghèo.

Ra về, chúng tôi cảm phục vì chị đã cho chúng tôi những bài học vô cùng quý giá và cũng còn lắm điều suy nghĩ.

Trả lời câu hỏi:

- Chị có đề nghị gì không ? Chị nói :

- Ngoài việc xin vay thêm Ngân hàng phục vụ người nghèo 1 triệu đồng nữa, tôi đề nghị :

Miễn học phí cho các cháu con nhà nghèo.
Nhà nước miễn giảm các khoản đóng góp về mặt xã hội cho hộ nghèo.
Xã miễn các khoản đóng góp về xây dựng trường, đường, y tế cộng đồng... cho hộ đói nghèo.
Cho gia đình tôi được nhận một khoản tiền trợ cấp xã hội khi chồng tôi về thăm nhà 1-2 tháng/năm.

MINH HOẠ I.2 : ĐÓI KINH NIÊN CỦA NÔNG HỘ BÀ B CHƯA GIẢM

Ở giữa tiểu vùng chuyên môn hoá sản xuất lúa có hệ thống nước tưới sông Chu từ đập Bái Thượng nổi tiếng chảy về, từ 1996 đã có chương trình và nhiều chính sách để cơ bản xoá nạn đói trong vài ba năm, mà cái đói triền miên còn bám chặt trong nhiều nhà nông (như nhà bà B) thì lạ thật ! Khó mà tin, nếu không một, hai lần đến tận nhà để vừa thấy, vừa nghe và tìm hiểu cặn kẽ.

Ngoài cán bộ ở xã, tôi là người ở xa mới đến, không khỏi ngạc nhiên và đau xót khi nhìn thấy cảnh sân nhà bùn lầy ẩm thấp với cái nhà tranh xiêu vẹo, trống trải, sắp đổ mất rồi ! Năm đứa trẻ thơ bé dại, quần áo cũ rách, thân hình gầy gò, đang ở trạng

thái suy dinh dưỡng nặng, xúm quanh mẹ và bà ngoại ngay trên chiếc giường ọp ẹp !

Tôi đi quanh nhà, chui vào xó bếp, rồi xin phép vào cả cái buồng rách trong nhà thì không tìm thấy thóc, gạo (vì đã hết ăn lâu rồi). Không có gì đáng giá để bán được vài chục ngàn đồng, ngoài một chiếc giường một, một sào quần áo rách, vài ba cái nồi. Tôi hỏi :

- Để lập kế hoạch làm ăn tự xoá đói giảm nghèo trong vài ba năm tới thì nhà bà có những nguồn lực chủ yếu gì và đang sản xuất được những gì ?

- Nhà tôi thì đông người, có đến 6 con gái 1 con trai, nhưng quá đói nghèo từ xa xưa nên cả nhà đều mù chữ. Có cô con gái út 9 tuổi chỉ mới học được lớp một. Chồng tôi chết năm 1995, hai cô con gái thì đi "đó đây", không có địa chỉ. Hiện nay, nông hộ tôi (không kể vợ chồng cố thứ năm và 3 cháu ngoại) có 4 nhân khẩu mà chỉ có tôi (54 tuổi) là lao động chính, làm 2 sào 3 thước (1.100m^2) với vài cái liềm, cuốc thô sơ lạc hậu và không có tiền mua đủ phân bón, giống mới, nên năng suất lúa thấp, hàng năm nếu không mất mùa thì sau khi trừ các khoản phải chi, quy ra thóc (248kg) chỉ còn được chừng 312kg. Như vậy bình quân 6,5kg thóc cho mỗi người (312: 4: 12) *tương đương 4 kg gạo/người/tháng.*

- Vậy bà làm sao để sống ?

- Những ngày thời vụ, tôi đi cắt cỏ một buổi, một buổi gánh đi bán cho chủ xe ngựa ở Đông Tân - cách nhà 4 km, được chừng 3000đ/gánh 20kg cỏ. Cả năm cũng chỉ kiếm được 100.000 đồng.

Năm 1996 mất trắng vụ lúa mùa (do ngập lụt)[1], tôi phải bán 200m² ao liền nhà được 50 nghìn đồng/năm và đã bán 2 năm rồi. Nhưng cũng chẳng đủ rau cháo nên từ tháng 2/1995 đến nay đã phải vay hết 2,6 triệu đồng, trong đó vay của tư nhân đến 2,1 triệu, phải trả lãi cao 5%/tháng, còn vay của Ngân hàng phục vụ người nghèo chỉ 500 nghìn đồng với lãi suất 1,2%/tháng, từ tháng 7/1996.

- Tại sao bà chỉ làm có 2 sào 3 thước ruộng ?

- Lúc chia ruộng, theo luật 1993, gia đình tôi (cháu gái thứ ba, bị người ta lừa bán đi Trung Quốc từ năm 1991) không được tính. Lẽ ra còn 7 nhân khẩu được tính, chia mỗi người một sào; thì được 7 sào (3500m²). Nhưng mới được chia có 4 sào 3 thước, còn 2 sào 7 thước không được chia với lí do tôi còn nợ sản phẩm khoán của hợp tác xã cũ là 665,5kg thóc.

"Sau khi có chỉ thị 117 của UBND tỉnh (phải trả lại mặt bằng ruộng đất cho nông hộ đói nghèo có nợ sản phẩm theo bình quân của xã) thì nhà tôi lẽ ra được trả 2 sào 7 thước, nhưng xã nói cháu Đỗ Văn Trung là cháu ngoại của tôi không được tính vì không khai sinh ở đây. (Mặc dầu bố mẹ cháu bỏ nhau từ khi con gái tôi

---

[1]. Do kênh Tiêu Cầu Ê Trường Tế (thuộc tỉnh quản lí) không được nạo vét nên có đến 80% diện tích lúa mùa 1996 của xã Đông Minh bị ngập 12 - 15 ngày, lúa mất trắng.
Đến vụ mùa 1998 lúa Đông Minh bị hạn nặng do kênh tưới 216A và kênh tưới B2510 chưa được Công ti Thuỷ nông Sông Chu bê tông hoá đến Đông Minh nên nông dân tự đào lấy nước, nước rò rỉ quá nhiều, không về đến Đông Minh. Do đó ruộng lúa của hộ đói nghèo cũng thất thu.

mới mang thai cháu, chồng nó ở xã Đông Hoà, nhưng nó trở về sinh cháu tại nhà tôi từ 1989, và từ đó đến nay tôi phải nuôi cháu. Bố cháu lấy vợ khác, không nhìn con và đã chết, còn mẹ cháu thì cũng từ đó đi "đó đây" không địa chỉ). Thế là, xã nói chỉ còn thiếu 1 sào 7 thước và năm ngoái xã trả bằng 2 mảnh ruộng xa, xấu nên tôi không nhận".

"Cần nói rõ thêm là con gái thứ năm của tôi lấy chồng trên Vĩnh Phú (cũ), nhưng trên đó làm ăn cũng khó khăn nên vợ chồng bế 3 con nhỏ về nương náu trong cái nhà rách của tôi đây. Chúng nó ăn riêng, chồng đi làm thuê, vợ ở nhà nuôi 3 đứa con và tôi giao lại suất ruộng 1 sào của nó để nó làm".

"Nhà tôi đói quá nên trước và sau khi chồng ốm, chết, tôi không vay mượn đâu được nữa, đành phải bán 12 thước ruộng, được 100 nghìn đồng và giao hẹn là sau 5 vụ (1995 - 10/1997) người mua phải trả lại ruộng cho tôi. Thế mà nhà giàu mua ruộng ức hiếp bắt tôi phải trả cho họ 50 nghìn đồng thì mới trả lại ruộng. Cũng từ ngày ấy tôi còn phải bán lâu dài 1 sào 3 thước (600m^2) ruộng lúa với giá 600.000 đồng. Do đó số ruộng còn lại cộng với ruộng phần trăm để sản xuất hiện nay chỉ có là 2 sào 3 thước".

Nghe bà kể xong, riêng vấn đề ruộng đất, chúng tôi đã đề nghị với xã :

- Xã tìm cách trả lại "mặt bằng" - 1 sào 7 thước ruộng còn thiếu, với chất lượng hợp lí cho bà.

- Đề nghị Ngân hàng phục vụ người nghèo cho vay tiền để chuộc lại 1 sào 3 thước ruộng và 200m^2 ao.

- Xã cần liên hệ với xã Đông Hoà để biết và bàn cách giải quyết phần ruộng cho cháu Đỗ Văn Trung.

Mới qua nghiên cứu tình trạng đói nghèo của gia đình bà cũng đã cho chúng ta thấy được 24 mối quan hệ tác động đến đói nghèo ngày càng lồng ghép vào nhau rất chặt chẽ thành những mắt xích móc nối nhau như *hình I-1* (trang 48).

MINH HOẠ I.3 : NHỮNG QUYẾT TÂM LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, ĐỂ GIẢM NGHÈO CỦA NÔNG HỘ BÁC LÊ CÒN LẮM GIAN TRUÂN

Huyện Kỳ Anh có tiếng là nơi thực hiện xoá đói giảm nghèo tốt. Tôi đã đến để tìm hiểu, để tận mắt nhìn thấy mối quan hệ tương tác chung-riêng, nhất là học hỏi cách làm ăn xoá đói giảm nghèo tiến lên làm giàu của một số nông hộ thuộc các nhóm có hoàn cảnh, có nghề nghiệp nông, lâm, ngư, dịch vụ khác nhau (như bác Lê Bình, chị Thừa, bác Liên, chị Lý, anh Lan, anh Tình, bác Lai, anh Tùng, anh Huận, chị Can, anh Lực, chị Bích,...) ở xã Kỳ Phương, nơi đất nghèo có tiếng, thiên nhiên khắc nghiệt.

Song ở đây không thể viết tất cả (vì khuôn khổ cuốn sách), chỉ minh hoạ một nông hộ, sao cho về cơ bản có thể phản ánh rõ sự quyết tâm lao động sản xuất của nông hộ để tự xoá đói giảm nghèo nhưng vẫn còn lắm gian truân; và qua đó, trong chừng mực nhất định, có thể biết được vai trò của một số chính sách. Vậy, chúng ta hãy minh hoạ bằng nông hộ bác Lê (5/1998).

• *Về lao động bao gồm số lượng và chất lượng :*

Gia đình bác có hai vợ chồng và 4 con : Bác trai : 64 tuổi, chuyên nông, mù chữ, sức khoẻ vẫn còn lao động tốt. Bác gái : 54 tuổi, làm nông, lớp 3/10, có bệnh suyễn (nhưng chưa được cấp sổ bảo hiểm y tế).

Con : Lê An 26 tuổi, làm nông, lớp 3/10, sức khoẻ tốt, nhưng nhà được giao ruộng ít, thiếu việc làm, đói, phải lên Gia Lai làm thuê từ cuối năm 1995.

Con : Lê Thị Toàn 24 tuổi, làm nông, lớp 4/10, mới có chồng.

Con : Lê Hoàn 17 tuổi, sức khoẻ tốt, lớp 4/12, nhưng không có tiền đóng học phí đành phải thôi học, ở nhà tham gia làm ruộng, ngoài thời vụ đi làm thuê bốc vác đá, sỏi lên xe công nông, ngày công được 5.000 đồng.

Con: Lê Hào 10 tuổi, học xong lớp 4/12 và đang lo không có tiền đóng học phí sẽ không được học.

• *Về ruộng đất và công cụ lao động:*

Ruộng đất được xã giao quyền sử dụng là 4,5 sào (2250m^2) cho 3/6 khẩu, bằng 50%. Còn 3 sào bị xã rút do nợ sản phẩm của hợp tác xã từ trước năm 1988 và 1,5 sào bị trừ phần con thứ tư (sinh sau mốc - tháng 1 năm 1986) là khẩu quá mốc không được chia ruộng, theo quy định của địa phương (!?).

Để tự tạo việc làm, bác đã làm đơn xin khai hoang 8 sào (4000m^2) đất đồi trọc, cách nhà hơn 2km để lập vườn đồi. Nhưng không vay được vốn của chương trình dự án nào (như việc làm,

kinh tế gò, đồi...) nên từ đầu năm nay bác đến dựng chòi làm chỗ ăn, ở và quyết tâm dùng sức lao động, công cụ thủ công: dao, rựa, cuốc và một bò cày để khai hoang suốt ngày đêm và đã kịp trồng 1500m² lạc xuân và 500m² sắn củ [1]. Còn 2000m² nữa, không vay được vốn, thuê máy cày khai hoang, bác sẽ gắng sức khai hoang theo cách đã làm để năm sau trồng lạc, sắn và sẽ trồng dứa, chè, mít...

• *Về vốn sản xuất và kết quả thu nhập :*

Vốn sản xuất đối với gia đình bác thật hết sức khó khăn nhưng chỉ mới được Hội Phụ nữ cho vay 150 nghìn đồng để nuôi một con lợn thịt (từ tháng 9/1997 đến tháng 6/1998 phải trả) với lãi suất 2% tháng.

Các loại vốn khác họ không cho vay, vì họ sợ không có trả (!?).

Không có vốn nên không có điều kiện thâm canh cây trồng trên ruộng đất xấu, bạc màu, chua mặn.... nên năng suất thấp, chỉ có 100kg thóc/sào (500m²), 40-50kg lạc vỏ/ sào, *bằng 1/3-1/2* so với ruộng đất có điều kiện thâm canh. Do đó thu nhập thóc lương thực mỗi năm chỉ được 300kg (sau khi trừ các khoản thóc giống, một ít phân, thuế và các khoản phải nộp theo đầu sào cho 4,5 sào

---

[1]. Do không được hướng dẫn cách làm đất, trồng cây trên đất gò đồi, nên bác làm luống dọc theo sườn đồi (kiểu mái nhà) để trồng sắn. Cách làm đó đã tạo thành những dòng chảy mạnh làm cho đất bị rửa trôi, xói mòn tăng lên. Mong rằng tổ chức nhận dự án kinh tế gò đồi và khuyến nông cần sớm hướng dẫn đối với bác Lê cũng như những nông hộ khác.

của 2 vụ, mà chủ yếu là vụ lúa chiêm - xuân, còn vụ mùa thì thường là có sản xuất mà không có thu hoạch[1] cho 4 người ăn trong năm (trừ một con đã đi lấy chồng, 1 con đi làm án ở xa), hàng năm phải thiếu đến 8 tháng ăn.

Còn 2 sào đất vườn nhà là sỏi đá, bạc màu mới được xã giao và chuyển nhà từ thôn khác đến theo dự án chuyển cư và ổn định tái định cư của Trung ương và Tỉnh (Hội làm vườn của TW và tỉnh làm chủ quản), nhưng không vay được tiền của dự án và cũng không được hướng dẫn để cải tạo vườn tạp nên chưa tìm được cây kinh tế gì thích hợp để trồng. Năm nay, trong vườn nhà có trồng 1 sào lạc cộng với 3 sào lạc nơi đất đồi mới khai hoang, nhưng không có tiền mua phân để bón nên rất ít củ, may ra sẽ được gần 2 tạ, ước bán được chừng 600 nghìn đồng. Nhưng để có cái ăn tiếp tục khai hoang, sản xuất nên đã vay trước tiền của người buôn lạc là 600 nghìn đồng. Dĩ nhiên là phải bán cho họ với giá rẻ. Mỗi năm cố gắng lắm mới nuôi được một con lợn thịt 50kg, bán được chừng 400 nghìn đồng. Trừ tiền mua con giống và một ít thức ăn, còn thu nhập được chừng gần hai trăm nghìn với một ít phân bón. Vì vậy, đói quá nên phải vay của tư nhân 500 nghìn đồng với lãi suất cao là 3,5%/tháng. Trong khi đó nhà dột, tường đất, cột xiêu sắp sập mất rồi nếu có cơn gió ập đến! Còn tư trang trong nhà, chỉ có tấm ván làm phản nằm, một rương đựng thóc nhưng không có thóc, một chăn chiên và một số quần áo cũ rách. Cuối cùng, hai bác thật thà đề nghị:

---

(1). Vì cả cánh đồng trồng 300 ha ruộng lúa của xã nằm gọn trong dự án "Đắp đê ngăn mặn, đập Đông Quần từ 5-7km, hệ thống kênh mương tưới tiêu, thau chua rửa mặn,..." nhưng chưa được triển khai.

Mong sao được Ngân hàng phục vụ người nghèo cho vay 5 triệu đồng với lãi suất thấp để có:

- Hai triệu cho sửa chữa nhà dột, sắp đổ để có chỗ nương thân lúc nắng, mưa.

- Ba triệu dùng cho sản xuất, trong đó:

+ Dùng 1 triệu để mua bò cái tơ 2 năm tuổi để nuôi thành bò đẻ, phát triển bò thịt trên vườn đồi (kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, bố trí kết hợp một người vừa chăn giữ bò vừa quản lí vườn đồi).

+ Dùng 1 triệu đồng để trồng cây ăn quả: na, dứa, chuối, đu đủ, chè xanh và mít xung quanh vườn đồi gắn với cải tạo đất bạc màu, chống xói mòn (có độ dốc từ 4 độ đến 20 độ) theo hướng thâm canh từ đầu.

+ Dùng 1 triệu đồng để cải tạo vườn tạp (nơi mới định cư) và phát triển chăn nuôi lợn.

Thiết nghĩ để lập kế hoạch làm ăn, phát triển sản xuất, tự xoá đói giảm nghèo và tiến lên xoá nghèo bền vững như tình cảnh và chí quyết tâm của gia đình bác Lê đã được minh hoạ ở trên là một thực tế, giúp ta nhiều suy ngẫm. Đặc biệt là suy ngẫm về một hệ thống chính sách đã có. Nó đã đưa đến cho gia đình bác - cũng như bao gia đình đói nghèo khác - những quyền lợi gì ? Và chúng ta đã làm sai những gì ? Viết tới đây, tôi tự cảm thấy mình cũng có tội với bà con nông dân đang còn quá đói nghèo; và đề nghị của bác Lê là rất đáng suy ngẫm để xem xét giải quyết.

Tin rằng, nếu các chính sách xoá đói giảm nghèo được thực hiện tốt, bác Lê được hướng dẫn kế hoạch làm ăn có khoa học.

theo quy trình công nghệ tiến bộ phù hợp với cây trồng, vật nuôi trong hệ sinh thái kinh tế-tự nhiên ở đây thì chắc chắn rằng bác sẽ vượt qua gian truân trên con đường xoá đói giảm nghèo và sẽ xoá nghèo bền vững để từng bước tiến lên khá giả.

MINH HOẠ I.4 : THANH SƠN ĐÓI *

Mới đặt chân đến huyện miền núi Thanh Sơn (Phú Thọ), tôi được ông trưởng Phòng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn và bà Chủ tịch Hội Nông dân huyện cung cấp một tin không mấy vui: Ở thời điểm này, toàn huyện có tới 4.255 hộ, với 21.394 nhân khẩu trong tổng số 29.702 hộ nông dân bị đói lúc giáp hạt; trong đó có 2.196 hộ, với 11.209 nhân khẩu đang thuộc diện đói, không còn khả năng lo lương thực, nên đã bị đứt bữa, 5 xã vùng cao, cùng 28 xóm lao động của đồng bào dân tộc là nơi bị đói gay gắt nhất. Xóm Hà Thạch, cớ 30 hộ trong tổng số 71 hộ, hiện cháo sắn cũng không có đủ ăn! Tôi hết sức sửng sốt, vì mấy vụ nay Thanh Sơn không bị mất mùa, cớ sao giáp hạt này lại đói và diễn ra trên bình diện rộng như vậy ? Bởi thế cho nên tôi quyết định xuống dân để rõ thực hư và thử tìm lời giải đáp.

Nhà đầu tiên tôi ghé thăm là gia đình anh Đinh Hữu Án ở thôn Đồng Cốc. Tôi không dám tin vào mắt mình khi nhìn thấy cái gọi là nhà của gia đình anh. Trông nó chỉ rộng hơn túp lều vịt ở quê tôi, còn cũng tuềnh toàng, xiêu vẹo như thế. Nhìn sang các

---

*. *Phóng sự của* **Tiến Thắng**. Trích, NNVN 2 - 5/4/1998, L.T

nhà hàng xóm ở trong thôn cũng chẳng khác gì. Đã gần 6 giờ tối, đêm miền núi bắt đầu ập xuống, nhưng bếp nhà anh nguội ngắt. Tôi ái ngại hỏi: "Sao chưa chuẩn bị bữa tối à ?". Khuôn mặt hốc hác bỗng trầm xuống, anh đáp: "Chả giấu gì các bác, còn phải đợi nhà em và các cháu đi rừng về xem có tiền đong gạo không ?". Gia đình anh đã bị đứt bữa gần hai tháng nay. Trong nhà, ngoài vườn không còn một cái gì có thể bán được để mua lương thực, nên vợ chồng anh cùng ba cháu nhỏ phải lên rừng lấy củi, khai thác vầu, nứa, làm dăm giấy sợi bán. Mỗi ngày đi rừng từ tinh mơ đến tối mịt cũng kiếm được 15.000-20.000đ, song rất thất thường, vì kiếm lâm bắt gắt lắm. Bởi thế cho nên, hôm nào kiếm được thì nổi lửa, còn không thì... Ở thôn Đồng Cốc và vài thôn lân cận, mỗi thôn có vài chục nóc nhà, giáp hạt này nhà nào cũng vậy (...).

Trước lúc tôi ra về, ông chánh văn phòng UBND huyện thông báo một tin vui: Trước thực trạng cái đói tháng ba đang hoành hành ở Thanh Sơn, UBND tỉnh Phú Thọ đã quyết định cứu trợ khẩn cấp cho 967 hộ thuộc diện đói gay gắt ở 5 xã vùng cao và 28 xóm lao động của đồng bào dân tộc với mức 200–300 nghìn đồng một hộ và cho các hộ vay 310 triệu đồng không tính lãi để phát triển sản xuất, giải quyết lương thực tại chỗ trong các vụ tới.

Dẫu đây chỉ là giải pháp tình thế, song cũng làm vơi đi cái đói lúc giáp hạt của người dân.

Tin rằng với quyết tâm cao và bằng nhiều biện pháp hữu hiệu của lãnh đạo tỉnh, huyện, xã với sự nỗ lực của 21 dân tộc anh em chung sống trên đất Thanh Sơn sẽ hợp lực tiến công- đẩy lùi đói nghèo trong những năm tháng tới và nhất định sẽ tiến lên khá, giàu.

MINH HOẠ I.5 : ĐÓI NGHÈO Ở PHÚ MÃN *

Xã Phú Mãn huyện Quốc Oai (Hà Tây) chỉ cách đường quốc lộ Xuân Mai 5km đi sâu vào chân núi Vua Bà. Tuy là xã miền núi nhưng vẫn có đường ô tô vào đến các thôn bản. Đi xe máy dọc đường vào xã cũng thấy nhiều nhà ngói, vườn cây. Nghe ông Bùi Văn Tặng chủ tịch xã Phú Mãn cho hay 76% số hộ trong xã hiện giờ không còn thóc gạo ăn, tôi không tin.

Gửi xe máy ở xóm Trán Voi, chúng tôi đi bộ hơn 3km đến thôn Làng Trên - một thôn nghèo nhất xã, đa số nhà dân ở đây tranh tre vách đất lụp xụp. Thôn Làng Trên và thôn Đồng Vỡ vào thời điểm này có tới 97-98% số hộ thiếu ăn, trong nhà, ngoài vườn không có gì xoay xở ra tiền, chỉ còn cách vào rừng lấy củi bán.

Chúng tôi đến nhà ông Bùi Văn Mua 58 tuổi, nhà của ông khá hơn nhà "chị Dậu" một chút bởi tường được xây bằng đất đá hộc dưới chân núi, chủ nhà nhặt về xây bằng vữa bùn, mái gianh dột nhìn thấy trời, nắng mưa thả sức vào nhà. Vợ ông Mua đã mất, những người con lớn ở riêng, nhà chỉ có 3 bố con, người con lớn đi làm thuê bên bãi đá Hoà Thạch, đứa nhỏ học phổ thông. Ông cấy 3 sào ruộng, mùa vừa qua được 3 tạ thóc. Gia đình ông năm nào cũng thiếu đói như thế, phải sống nhờ đi lấy củi tới 8-9 tháng một năm. Hộ anh Bùi Văn Bịp cũng tranh tre vách đất xiêu vẹo. Anh là người nơi khác đến ở rể, hai vợ chồng và hai con nhỏ

---

*. **Nghiêm Thị Hằng**. Trích, NNVN 7 - 10/5/1998, L.T

chỉ có một suất ruộng cấy, thóc ăn không đủ 3 tháng, còn thì chồng làm thuê, vợ lấy củi, họ vác rá đi đong gạo, vay gạo quanh năm.

Qua nhà bà Đinh Thị Lân 58 tuổi, một gia cảnh cố cùng ở thôn Trán Voi. Nhà ở của bà là 3 gian nhà tre, tường thủng, mái gianh dột nát dặm dụi đầy mo cau, giấy dầu mà trong nhà vẫn trông thấy trời xanh.

Chủ nhà phân bua về sự nghèo đói của gia đình: Nhà tôi 7 người chỉ có 4 sào ruộng vì phải trả hợp tác xã mất mấy sao do thiếu thuế, thiếu sản phẩm. Năm ngoái lúa gặt về trả nợ rồi chỉ ăn được 1 tháng, từ bấy đến nay cả nhà phải đi lấy củi. Đời tôi lấy củi đến già, giờ lại đến lượt các con. Củi kiếm bây giờ không dễ, rừng gần đã đốn hết, phải vào sâu. Một gánh củi cũng chỉ bán được 8-10 ngàn đồng đong gạo, cũng may, nhờ thế mà chúng tôi chưa chết đói.

Tôi nhìn mái nhà dột nát ái ngại hỏi:

- Bao giờ nhà ta sửa lại nhà ?

- Gạo chẳng có ăn, lấy gì mà sửa nhà, cứ ở vậy thôi.

Trở lại UBND xã, ông chủ tịch xã cho biết: số gia đình làm kinh tế khá không nhiều, nhưng thực hiện sinh đẻ có kế hoạch thì cả xã đều khá, tỉ lệ phát triển dân số đạt 1,5%. Anh nói vui: Đói dài thế này mà đẻ nhiều, rồi núi Vua Bà cũng nhẵn cây nhẵn cỏ, chẳng thể cứu nổi dân đâu. Thiếu đói là vậy, danh sách đã kê khai rồi, dân đang đứt bữa chờ mong cứu trợ của Nhà nước chẳng khác gì đồng hạn mong mưa...

Thế mới biết, xoá đói giảm nghèo là một công cuộc gian khổ đòi hỏi phải mất nhiều năm tháng.

MINH HOẠ I.6 : KRÔNG PA- NHỮNG NGÀY THIẾU ĐÓI *

Dưới cái nắng như thiêu như đốt, tôi đến với những xã bị đói nghiêm trọng. Tại xã laM'lá, phó chủ tịch Rơo Rơlênh cho biết: Cả xã có 288/409 (70,4%) hộ bị đói, mất trắng 70% diện tích cây nông nghiệp vụ Đông Xuân vừa qua Hiện tại bà con đang chờ mưa để trỉa lúa và 6 tháng nữa mới được ăn hạt gạo của vụ mùa. Vậy từ nay đến cuối năm, bà con ăn gì để sống ?

Tôi đến gia đình anh Rơo LanMinh và chị Ksor H'Đoa ở buôn Chinh Đơn, anh chị có 4 con: con gái lớn 12 tuổi, con trai út tròn 1 năm. Đã hơn sáu giờ chiều mà các vị "táo quân" đang run lên cầm cập vì lạnh, bếp chưa được nổi lửa (mà nổi lửa thì để nấu cái gì đây ?). Căn nhà 10m² rách nát với 6 con người mà trống vắng đến lạ thường. Trong nhà chẳng có gì để đem ra bán: lủng lẳng vài quả bầu khô trên vách, dăm quả bắp (có lẽ là bắp giống) treo trên gác bếp, can nhựa đựng nước, mấy tấm áo quần (tạm gọi là áo quần) thì rách nát, vài cái nồi không chỏng chơ, buồn bã... Anh Minh bị loét dạ dày rất nặng, chỉ ở nhà trông ba đứa con nhỏ. Con bé gái H'Lan thì theo mẹ vào rừng đào củ mài "Vợ tao nó vào rừng từ sáng, giờ chưa thấy về", anh Minh nói với tôi như vậy. Vừa dứt lời thì chị H'Đoa về. Chiếc gùi nặng nề đè

---

*. *Phóng sự của* **Trần Đăng Lâm**. Trích, NNVN 9 - 12/7/1998, L.T

lên tấm lưng gầy guộc như muốn dính sát vào cầu thang sàn nhà. Tưởng nặng, tôi chạy ra đỡ nhưng đếm đi đếm lại, trong gùi không quá 7 củ mài (đến nay tôi mới được biết củ mài). Ba đứa nhỏ, mỗi đứa chia nhau một củ chạy vào nhà. Chị H'Đoa bế đứa bé nhất cho bú trước mặt khách. Người Tây Nguyên có câu: "Tốt khoe, xấu che". Phải chăng chị đang khoe cái bộ ngực lép xẹp của mình ? Còn thằng bé, chẳng biết nó có tìm được gì trong bộ ngực cằn khô ấy không ? Tôi bật diêm cho anh Minh nhóm bếp rồi chào anh chị ra về, không dám chia sẻ một lời động viên. Chúng tôi lại đến một vài nhà khác, tất cả đều như vậy.

Quay về huyện, tôi nhận được một tin vui: Mới đây, tỉnh đã hỗ trợ 217 triệu đồng cho huyện, giúp đồng bào tạm thời giải quyết cái đói trước mắt để yên tâm sản xuất vụ mùa.

Những "bữa cơm" với củ mài, củ khoai của người Krông Pa cứ ám ảnh tôi suốt tuyến đường trở về Pleiku (...). Tôi thấy mình có tội với người dân Krông Pa.

MINH HOẠ I.7 : NƠI CÁI ĐÓI NGHÈO BÁM MÃI *

Những ngày cuối tháng 4 đầu tháng 5 nắng nóng, khô hạn, tôi có dịp đi cùng cán bộ của Công ti Chế biến - Kinh doanh lương thực, thực phẩm Đồng Nai đến một số vùng sâu, xa, khu căn cứ kháng chiến cũ, vùng dân tộc ít người thuộc tỉnh Đồng Nai.

---

*. *Phóng sự của* **Nguyễn Lê**. Trích. NNVN: 1 - 3/6/1998. L.T

(...) Chúng tôi đến xã Xuân Hưng (Xuân Lộc).

Xuân Hưng tuy không phải là xã vùng sâu, nhưng là xã vùng xa của tỉnh Đồng Nai. Xã có diện tích tự nhiên 10.048 ha, trong đó có đất nông nghiệp 1800ha, nhưng chỉ có 420 ha đất trồng lúa một vụ, trông chờ vào nước trời, năng suất thấp, bình quân đạt 15-18 tạ/ha.

... Trên đường đến Ấp 4, một trong hai ấp nghèo nhất trên tổng số 5 ấp của xã, phó công an xã cho biết: từ Tết Nguyên đán đến nay, công an xã đã cấp giấy tạm vắng cho 700 lượt người đi kiếm việc làm ở Biên Hoà và TP. Hồ Chí Minh... Còn những người ở nhà phải ra đồng lượm phân bò để bán. Mỗi ngày kiếm được chừng 3 bao (mỗi bao 50kg), bán được 4-5 nghìn đồng một bao. Nhưng phân bò lượm mãi cũng không còn.

Gia đình chị Xa Lay Mách có 5 nhân khẩu: hai vợ chồng và 3 đứa con, đứa lớn 11 tuổi, đứa nhỏ lên 3. Nhà không ruộng làm. Vợ chồng phải làm mướn làm thuê. Được bữa nào xào bữa đó. Nhìn căn nhà một gian, dột nát, xiêu vẹo, trống truếnh trước sau. Trong nhà không một vật gì dùng đáng giá, chỉ có 2 cái gọi là giường gỗ long mộng, chiếc mùng lưới bạc phếch, lỗ chỗ và hoen khói bụi, một mớ quần áo các kiểu ngổn ngang trên giường.

- Chồng chị đi đâu ? - Tôi hỏi.

- Anh đi dọn cỏ mướn. Ai mướn gì thì làm. Ngày trả công 15-17 ngàn đồng. Ngày nào không ai mướn cơ cực lắm, cán bộ ơi: Cái nhà em chỉ cần khoảng 200 ngàn đồng để lợp lại mà 3, 4 năm nay vẫn không kiếm nổi...

Đứa con gái 3 tuổi của chị thân hình gầy gò, mặt mày lem luốc, ngồi trong lòng mẹ lấm lét nhìn chúng tôi, có lẽ đây là lần đầu tiên nhà có nhiều khách lạ đến hỏi thăm !

Ờ ! Sao mà cảnh đời còn nhiều bất công với cả những đứa trẻ !?

Gia đình anh Yhanes, một vợ 5 con. Thấy chúng tôi đến, anh dừng tay đưa võng cho con.

- Bữa nay anh không đi làm à ?

- Không. Đã 6 năm nay tôi phải ở nhà trông cháu. Cháu bị bệnh tim bẩm sinh. Bác sĩ bảo phải mổ. Nhưng lấy đâu ra tiền mà mổ. Đến miếng cơm ngày hai bữa còn không kiếm đủ ăn...

Nhìn đứa bé 6 tuổi mà chỉ bằng đứa trẻ lên 3, nằm bất động trên võng, giương cặp mắt lờ đờ, bệnh hoạn nhìn khách, tôi thấy thật ái ngại.

- Chính quyền không quan tâm đến các hộ này sao ?

- Có chứ. Gia đình tôi thuộc diện trợ cấp thường xuyên của xã. Ngoài ra, trước đây hợp tác xã còn cho nuôi bò. Nhưng được vài ba tháng, khó khăn quá, nên bán mất rồi. Bò trị giá 1,5 triệu bán được 800 ngàn đồng.

Trưởng ấp Lê Văn Nết giải thích: Nhà nước phân cho dân Ấp 4 nuôi 100 con bò (theo Dự án 61). Nay còn 7-8 con, vì người nuôi túng quá bán hết. Dân tộc chúng tôi không được như người Kinh. Họ thiếu tính năng động, lại nặng nề về tính quần thể. Họ khó thích nghi trước hoàn cảnh thay đổi... Ấp tôi còn nhiều gia đình thương tâm như gia đình mà các anh đã đến. Cả ấp có hơn

320 hộ dân tộc Chăm và Stiêng thì đã có 154 hộ nghèo khổ, 32 hộ đói...

Được biết chương trình 135 sẽ triển khai đến xã. Và trước mắt, cuối năm 1998, khi hoàn thành dự án đập nước Yana thì sản xuất nông-lâm xã Xuân Hưng sẽ phát triển, phần lớn nông hộ nếu được hướng dẫn lập kế hoạch làm ăn thì sẽ thoát đói nghèo; một số có điều kiện sẽ giàu lên. Vì tiềm năng đất ở đây còn nhiều.

MINH HOẠ I.8 : ĐẤT NGHÈO NUÔI NHỮNG NGƯỜI NGHÈO (*)

Cữ này năm trước, mất mùa bị đói, tỉnh N. phải xin trợ cấp của Trung ương. Đoàn công tác của Bộ Lao động–Thương binh xã hội về các huyện N., G.,... đến gõ cửa 9, 10 nhà thì có tới vài ba nhà đói. Sau một năm tôi trở lại. Chẳng có gì sáng sủa hơn. Theo tiêu chuẩn Nhà nước, hộ nghèo bình quân 15kg gạo/người/tháng, hộ đói 13kg. Thế nhưng zêrô (kg) là hộ gì? Những đứa trẻ nhà nghèo quên cả tên bố mẹ chúng.

Tỉ lệ đói nghèo năm 1996 ở huyện G. được xác định là 26%. Năm 1997 giảm xuống còn 22,2%. Có nhiều xã "đói đặc biệt": Gia Lạc 55,5%, Gia Hoà 46,8%, Gia Phong 40,7%... Năm ngoái, người dân ở các xã này phải bán hết cả trâu, bò, lợn... để lấy tiền đong gạo vượt qua trận đói. Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện G. cho biết: Lịch sử lập huyện này là lịch sử chống đói nghèo, giành giật từng vụ lúa từ thiên nhiên. Trước năm 1960, huyện

---

*. **Trọng Đàm.** Trích, NNVN: 23 - 25/3/1998, L.T

chưa có đê bao chỉ cấy một vụ, cái đói treo lơ lửng từng nhà. Rồi đắp đê, cấy hai vụ bấp bênh, năng suất lúa đưa từ 50kg, lên 200kg/sào, vẫn chưa hết đói. Ở một huyện lúa, nhưng lúc nào cũng lo canh cánh hạt gạo. Nói đến huyện G. là nói đến "rốn" nước của tỉnh N.

Nhưng không ngờ Gia Hưng còn nghèo đến thế. Rẽ vào một hộ của hợp tác xã Hoa Tiên, gặp 2 đứa trẻ nhọ nhem đang ngồi... đuổi ruồi cho nhau. Chúng lơ ngơ, đến cả tên bố mẹ cũng không nhớ.

Nhớ lại những buổi sáng làm việc ở huyện, ông Trưởng phòng Lao động Thương binh xã hội nói với tôi: Tiêu chuẩn bình xét hộ nghèo 15kg gạo/tháng/khẩu, hộ đói 13kg. Nhưng đấy là bình quân, còn thực tế những tháng giáp hạt họ chẳng có kilôgam nào...

Theo chân anh xã đội trưởng Gia Lạc chúng tôi vào hộ ông Nguyễn Văn Chì ở xóm Đông Thắng, thôn Lạc Khoái. Căn nhà lụp xụp, mốc thếch, tài sản không có gì ngoài chiếc đồng hồ Gimikô và 3 chiếc chõng tre đã cũ. Con gái ông cỡ ngót 40 tuổi chưa có chồng chỉ cho tôi số thóc ước chừng 1 tạ mà cả gia đình 5 nhân khẩu phải sống 3 tháng nữa. Tôi hỏi : "Hết thóc lấy gì mà ăn?" Chị trả lời "Đi vay". Sau tôi mới hay, nhà chị đi vay giật thường xuyên, nên cái lẽ hết rồi vay là chuyện "cơm bữa" có chi mà lo. Ra về, tôi ngó vào chuồng lợn. Vâng, nhà này còn thứ "động sản" cuối cùng là con lợn 20kg.

Rẽ tiếp vào hộ ông Đào Văn Vọng một người đang mắc nợ Ngân hàng tới 4 triệu đồng do nuôi cá bè thất bại. Lúc đầu ông vay tiền nuôi một bè, thấy cá lớn nhanh như thổi nên ông nuôi

tiếp hai bè nữa. Một buổi sáng, cá chết nổi trắng cả bè. Ông trắng tay, trở thành con nợ của Ngân hàng. Cũng may, mỗi tháng còn 200 nghìn đồng lương hưu, nên cả nhà không đến nỗi đứt bữa. Tuy nhiên, 2 con ông đã phải khăn gói đi làm thuê.

Đói nghèo và bài toán xoá đói giảm nghèo vẫn là thách thức trong 5 năm qua. Bằng mọi nguồn vốn, huyện N. mới xoá đói giảm nghèo được cho 1.161 hộ, tức khoảng 5 nghìn người, trung bình mỗi năm 1 nghìn người. Và hiện tại với ngót 30 nghìn người đói nghèo có lẽ huyện N. cần 30 năm nữa ?

Nhưng, không. Vì từ các cấp lãnh đạo đến từng người dân ở đây đang quyết tâm tìm biện pháp hữu hiệu để tấn công đói nghèo một cách bền vững, thực hiện tốt các mục tiêu mà chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo đã đề ra.

MINH HOẠ I.9 : MỘT TRONG NHỮNG NÔNG HỘ TÍCH CỰC SẢN XUẤT CHỐNG ĐÓI NGHÈO GIỮA VÙNG CHUYÊN CANH SẢN XUẤT LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Nhiều lần trong nhiều năm, chúng tôi đến thăm và tìm hiểu tình cảnh đói nghèo của nhiều loại nông hộ ở một số xã thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ. Ở đây xin minh hoạ tình cảnh một trong số đó là một hộ trước đây có 5 con, một mẹ già và hai vợ chồng làm ăn thuộc loại khá, chủ nông hộ nguyên là một đảng viên và đã từng làm trại trưởng trại chăn nuôi lợn của hợp tác xã-gia đình bác Nguyễn. Thế nhưng từ năm 1986 đến năm 1994 sa vào cảnh nghèo đến đói gay gắt, hàng năm thiếu ăn 8 tháng, phải vay nhiều nợ nặng lãi. Rồi, từ năm 1994 đến 1998, gia đình bác đã và đang

cố gắng gượng dậy, trong đó có sự hỗ trợ của chính sách xoá đói giảm nghèo mà lãnh đạo đương thời ở xã Kim Anh, tỉnh Hải Dương gần đây đã quan tâm giải quyết, tạo "cần câu" cho người "đi câu". Kết quả là sau 5 năm gia đình bác Nguyễn đã giảm được tình cảnh đói nghèo xuống, còn 60% so với 1994.

Để hiểu rõ được tình cảnh, nguyên nhân của đói nghèo, chúng tôi xin minh hoạ:

Tháng 7/1994 :

Gia đình bác có 2 vợ chồng và 5 con. Hai con đã lấy chồng, một con là bộ đội. Lúc đó có mặt trong gia đình là hai vợ chồng bác ở tuổi lao động và hai con ở tuổi 19 và 15, cháu lớn học hết lớp 5 đã thôi học để ở nhà làm ruộng. Như vậy nhà có 4 nhân khẩu, trong đó có 2 lao động chính, 2 lao động phụ. Gia đình bác vốn là người xưa nay cần cù lao động.

Nhưng hiện nay chẳng những cái ăn đã hết lâu rồi, đang lần hồi, chưa biết vay mượn ở đâu để ăn trong hơn hai tháng nữa - đợi đến mùa - mà còn nợ của hợp tác xã đến 17 tạ thóc và nợ vay Ngân hàng là 700 nghìn đồng, nợ tư nhân 700 nghìn đồng và 2 tạ thóc. Do đó trong số 7 sào ruộng lẽ ra nhà bác được quyền sử dụng thì đã bị hợp tác xã rút "treo" 3 sào.

- Vì sao nhà ông bị nợ nhiều thế - để đến nỗi hợp tác xã phải rút đi 3 sào ruộng ? - Tôi hỏi.

- Nợ nhiều vì mấy năm qua nhà tôi liên tục gặp bất hạnh:

+ Mẹ (mẹ của một con là liệt sĩ - em tôi hi sinh) ốm kéo dài 8 năm liền vì lao phổi và phong thấp khớp, mới mất, mới lo tang! (Chúng tôi phải lo chu đáo cho mẹ, biết rằng về chính sách trợ

cấp cho mẹ liệt sĩ từ 1972 là 5 đồng/tháng, đến trước lúc mẹ chết mấy tháng mới được tăng lên 24.000đ/tháng).

+ Vợ ốm 2 năm nay vì dạ dày và phong thấp !

+ Một cháu gái bị đau gan, phải chạy chữa cho cháu mới lấy được chồng !

Vì tình cảnh đó nên ngoài số nợ đã nêu ở trên, tôi còn phải vay tiền tư nhân chịu lãi nặng đến 6%/tháng và vay thóc 1 tạ phải trả thành 1,5 tạ. Trong khi đó lại bị HTX rút đi 3 sào ruộng - bằng 42% số ruộng lẽ ra được sử dụng. Vì vậy đã nợ càng thêm nợ, đã nghèo đói càng thêm cảnh đói nghèo.

- Vậy nhà ông có nguyện vọng gì ?

- Yêu cầu xã và Nhà nước quan tâm giải quyết 3 điều:

1/ Xin khất nợ (1700kg thóc - nợ cũ) của HTX.

2/ Xin lại 3 sào ruộng mà hợp tác xã đã rút để canh tác - để sinh tồn và trả nợ cho hợp tác xã.

3/ Xin Nhà nước cho vay một số tiền dài hạn (chừng 4 triệu, trong 3 năm) với lãi suất thấp để cải tạo ao, vườn và chăn nuôi theo mô hình VAC !

Đến tháng 9 năm 1998 :

Các đề nghị của bác về cơ bản đã được giải quyết và kết quả:

• *Về vốn sản xuất:* Do tập thể lãnh đạo xã đề nghị, bác đã được Ngân hàng phục vụ người nghèo cho vay 1,5 triệu đồng, lãi suất 0,8%/tháng và Quỹ Hỗ trợ nông dân nghèo của xã cho vay

500 nghìn đồng lãi suất 0,8%/tháng. Nhờ có vốn, bước đầu bác đã phát triển được kinh tế VAC, nhận khoán gọn 2 sào ruộng xấu của tư nhân, trả được phần nợ vay nặng lãi của tư nhân. Và kết quả là tình cảnh đói nghèo đã giảm xuống. Nếu mức nghèo 1994 là 10 thì nay còn 6.

• *Về nợ:* Nợ tiền hiện nay của Ngân hàng và Quỹ Hỗ trợ tổng số như đã nêu ở trên là 2,7 triệu đồng. Nợ vay nặng lãi của tư nhân còn 700 nghìn đồng, lãi suất 2,5%/tháng. Nợ sản phẩm cũ của hợp tác xã 17 tạ thì cuối 1996, xét hoàn cảnh khó khăn của gia đình, UBND xã và HTX đã quyết định xoá cho gia đình bác 10 tạ còn 7 tạ thì bác sẽ trả cho HTX với giá là 1.250đ/1kg thóc.

• *Về việc xin lại 3 sào ruộng mà* hợp tác xã đã rút (theo Nghị quyết 03 của tỉnh) thì theo đồng chí Trần Văn Hào chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã cho biết, theo đề nghị của Uỷ ban nhân xã, hợp tác xã nông nghiệp và cơ sở thôn sẽ trả lại 3 sào ruộng cho bác vào vụ lúa xuân 1999. Như vậy, 3 đề nghị của bác Nguyễn tháng 7/1994 (cũng là những đề nghị trực tiếp của chúng tôi - Xem Báo Nhân dân ngày 29/10/1996, và Tạp chí Cộng sản số 24 năm 1996) về cơ bản đã được lãnh đạo xã Kim Anh xem xét và giải quyết. Điều đó đã có tác dụng rất lớn đối với gia đình bác Nguyễn cũng như đối với những nông hộ nghèo khác - là giúp họ "cần câu" để họ có điều kiện tự xoá đói giảm nghèo (mặc dù giải quyết đó có chậm và vốn của Ngân hàng người nghèo cho vay còn có giới hạn). Mong rằng, các địa phương khác nếu chưa giải quyết thì coi đây là bài học về việc thực hiện chính sách đối với người đói nghèo cần phải được thực hiện.

MINH HOẠ I.10 : ĐÓI NGHÈO ĐẾN BAO GIỜ ? *

Đó là một câu hỏi của một trong số những người nông dân quá đói nghèo ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) - làm cho chúng ta phải trăn trở. Phải đặt mình trong hoàn cảnh sống cụ thể của họ và có tâm huyết để cùng họ tìm biện pháp hữu hiệu thì mới có thể từng bước tháo gỡ được.

Suy ngẫm như vậy, sau khi khảo sát nhiều nơi ở ĐBSCL, chúng tôi mạnh dạn nêu ra đây mấy gia đình khi chúng tôi đến ấp Đa Hoà, xã Hoà Lợi (huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh) - có thể phản ảnh cho một số nông hộ ở một số địa phương còn quá khó khăn.

Hộ đầu tiên chúng tôi đến một cách ngẫu nhiên là một nhà chòi, dựng bằng tre, che bằng lá. Nhà có 9 nhân khẩu (hai vợ chồng và 7 con). Trong nhà không có gì đáng giá... Lúc chúng tôi bước vào nhà, thấy 4-5 đứa trẻ đang ngồi quanh nồi cơm nguội vét lại những hạt cơm còn sót. Thấy chúng tôi, các cháu ngơ ngác. Tôi hỏi:

- Các cháu không đi học à ?

- Dạ không có tiền đi học.

- Thế biết đọc, biết viết chưa ?

- Dạ chưa.

---

*. Trong bài này có một số tư liệu của nhà báo Anh Kiệt. Báo Nông nghiệp Việt Nam từ: 22 - 26/4/1999.

- Ba má các cháu đi đâu ?

- Dạ.. dạ... đi đâu đó... không biết.

Một lúc, mẹ các cháu về và tiếp chúng tôi. Chị kể: "Nhà tôi không có một công ruộng nào mà có đến 7 người con, nên hai vợ chồng phải đi bán máu không biết bao nhiêu lần để cầm cự với cái đói ? Đói nghèo đến bao giờ ?". Rồi chị kể nhiều chuyện thương tâm của nhiều người khác nữa ! Chúng tôi xúc động và không thể hỏi gì thêm !

Chúng tôi đến nhà thứ hai ở một ấp khác, chủ nhà là bà Sơn Thị Thà. Bà kể: Gia đình tôi quanh năm đi làm thuê làm mướn, tiền công thấp nên cũng không đủ ăn. Đến thời kì giáp hạt phải ăn cháo cầm hơi.

- Nhà bà không có ruộng, không được phân chia ruộng ư ?

- Trước đây có 2 công, nhưng làm ăn thua lỗ đã phải gán đất. Nhà tôi lại đông con cháu quá... Mà "không có đất càng lâu thì tình cảnh đói nghèo càng trở nên tồi tệ hơn...".

Chúng tôi cúi đầu chào bà và lặng lẽ đến một số nhà khác thì cũng có tình cảnh tương tự.

Trở về huyện, theo thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện cho biết, đến cuối tháng 1/1999, ở hai xã Hoà Lợi và Phước Hảo có 541 hộ thì có đến 210 hộ (gần 40%) có tình cảnh như những hộ chúng tôi đã đến.

Qua tìm hiểu giải pháp thì biết chính quyền huyện cũng đã có nhiều biện pháp để thoát đói nghèo cho dân như : cho vay vốn

ưu đãi để trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán nhỏ và đang có dự án di dời một số hộ ở Đa Hoà đến nơi có đất, có điều kiện phát triển sản xuất để thoát nghèo. Nhưng là một huyện nghèo còn khó khăn về vốn nên chưa thực hiện được. Do đó, cho đến nay, cái nghèo vẫn còn đeo bám mãi họ !

MINH HOẠ I.11 : NO CÁI TAI, ĐÓI CÁI BỤNG - NHỮNG NGÀY ĐÓI GIÁP HẠT, THÁNG 8-2003 *

Câu "no cái tai, đói cái bụng" là câu mà chúng tôi đã nghe đồng bào dân tộc thiểu số nói lâu rồi. Và, đúng như Thủ tướng Phan Văn Khải đã nói ở hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia XĐGN và việc làm giai đoạn 2001-2005 tại Hà Nội ngày 2 và 3/10/2003 rằng : "Từ trước tới nay, chúng ta chưa tập trung đúng mức cho vùng có tỉ lệ hộ nghèo cao, vùng núi, đồng bào dân tộc, mà đây lẽ ra phải là đối tượng được quan tâm hàng đầu" [31].

"... Nói chuyện thân mật với một cán bộ công tác vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôi đem câu "no cái tai, đói cái bụng" ra hỏi. Anh ấy bảo : câu này có đã lâu rồi, không phải bây giờ mới có. Đó là một lời phê bình thẳng thắn và trung thực. Bấy lâu nay, đồng bào đã nghe cán bộ nói nhiều, hứa hẹn nhiều nhưng làm thì chưa được mấy. *Chủ trương xoá đói giảm nghèo hay lắm, đồng*

---

*. Bài này : một phần nội dung trong ngoặc kép là của Mai Ninh đăng trong Tạp chí Cộng sản số 19 tháng 10.2001, L.T

bào nghe mừng lắm. Nhưng nói là nói vậy chứ đồng bào ở những vùng vốn đã nghèo, nay vẫn cứ nghèo. Nói là đem cái chữ về cho dân nhưng ở nhiều nơi, dân vẫn cứ mù chữ. Nói là thu hẹp dần khoảng cách giữa các vùng và các dân tộc, nhưng hình như *khoảng cách ấy ngày càng doãng ra,...*

Khi *nói ra sự thật "no cái tai, đói cái bụng" là đồng bào có ý chê trách chúng ta quan liêu, và cả mị dân nữa.* Chúng ta có vẻ bằng lòng với những thành tích được thống kê ("chạy theo thành tích") mà chưa thật hiểu rằng, trong cái thành tích ấy, đồng bào các dân tộc thiểu số thật sự được hưởng là bao nhiêu.

Tôi không muốn tranh luận với người đối thoại vì thấy những suy nghĩ của anh có lí. Nhiều năm trước, khi tiếp xúc với đồng bào vùng dân tộc, tôi đã nghe một già làng người Ê-đê nói rất thật :

- Chính sách của Đảng và Chính phủ rất tốt, dân rất thèm. Vậy mà sao nó giống như hột bắp (hạt ngô) *để trong cái chai thuỷ tinh, con gà đi quanh quẩn mãi mà không tài nào mổ được.*

Đúng là có nhiều chủ trương, chính sách không đưa được vào cuộc sống. Không phải do nó không đúng mà vì trong tổ chức thực hiện, chúng ta còn nặng tác phong quan liêu, xa dân.

"No cái tai, đói cái bụng" vừa là chuyện cũ lại vừa là chuyện mới. Còn một chuyện mới ngược lại là "No cái bụng, đói cái tai". Thật vậy, có nhiều nơi do những cố gắng lớn của đảng bộ, chính quyền và nhân dân, đời sống kinh tế của đồng bào đã có sự cải thiện rõ rệt. Nhưng bụng no mà cái tai lại đói. *Đói cái chữ, đói*

thông tin, đói văn hoá, cũng có nghĩa là đói dân trí. Bởi vậy no cái bụng mà vẫn cứ thắc mắc. Và cũng chính vì đó, công tác ở vùng đồng bào dân tộc phải coi trọng vừa làm no cái bụng vừa làm no cái tai - làm no cái tai theo nghĩa tăng cường việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao dân trí chứ không phải là gia tăng những lời hứa hẹn."...

Thấm thía với câu nói của già làng người Ê-đê, trong tháng 8-2003 được tin một số nơi của các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên bị đói giáp hạt có nơi rất gay gắt..., tôi bâng khuâng, suy ngẫm rồi "lần" đến một số nơi thì thấy đúng như vậy.

Ngày 20/8/2003, tôi trở về tỉnh N. và được đồng chí lãnh đạo của sở Lao động - Thương binh và xã hội cho biết : Theo số liệu của tỉnh, tính đến đầu năm 2000 toàn tỉnh có số hộ đói nghèo là 61.779 hộ, trong đó *số hộ đói là 15.421 hộ*; nhưng hiện nay (8/2003) mới có 8 huyện trong số 13 huyện thị báo cáo thì số hộ *đói giáp hạt đã lên đến 22.658 hộ.*

Vậy vì sao còn 5 huyện nữa không báo cáo số hộ bị đói giáp hạt ? Tôi hỏi :

- Họ không báo cáo hay chưa báo cáo là do có hai nguyên nhân chính :

Một là, khi báo cáo tình cảnh đói giáp hạt nhiều, tỉnh sẽ hỏi : các anh đã sử dụng Quỹ Bảo hiểm xã hội và Quỹ Dự phòng chống đói - mà khi không đủ thì được phép Thủ tướng Chính phủ cho vay kho bạc rồi sẽ báo cáo Trung ương, Trung ương sẽ cho - như thế nào ? thì huyện sẽ rất lúng túng, vì hai

quỹ : Bảo hiểm xã hội và Dự phòng chống đói có huyện đã "chi dùng" vào việc khác (?!).

Hai là, cán bộ huyện, xã thường quan tâm - "chạy ngày đêm" - việc xin tiền dự án để hưởng phần trăm (%); còn tình cảnh đói của nông dân thì ít ai chú ý đến.

- Trước tình hình đó, các đồng chí lãnh đạo của Sở ta đã có giải pháp gì ? Nếu không, để xảy ra có trường hợp bị chết đói thì mất chức đấy !

- Chúng tôi sẽ có công văn khẩn cho các huyện, đồng thời báo cáo cho Tỉnh uỷ, cho UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và xã hội để khỏi mang vạ về trách nhiệm (!).

Qua thực tế này, tôi càng thấm thía câu nói hình ảnh rất thực mà... sâu sắc của ông cụ già làng người Ê-đê và lời kết luận tại hội nghị trên của Bộ trưởng Lê Huy Ngọ: "Mọi vấn đề đều trong tầm tay chúng ta cả, tồn tại thuộc về nhận thức, điều hành của cấp chính quyền tỉnh, huyện, xã" [31].

Tin rằng, từ hội nghị này, *cuộc đấu tranh chống đói nghèo bằng nhiều giải pháp đồng bộ* thì sẽ bảo đảm thực hiện tốt và có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia XĐGN bền vững.

Qua những minh hoạ về tình trạng đói nghèo của một số nông hộ từ đất Thanh vào Kỳ Anh - Hà Tĩnh của Miền Trung, ngược lên huyện Thanh Sơn, miền núi Phú Thọ, rồi theo đuôi Trường Sơn từ xã Phú Mãn, Hà Tây lên huyện Krông Pa - Tây Nguyên, xuôi xuống xã Xuân Hưng - Xuân Lộc là xã vùng xa,

khu căn cứ kháng chiến cũ của Đồng Nai thuộc Miền Đông Nam Bộ và trở ra địa đầu của vùng đồng bằng sông Hồng, ta gặp những hộ đói nghèo ở một huyện nghèo Gia Viễn, tiếp theo thọc sâu vào giữa vùng chuyên môn hoá sản xuất lúa ở một xã khá giàu, gần cuối của vùng đồng bằng sông Hồng ta cũng thấy còn nhiều hộ đói nghèo. Và cuối cùng, chúng ta đến vùng đồng bằng sông Cửu Long, có hộ còn đói nghèo khá gay gắt. Chúng hợp thành bức tranh phản ảnh toàn cảnh thực trạng nông hộ còn đói nghèo ở nông thôn hiện nay. Trong đó, có những hộ vừa do không có nguồn lực cá nhân thoả đáng bởi gặp nhiều điều bất hạnh, vừa chịu tác động chung của cả cộng đồng do hoàn cảnh địa lí (khác nhau giữa xã, vệt, vùng nghèo ở những nơi có điều kiện tự nhiên bất lợi). Nhưng cũng có những nông hộ ở giữa xã, vùng trù phú, có nhiều điều kiện thuận lợi, nhưng do không có nguồn lực cá nhân thoả đáng hoặc gặp nhiều điều bất hạnh hợp thành, như trên đã nêu.

Như vậy, tình trạng đói nghèo của nông hộ, bước đầu cho thấy, có thể họ ở giữa xã giàu - khá, nhưng do họ không có nguồn lực thoả đáng lại gặp nhiều điều bất hạnh dẫn đến, hoặc họ chịu cả hai vừa không có nguồn lực cá nhân... vừa gắn với hoàn cảnh địa lí bất lợi của cả cộng đồng (vùng cao, sâu, xa, thiếu các cơ sở hạ tầng thiết yếu) và thiên nhiên khắc nghiệt mà chưa có điều kiện chế ngự.

Song đối với số nông hộ đói nghèo thường chứa đựng những điều cùng cực và chúng có quan hệ tác động qua lại như hình với bóng, tạo thành những mắt xích móc nối, lồng ghép vào nhau như *hình 1.1* dưới đây:

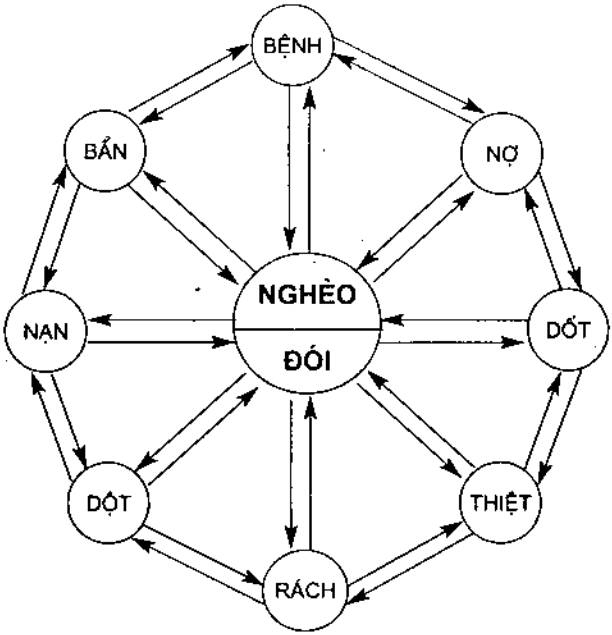

Hình I.1 : ***Những điều cùng cực của bản thân với 24 mối quan hệ tác động đến đói nghèo***

Từ hình I.1 trên, ta có thể chưa xem lại cả 11 minh hoạ, mà xem lại minh hoạ I.2 cũng đã thấy nó phản ánh khá đầy đủ về những mối quan hệ của chúng.

Trong những mối quan hệ đó nhìn chung đã rõ, do đó chúng tôi chỉ lưu ý mấy mối quan hệ chứa đựng nhiều nội dung phức tạp:

Thiệt

Là thua thiệt về nhiều mặt:

- Bị rút ruộng, chia cho ruộng xa, xấu nhiều hơn;

- Phải cầm cố, bán rẻ ruộng đất, trâu bò, đồ vật (nếu có) để vượt qua những cơn hiểm nghèo;

- Phải vay nặng lãi. Đó là "nhát dao tàn bạo nhất ở chỗ người nghèo hơn, ít được học hơn lại phải nộp lãi cao hơn những người khá giả";

- Phải bán lúa non, bán rẻ sản phẩm khi mới thu hoạch để trả "nợ đòi", v.v..;

- Tiền công làm thuê thấp hơn. Thậm chí làm chỉ cho ăn, không trả tiền công, do không có việc làm, đói nên phải chấp nhận. Tức là phải chịu sự bóc lột;

- Nhiều người đói nghèo lại không được vay vốn lãi suất thấp (sợ không có trả), hoặc vay được ít hơn người khá, kẻ giàu;

- Là dân nghèo không biết luật lệ gì thường bị một số kẻ có quyền hành, thân thế ức hiếp, nhũng lạm, thậm chí có những khoản Nhà nước, xã hội giúp đỡ khi đói nhiều lúc không đến tay, hoặc đến lấy lệ (còn bị cắt xén);

- Nhiều nguồn lợi khác (như đất hoang, đất đồi rừng Nhà nước giao - một cơ hội như Nhà nước cho không) không có điều kiện để nhận, hoặc nhận phần thua thiệt;

- Mù về thông tin, nhất là không tiếp cận được thị trường (do ở nơi hẻo lánh, bị cô lập hoặc mù chữ, ít chữ), không biết tính toán, không có kế hoạch làm ăn, không biết sản xuất hoặc làm dịch vụ gì thì có lợi hơn, nên thường bị mua đắt, bán rẻ, chịu nhiều thua thiệt.

Nạn

Đây là gặp tai nạn và tệ nạn xã hội làm phát sinh tai nạn:

- Gặp những rủi ro, làm ăn thua lỗ, thiên tai mất mùa mà không có những khoản tiền dự trữ tối thiểu.

- Gặp tai nạn đột biến như: Cháy nhà, tai nạn giao thông, bị bom bi, mìn chìm trong đất nổ khi làm đất (xem "Tiếng kêu cứu của một xã anh hùng")[20].

- Tệ nạn xã hội phát sinh, tác động trước hết vào gia đình người nghèo: "Đói ăn vụng, túng làm liều" tạo nên những điều phạm pháp, cha mẹ không nuôi dạy được để trẻ em lang thang, nghiện ngập, con gái đi hoang, mại dâm, con trai canh cổng cho nhà hàng mại dâm, vận chuyển hàng buôn lậu kể cả hêrôin, thuốc phiện, v.v..

Bẩn

Là do sân đất, nền nhà bị dột, ẩm thấp; không có các công trình vệ sinh (giếng nước sạch, cầu tiêu, nhà tắm) bếp nấu, lợn, gà (nếu có) thường đặt trong một xó (hay chái nhà) sát cạnh chỗ ăn ngủ của người. Sự cam chịu tình cảnh đó dẫn đến phát sinh bệnh và tăng thêm bệnh tật.

2. Khái niệm và chuẩn mực về đói, nghèo

Hiện nay có nhiều định nghĩa và cách hiểu khác nhau về đói nghèo, kể cả của tổ chức khu vực và quốc tế. Ở đây chúng tôi chưa bàn đến những ý kiến khác nhau đó. Tuy nhiên để hiểu và có cơ sở xem xét, đánh giá về tình trạng đói nghèo, bước đầu

chúng tôi xin dẫn một định nghĩa về đói nghèo mà Hội nghị bàn về đói nghèo ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức tại Băng Kốc tháng 9 năm 1993 đưa ra như sau: "*Nghèo đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tuỳ theo trình độ phát triển kinh tế-xã hội và phong tục tập quán của các địa phương*" [8].

Ở đây, nếu liên hệ với thực tế của Việt Nam được minh hoạ ở trên, theo tôi định nghĩa có thể viết như sau thì rõ hơn:

- *Đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng hoặc được hưởng rất ít ỏi những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận* tuỳ theo trình độ phát triển kinh tế-xã hội và phong tục tập quán của các dân tộc ở địa phương.

- Còn *nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận* tuỳ theo trình độ phát triển kinh tế-xã hội và phong tục tập quán của các dân tộc ở các địa phương.

Hoặc có thể viết kết hợp lại:

Đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng hoặc được hưởng rất ít ỏi và nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tuỳ theo trình độ phát triển kinh tế-xã hội và phong tục tập quán của các dân tộc ở các địa phương.

Ở đây, ranh giới của nó là *không được hưởng hoặc được hưởng rất ít ỏi* và *không được thoả mãn* những nhu cầu cơ bản của con người.

Những cái ranh giới đó luôn luôn sát kề bên nhau và cũng rất dễ trồi lên sụt xuống (*hình 1.1*). Do đó mục tiêu xoá nghèo bền vững là để không sụt xuống đói. Và do đó *không được che đậy tình trạng đói nghèo ở nông thôn là một yêu cầu khách quan.* Không vì lẽ này lẽ khác mà báo cáo sai sự thật *.

Những minh hoạ ở trên là một thực tế hiển nhiên, cần được nhận thức đúng để có giải pháp hữu hiệu.

Từ khái niệm chung ở trên, ở Việt Nam từ nhiều năm nay đã nhận thức và xác định chuẩn mực hộ đói nghèo như dưới đây:

Căn cứ vào mức sống chung của toàn xã hội, đối tượng đói nghèo ở nước ta có thể được quan niệm một cách cụ thể như sau: *"Hộ đói là hộ cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, con cái thất học, ốm đau không có tiền chữa trị, nhà ở rách nát..."*. Theo tiêu chí này từ năm 2000 trở về trước, Nhà nước quy định hộ đói là hộ có thu nhập quy đổi gạo bình quân dưới 13kg/tháng. Còn *hộ nghèo là hộ thiếu ăn nhưng không đứt bữa, mặc không lành và không đủ ấm, không có khả năng phát triển sản xuất...* Thu nhập bình quân đầu người của loại này quy ra gạo dưới 25kg/tháng ở thành thị; 20kg/tháng ở nông thôn đồng bằng và 15kg/tháng ở nông thôn miền núi, hải đảo (xem *phụ lục 1a*). *Xã nghèo là xã có trên 40% tổng số hộ nghèo đói, không có hoặc thiếu những cơ sở*

---

*. Để vừa chống, tránh quan liêu; vừa chống, tránh chạy theo thành tích chủ nghĩa, mời các bạn hãy bình tĩnh xem:
- Nghịch lí đói nghèo (Phụ lục số 4)
- Căn nhìn thẳng vào thực trạng đói nghèo ở nông thôn (Phụ lục số 5)

hạ tầng thiết yếu[1]*, trình độ dân trí thấp, tỉ lệ mù chữ cao. Còn vùng (vệt) nghèo là chỉ những địa bàn tương đối rộng, nằm ở những khu vực khó khăn, hiểm trở, giao thông không thuận lợi, có tỉ trọng xã nghèo, hộ nghèo cao"* [8].

Từ những chuẩn mực được xác định ở trên, trong nhiều năm nay chúng tôi thấy đã đến lúc chúng ta cần trao đổi để hoàn thiện sao cho hợp lí ?

Biết rằng, việc xác định mức thu nhập bình quân cho các hộ đói là dưới 13kg gạo/người/tháng và hộ nghèo là dưới 20kg gạo/người/tháng ở nông thôn đồng bằng, trung du và 15kg gạo/tháng cho đầu người ở nông thôn miền núi, hải đảo là việc ta đã có nghiên cứu, đã áp dụng để tính kết quả đạt được mục tiêu xoá đói giảm nghèo trong từng năm và cho đến năm 2000 ở từng địa phương và cả nước. Trong điều kiện nước ta đương còn là một trong các nước nghèo nhất thế giới nên tạm thời chấp nhận quy định trên và lấy đó làm mốc để phấn đấu thực hiện các mục tiêu của chương trình Quốc gia về xoá đói giảm nghèo. Qua kiểm nghiệm thì mức đó quả là quá thấp. Vì bình quân dưới 13-15kg gạo/người/tháng thì nếu có được thường xuyên dùng cho ăn cơm với muối cũng chưa đủ. Nhưng thực tế (ở năm không mất mùa) phần lớn các nhà có thu nhập ở mức này thì sau khi thu hoạch đã hết ăn. Vì thiếu đói phải vay mượn bằng thóc hoặc tiền nên gặt

---

(1). Theo quy định hiện nay gồm có 6 loại công trình : đường ô tô, và đường dây điện tới trung tâm xã; trường học cấp I, II; trạm y tế; nước sạch cho dân; chợ xã hoặc liên xã.

xong là phải lo trả đến gấp 1,5 lần. Hơn nữa, còn phải chi cho biết bao nhiêu thiết yếu khác, chẳng nhẽ trẻ thơ ốm không mua viên thuốc, hộp sữa cho cháu, trẻ nhỡ thì không mua cho cháu chiếc áo lành và sách vở tựu trường, v.v.. Vì những lẽ đã dẫn ở trên ta đành phải "đớn đau" chấp nhận mức đó cho đến năm 2000. Nhưng theo tôi, cần phải nghiên cứu, chuẩn bị xác định mức hợp lí và áp dụng thử ở một số xã nghèo để có một mức hợp lí (chứ không phải là 13-15kg gạo/người/tháng).

Về vấn đề này, mới đây, nhờ có sự hợp tác nghiên cứu chung mà Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới có thể đi đến thống nhất được về phương pháp luận để tính tỉ lệ đói nghèo (hay tỉ lệ nghèo) theo 2 ngưỡng: ngưỡng đói nghèo (hay ngưỡng nghèo) về lương thực thực phẩm (LTTP = 2100kcal) và ngưỡng đói nghèo (hay ngưỡng nghèo) chung (gồm LTTP + phi LTTP); và bước đầu đã tính được tỉ lệ đói nghèo (hay tỉ lệ nghèo) cho nông thôn Việt Nam (Trích từ *phụ lục 6*) như dưới đây:

1. Tỉ lệ nghèo (đói nghèo) LTTP ở nông thôn năm 1993 : 29,1%; 1998 : 18,3%.

2. Tỉ lệ nghèo (đói nghèo) chung ở nông thôn 1993 : 66,4%; 1998 : 44,9%.

Theo chúng tôi, đây là một cơ sở để Chính phủ ta có thể xác định được mức đói nghèo (hay mức nghèo) và tỉ lệ đói nghèo (hay tỉ lệ nghèo) hợp lí. Nhưng do điều kiện kinh tế-xã hội của ta nên trong giai đoạn 2001-2005, Nhà nước ta quy định mức (chuẩn) mới về đói nghèo (hay nghèo) :

- Vùng nông thôn miền núi và hải đảo có thu nhập dưới 80.000đ/người/tháng;

- Vùng nông thôn đồng bằng dưới 100.000đ/người/tháng;

- Vùng thành thị dưới 150.000đ/người/tháng (xem *phụ lục 1b*).

Mức này, trên thực tế, đến nay cho thấy còn là mức quá thấp, chưa tiếp cận chuẩn nghèo quốc tế (chuẩn nghèo quốc tế là thu nhập dưới 1USD/người/ngày).

II - NHỮNG CỤM NGUYÊN NHÂN CHÍNH DẪN ĐẾN TÌNH TRẠNG ĐÓI NGHÈO

Qua 11 minh hoạ với những điều cùng cực của bản thân các nông hộ đói nghèo được khái quát ở *hình 1.1* ở trên, bước đầu cũng đã cho thấy gần đầy đủ những nguyên nhân dẫn đến tình trạng đói nghèo. Mặc dù có hộ có đủ nguyên nhân, có hộ chỉ có một số nguyên nhân này hoặc nguyên nhân khác, song chúng đều nằm trong 6 cụm nguyên nhân chính dưới đây:

1. Do xa cách

- *Về địa lí*: Ở nơi xa xôi, hẻo lánh, rừng sâu, núi cao, vực thẳm, đảo xa. Ở những nơi này thường không có đường ô tô và các phương tiện giao thông thuận tiện cho việc giao lưu kinh tế, văn hoá, xã hội dẫn đến nhiều thua thiệt.

- *Về xã hội*: Không có hoặc thiếu, hoặc chậm thông tin về các mặt hoạt động kinh tế, chính trị, văn hoá ngoài xã hội, kể cả ở địa

phương, khu vực quốc gia và quốc tế. Trong khi đó, phong tục tập quán và những hủ tục lạc hậu đó đây còn khá nghiêm trọng.

- *Về ngôn ngữ:* Việt Nam có đến 54 dân tộc, có ngôn ngữ khác nhau. Ở một số dân tộc thiểu số tiếng phổ thông chưa được phổ cập; trình độ văn hoá phổ biến còn mù chữ và ít chữ; trình độ dân trí rất thấp kém dẫn đến có sự tách biệt về văn hoá, v.v..

Tóm lại, những sự cách biệt đó làm cho người dân ở đây có quan hệ với tự nhiên nhiều hơn là quan hệ với xã hội, gắn với kinh tế tự nhiên (tự cấp tự túc) nhiều hơn là gắn với kinh tế hàng hoá, giao lưu ở chợ, ở thương trường. Đó là sự thiệt thòi lớn của cư dân, của nông hộ đói nghèo ở những nơi xa cách. Cần phải có chính sách hữu hiệu.

2. Do thiên tai

- Bão, lụt làm vỡ đê biển, đê sông làm chết và lật chìm hàng trăm, hàng nghìn người và tàu thuyền (như cơn bão số 5 năm 1997, nạn lụt "thế kỉ" ở 8 tỉnh Miền Trung năm 1999 và mới đây là trận lụt ở tỉnh Quảng Bình); cuốn trôi nhà cửa, tàn phá cơ sở hạ tầng, làm hư hỏng hoa màu, xói mòn lớp đất màu mỡ để trơ lại đất sỏi, đá, v.v..

- Hạn hán và khí hậu nắng nóng, gió gây hại cho cây trồng, người và gia súc.

- Nó làm phát sinh và tăng thêm bệnh tật cho người; sâu bệnh cho cây trồng và dịch bệnh cho gia súc, cho nuôi thuỷ sản.

Tóm lại, thiên tai thường gây nên những rủi ro nghiêm trọng, trong điều kiện sức dự trữ ít ỏi về tài chính trong nhiều nông hộ

cũng không có, dẫn đến đói nghèo gay gắt và thường diễn ra lặp đi lặp lại ở các tỉnh duyên hải Miền Trung. Đó là một sự thiệt hại lớn khiến nhiều cư dân ở đây trở nên đói nghèo, nên càng phải có chính sách và giải pháp thoả đáng.

3. Do địch hoạ

- Chiến tranh đã tàn sát những người trụ cột trong gia đình, hoặc để lại thương tật nặng nề, để lại những đứa con sinh ra bị tật nguyền do chất độc hoá học màu da cam, để lại nhiều cảnh vợ chồng phải cam chịu lắm thảm thương, đói nghèo, cô đơn. Đến nay đang còn những bãi mìn, bom bi, bom tạ, đạn,... nằm sâu trong lòng đất, dưới nền sân, nhà. Thỉnh thoảng đó đây lại có tiếng nổ gây chết người, gây sát thương khi nhát cuốc của những người nông dân nghèo cuốc đất canh tác, đào ao, làm vườn để sống, v.v.. Xem *"Tiếng kêu cứu của một xã anh hùng"* [20] thì rõ.

- Thêm vào đấy, đó đây thú dữ còn gây hại đến tính mệnh người dân trong khi đi rừng tìm kiếm sản phẩm chống đói hoặc những người nông dân nghèo đang sống trong những túp lều tranh, v.v..

4. Bởi bản thân không tài sản - không có nguồn lực

Đất, vốn, sức lao động..., không có điều kiện tiếp cận nguồn lực sẵn có - khi Nhà nước cho không đất, rừng kèm theo những nguồn vốn của các dự án ưu đãi, cộng với sự thua thiệt trăm phần và đặc biệt là không có kế hoạch làm ăn để tự chống đói nghèo hữu hiệu nên dẫn đến nhiều điều cùng cực (như *hình 1.1*). Tất cả

những điều đó dẫn đến hậu quả là rất khó khăn trong việc tự cứu mình nếu không có những chính sách và phương pháp giúp đỡ hữu hiệu tạo cho họ nhưng chiếc "cần câu"!

5. Do chính sách chưa thoả đáng và phương pháp thực hiện chính sách xoá đói giảm nghèo đó đây còn tuỳ tiện

Cần phải khẳng định rằng, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách để thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về Xoá đói giảm nghèo. Với những chính sách đã có, ở đâu có phương pháp thực hiện đúng thì kết quả xoá đói giảm nghèo ở đó đạt được tốt hơn. Nhưng cần phải thấy rằng, có nhiều nơi làm rất tuỳ tiện, thậm chí còn sai [9, 10, 21 và *phụ lục 3, 4*] làm phương hại đến kết quả xoá đói giảm nghèo (sẽ chứng minh ở *Chương II*).

6. Do tham nhũng

Tham nhũng trực tiếp gây một phần tác hại đáng kể cho tình cảnh của nông hộ đói nghèo khiến họ khó có thể vượt qua hoặc làm tăng thêm đói nghèo, gây thất thoát tiền của Nhà nước (nhân dân) và làm ảnh hưởng lớn đến kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình Quốc gia về xoá đói giảm nghèo. Kẻ tham nhũng đã dùng chức quyền, lợi thế của mình để ăn chặn nhiều khoản vốn tài trợ, vốn Ngân hàng phục vụ người nghèo, vốn cho vay ưu đãi lãi suất thấp hoặc không lấy lãi, vốn dự án, vốn các chương trình lồng ghép để xoá đói giảm nghèo. Hằng trăm bài báo đã lên tiếng về vấn đề này. Ở đây các bạn chỉ cần đọc mấy bài: "*Vốn 327 đi về đâu?*" [18]; "*Xoá đói giảm nghèo - người đói*

kẻ no" [24]; "*Cán bộ chiếm dụng vốn xoá đói giảm nghèo*" [23] và bài "*Cần xử lí nghiêm những người tham nhũng tiền vốn vay của nông dân...*" [22] rồi đến bài "*Làm sao để đồng vốn xoá đói giảm nghèo đến đúng địa chỉ*" [17] thì cũng đã quá rõ. Vậy, chúng ta suy ngẫm gì ? Và phải làm gì cho dân cày một nắng hai sương đương đói, nghèo khi đồng vốn chính sách xoá đói giảm nghèo giúp họ tự xoá đói giảm nghèo đã và đang bị một số cán bộ tham nhũng ?

Thêm vào đó, cần lưu ý rằng "Các hoạt động tham nhũng với lượng tiền (...) ngày càng lớn, có vụ lên tới hàng nghìn tỉ đồng", thậm chí đến trên dưới 5-8 nghìn tỉ [25] chẳng những làm hạn chế tốc độ phát triển năng lực để xoá đói giảm nghèo của đất nước ta - là một trong những nước nghèo nhất thế giới mà chính nó cũng ảnh hưởng đến các nông hộ đói nghèo. Tiền của Nhà nước là của chung nhân dân, mà ở nước ta nhân dân có đến 80% dân số ở nông thôn bao gồm cả nông hộ đói nghèo. Như vậy, chính bọn tham nhũng cũng đã trực tiếp hoặc gián tiếp lấy một phần vốn của chính nông hộ đói nghèo, gây cho họ thêm khó khăn trong việc tự xoá đói giảm nghèo bền vững.

Vậy, Nhà nước cần có những giải pháp hữu hiệu để tẩy trừ cho sạch được quốc nạn này, để tấn công đói nghèo, để kinh tế - xã hội đất nước tiến lên, để cho cả nông dân đói nghèo sớm tự xoá được đói nghèo bền vững, tiến lên khá, giàu như Bác Hồ đã dạy.

CHƯƠNG II

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO

I - CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO : KẾT QUẢ VÀ TỒN TẠI

1. Chủ trương của Đảng

Trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000 của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991), đã có chủ trương phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn là phải "Kết hợp chặt chẽ với (...) thu hẹp diện những gia đình thiếu đói và vùng thiếu đói" [2].

Đến Đại hội VIII của Đảng (6/1996), trong phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 1996-2000 đã có *"Chương trình về xoá đói giảm nghèo"* đồng thời đã đề ra mục tiêu:

"Giảm tỉ lệ nghèo đói trong tổng số hộ của cả nước từ 20-25% năm 1998 xuống còn khoảng 10% vào năm 2000, bình quân giảm 300 nghìn hộ/năm". Cùng với 14 chương trình quốc

gia và dự án đã được thực hiện có nội dung gắn với xoá đói, giảm nghèo thì từ năm 1996 còn lồng thêm chương trình quốc gia giải quyết việc làm (Chương trình 120) và chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc (Chương trình 327) làm nòng cốt. Thêm vào đó, từ năm 1996 còn bổ sung các chính sách giúp cho người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo,... [4].

Rút kinh nghiệm sau nhiều năm chỉ đạo thực hiện, ngày 3/7/1998 Chính phủ có Chương trình mục tiêu Quốc gia XĐGN tổng hợp (gọi là Chương trình 133). Và liền ngay sau đó, ngày 31/7/1998, Chính phủ ra Quyết định số 135/QĐ phê duyệt chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn, gọi là chương trình 135. Hai chương trình này nhằm quy tụ sự quan tâm của cả nước đối với hộ nghèo, xã nghèo, vùng nghèo, bảo đảm thực hiện mục tiêu XĐGN mà Đại hội VIII đã đề ra.

Đến Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001), trong phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2001-2005 đã đề ra chỉ tiêu : "Cơ bản xoá hộ đói, giảm tỉ lệ hộ nghèo xuống còn 10% vào năm 2005" [34] (theo chuẩn mới - *phụ lục 1b*).

Để đảm bảo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, các chỉ tiêu đã đề ra, cùng với hệ thống chương trình, chính sách quốc gia đã có trước và sau năm 2000 thì chương trình 133 và 135 ở giai đoạn 2001-2005 là hai chương trình chủ đạo có tính chất quyết định thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu XĐGN bền vững vào các năm 2005 và 2010.

2. Chương trình mục tiêu Quốc gia xoá đói giảm nghèo tổng hợp (CT.133) và Chương trình 135

a) Chương trình 133

Ngày 23/7/1998, Chương trình mục tiêu Quốc gia xoá đói giảm nghèo tổng hợp (CT.133) giai đoạn 1998-2000 và giai đoạn 2001-2005 được Chính phủ phê duyệt và đang khẩn trương thực hiện các hoạt động chính (xem *phụ lục 2*) để đạt được mục tiêu xoá đói giảm nghèo.

Mục tiêu :

Giảm tỉ lệ nghèo đói khoảng 10% tổng số hộ cả nước vào năm 2000, bình quân giảm 300 nghìn hộ/năm, tiến lên xoá hộ đói vào năm 2005 và hộ nghèo ở 2010 theo cách tính hiện nay. Để đạt được các mục tiêu này trước khi có Chương trình 133, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách.

Chính sách :

- Chính sách đối với xã nghèo :

Các xã nghèo được Nhà nước hỗ trợ xây dựng 6 loại công trình cơ sở hạ tầng, bao gồm: "Đường ô tô và đường dây điện tới trung tâm xã; nước sạch cho dân cư; trường, phòng học cho học sinh cấp I, II; trạm y tế; chợ tại xã hoặc liên xã" [4].

Số xã này năm 1996 có 1.300 xã, đến 1998 tăng lên 1.700 xã. Từ 1998-2000 Nhà nước dự định hỗ trợ kinh phí cho dự án này là 3.825 tỉ đồng, theo cơ chế Nhà nước hỗ trợ vật tư, thiết bị, điều tra, khảo sát, quy hoạch và một phần kinh phí; dân bỏ công làm

và đóng một phần kinh phí theo cơ cấu hợp lí với từng loại xã có mức nghèo khác nhau [7].

Chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho xã nghèo là cần thiết, là có lợi cho cả cộng đồng. Trong đó, những hộ trung bình, khá và giàu có điều kiện để mở rộng sản xuất, dịch vụ sẽ khá, giàu thêm lên là điều chúng ta đang mong đợi; còn đối với hộ đói, nghèo thì chỉ có lợi ở mức độ nhất định, thậm chí là rất ít, không đáng kể. Vì họ không có hoặc không đủ điều kiện để tiếp cận được với nguồn lực sẵn có (như đất, ruộng, đầm hoang hoá, đồi trọc, nhận đất trồng rừng... với vốn ưu đãi, v.v.) để mở rộng sản xuất, làm dịch vụ nên khó có thể thoát đói nghèo nếu không có sự đầu tư hỗ trợ trực tiếp, thích đáng của Nhà nước và cộng đồng. Vì vậy, cùng với xây dựng cơ sở hạ tầng giúp xã nghèo thì đồng thời phải tăng cường giúp đỡ cho các hộ đói nghèo có điều kiện cần và đủ để tự thoát đói, nghèo là yêu cầu cấp bách. Do đó, đến 1996, ngoài 14 chương trình quốc gia và dự án được thực hiện có nội dung gắn với xoá hộ đói, giảm hộ nghèo, Đảng và Nhà nước đã có chính sách bổ sung hỗ trợ trực tiếp đối với hộ đói nghèo.

- *Chính sách hỗ trợ trực tiếp đối với nông hộ đói nghèo :*

Đó là các chính sách:

+ Đất đai: Các nông hộ đói nghèo được phân đất với số lượng và chất lượng bằng mức ruộng, đất bình quân ở mỗi xã.

+ Vốn tín dụng: Các nông hộ đói nghèo, được ưu tiên vay vốn sản xuất với lãi suất ưu đãi, có số lượng và thời gian hợp

lí, không phải thế chấp. Trong đó hộ đói nghèo nhất được ưu tiên vay trước.

+ Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho các hộ đói nghèo theo số người trong gia đình. Nhà nước mỗi năm dành ra 600 tỉ đồng kinh phí từ quỹ xoá đói giảm nghèo để mua thẻ BHYT cho đối tượng người nghèo - có khoảng 14 triệu người [6].

+ Miễn học phí cho con em hộ đói nghèo đi học ở các trường phổ thông. Đối với hộ đói hoặc hộ quá nghèo có thể xét trợ cấp thêm học bổng. Ở bậc tiểu học được mượn sách giáo khoa, cấp không vở viết và được miễn mọi khoản đóng góp.

+ Miễn phí học nghề cho con em hộ nghèo và học ở các cơ sở dạy nghề của Nhà nước.

+ Được ưu tiên xét chọn vào các trường dân tộc nội trú, các trường trung học, cao đẳng và ưu tiên xét học bổng hàng năm cho học sinh giỏi là con em các hộ nghèo, nhất là con em hộ dân tộc ít người.

- Khuyến khích cán bộ, sinh viên, nông dân làm ăn giỏi (tại chỗ) hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao công nghệ và phổ biến các biện pháp kĩ thuật giúp đỡ người nghèo sản xuất, kinh doanh.

b) <u>Chương trình 135</u>

Qua 11 minh hoạ về tình trạng và nguyên nhân đói nghèo, đặc biệt qua minh hoạ I.11 (Chương I) cho thấy : cuộc đấu tranh - tấn công chống đói nghèo thật không đơn giản. Đến năm 1998, kết quả XĐGN ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa... đạt được còn rất thấp và có rất nhiều khó khăn. Để tạo bước đột phá trong XĐGN cho những xã nghèo nhất, khó khăn nhất (từ

1160 xã năm 1998 lên 2.325 xã năm 2002), ngày 31/7/1998, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 135/QĐ phê duyệt chương trình phát triển kinh tế-xã hội, xoá đói giảm nghèo nhanh cho các xã đặc biệt khó khăn với *mục tiêu tổng quát* là : nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, tạo điều kiện để đưa các vùng này thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu... và có *mục tiêu cụ thể* ở giai đoạn I (1999-2000) là : về cơ bản ở các xã này không còn hộ đói kinh niên, mỗi năm giảm được 4-5% hộ nghèo; ở giai đoạn II (2001-2005) giảm tỉ lệ đói nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn xuống còn 25% vào năm 2005".

Để tránh sự trùng lặp về nhiệm vụ giữa các chương trình, cuối năm 2000, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định hợp nhất một số chương trình vào Chương trình 135, như các chương trình xây dựng cụm xã; định canh, định cư; hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn; Chương trình đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác XĐGN và cán bộ các xã miền núi. Do đó Chương trình 135 ở giai đoạn 2001-2005 có *năm nhiệm vụ cụ thể* là :

1) Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu ở cơ sở;

2) Xây dựng trung tâm cụm xã;

3) Quy hoạch khu dân cư;

4) Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp;

5) Đào tạo cán bộ xã, bản, phum, sóc...

Để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra ở trên hàng năm cần một số vốn đầu tư rất lớn. Chẳng hạn, năm 2001 ngân sách

Trung ương đã đầu tư là 880 tỉ đồng và vốn giúp đỡ của các bộ, ngành, đoàn thể, các địa phương, các tổng công ti 91 quy ra tiền là 217 tỉ, v.v.. Nhờ đó, các mục tiêu đề ra ở năm 1999 và 2000 về cơ bản các xã đều đạt được.

c) Hệ thống chương trình quốc gia và chính sách có quan hệ đến xoá đói giảm nghèo

Ở đây cũng cần đề cập đến hệ thống các chương trình quốc gia và chính sách trước và sau năm 1996 được thực hiện có nội dung gắn với xoá hộ đói, giảm hộ nghèo gồm có:

1- Chương trình giải quyết việc làm.

2- Chương trình 327.

3- Chương trình nước sạch nông thôn.

4- Chương trình khuyến nông- lâm- ngư.

5- Chương trình y tế cộng đồng (chống sốt rét, bướu cổ, tiêm phòng mở rộng, v.v.).

6- Chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình.

7- Chương trình xoá mù chữ.

8- Chương trình 773.

9- Chương trình định canh định cư.

10- Chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn.

11- Chương trình giao thông nông thôn.

12- Chương trình Nhà nước bao tiêu sản phẩm và trợ cước, trợ giá đối với các vùng cao, sâu, xa, sản phẩm tiêu thụ khó

khăn, giá thấp và cung cấp 7 mặt hàng cho các xã nghèo miền núi.

13- Chương trình hoạt động Quốc gia vì trẻ em 1991-2000 để chăm sóc trẻ em nghèo và chống suy dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em.

14- Chương trình chống tệ nạn xã hội.

15- Chương trình đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo và cán bộ các xã miền núi.

16- Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao.

17- Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng.

18- Chương trình 135 cho các xã nghèo nhất.

19- Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg về việc khám chữa bệnh cho người nghèo.

20- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ngày 4/10/2002 thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội phục vụ xoá đói, giảm nghèo.

3. Kết quả và tồn tại

Nhờ hệ thống chương trình quốc gia và chính sách trên đồng thời có sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo của các cấp chính quyền và có sự tham gia giúp đỡ của các tổ chức quần chúng, của cộng đồng và kể cả một số tổ chức quốc tế, trong hơn mười hai năm qua hầu hết các địa phương trong cả nước đã triển khai công tác

xoá đói giảm nghèo thành phong trào, trong đó có cổ vũ của phương tiện thông tin đại chúng, nên đã đạt được kết quả là: Nếu tính ở năm 1992, cả nước còn 3,8 triệu hộ đói nghèo, bằng 30,01% tổng số hộ, thì đầu năm 1998 đã rút xuống còn 2,6 triệu hộ, tức là 17,7%; 5 năm đã giảm được 1,2 triệu hộ, *bình quân mỗi năm giảm được 240 nghìn hộ, bằng trên dưới 2% tỉ lệ hộ đói nghèo.* Và nếu tính 3 năm 2001-2003 thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia XĐGN và việc làm (có vốn đầu tư lớn trong số 22.580 tỉ đồng của giai đoạn 2001-2005) thì đã giảm được tỉ lệ hộ nghèo từ 17, 18% (theo chuẩn mới) ở đầu năm 2001 xuống còn 11% vào cuối năm 2003, nhưng xem ra là chưa bền vững... [31, 33]. Đó là kết quả lớn. Nó thể hiện quyết tâm cao của Đảng, của Nhà nước ta trong công cuộc chiến đấu - tấn công đói nghèo lạc hậu. Do đó, mặc dù trước đây giữa ta và một số chuyên gia nước ngoài có các phương pháp luận khác nhau về tính chuẩn mực và ngưỡng đói nghèo, tỉ lệ đói nghèo. Nhưng, dù là cách tính như thế nào đến nay cũng đều thừa nhận tỉ lệ đói nghèo của Việt Nam đã giảm khá. Bản đồ tỉ lệ đói nghèo 1993-1998 cho thấy: ở các vùng đã giảm nhanh chậm với tốc độ khác nhau (xem *phụ lục 6*).

Song, bên cạnh những thành tích đạt được, nó đang có nhiều khuyết điểm, tồn tại. Đó là, kết quả đạt được còn mỏng manh, chưa bền vững; đó đây có tình hình báo cáo "chạy theo thành tích", khiến cho hộ tái nghèo và mới phát sinh ở một số tỉnh năm 2002, 2003 cũng đã tăng lên và theo thống kê thì chương trình xoá đói giảm nghèo tiến triển chậm, chưa đạt được kết quả mong muốn so với hệ thống chính sách đã có và lượng vốn đã bỏ ra. Chẳng hạn, chủ trương đề ra, bình quân mỗi năm giảm 300 nghìn

hộ đói nghèo, thì trong 5 năm (1993-1998) bình quân mỗi năm mới giảm được 240 nghìn hộ (đạt 80% so với chỉ tiêu đề ra), hoặc theo kết quả điều tra hộ nghèo năm 2002 ở bốn tỉnh còn cho thấy tỉ lệ hộ đói nghèo vẫn còn cao : Lai Châu 36,84%; Hoà Bình 17,04%; Quảng Trị 17,10%; Đồng Tháp 10,31% [35]. Nếu như năm 1996 có 1.300 xã nghèo nhất thì năm 1998 tăng lên 1.700 xã như Báo Nông nghiệp Việt Nam đã công bố [17] đến đầu năm 2000 lại tăng lên 1.870 xã [30], năm 2002 là 2.325 xã [36]. Mà số hộ đói nghèo, xã nghèo còn lại là số đói, nghèo nhất; cần xoá, cần giảm thì càng về sau càng khó gấp bội.

Vậy tại sao có tình hình đó ? Mục II dưới đây sẽ góp phần làm rõ một số nguyên nhân.

II - MẤY VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM

1. Nhận thức về chủ trương, chương trình và vấn đề cán bộ

Vấn đề nhận thức:

Chủ trương của Đảng và Chương trình Quốc gia xoá đói giảm nghèo cần được quán triệt trong toàn Đảng, toàn dân - mà trách nhiệm làm chuyển biến nhận thức là cấp uỷ, chính quyền và tổ chức quần chúng các cấp - một cách sâu sắc rằng, đây là một nhiệm vụ cực kì quan trọng trong việc thực hiện đường lối cách mạng trong thời kì đổi mới của Đảng ta. Đây là sự thể hiện bản chất của *thể chế chính trị, mà cốt lõi của nó là quan điểm, lập trường giai cấp của Đảng, của Nhà nước ta* (Nhà nước của

dân, vì dân và do dân); *và đã được đặt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội* theo định hướng xã hội chủ nghĩa, công bằng, dân chủ, văn minh, không có người đói, nghèo..., *chiến lược đó đặt con người vào vị trí trung tâm.* Những người nông dân đói nghèo cũng là con người trong phát triển kinh tế - xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; cũng là con người trong quá trình thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đồng thời, cần làm cho mọi người, kể cả những người đang đói, nghèo mà nhất là đội ngũ cán bộ đương chức, đương quyền thấy : một khi đất nước có nhiều hộ đói, nghèo, xã nghèo và đất nước đang còn là một quốc gia nằm trong số nước nghèo nhất thế giới là một sự xúc phạm đến Quốc gia, là một sự xấu xa, nhục nhã, đáng hổ thẹn với chúng ta, để cùng quyết tâm phấn đấu, coi đây là một mặt trận chính trong phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá của đất nước trên con đường tiến lên giàu mạnh, còn đầy thách thức !

Về vấn đề cán bộ :

Để chuyển nhận thức thành hành động trong tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này (như mục tiêu đã đề ra) thì đội *ngũ cán bộ từ trung ương xuống đến cơ sở có vai trò và vị trí quan trọng nhất.* Do đó đội ngũ cán bộ này phải là người có *tâm huyết,* có tư tưởng, quan điểm, lập trường đối với người đói, nghèo... và có *năng lực* thực hiện tốt những nhiệm vụ được phân công cụ thể; đồng thời dám phê bình đấu tranh với những ai có biểu hiện tiêu cực tham nhũng tiền của của Nhà nước (của nhân dân) trong mặt trận chiến đấu xoá đói giảm nghèo này.

2. Về chính sách ruộng đất và vốn

Các chính sách đã có (nêu ở trên) là một sự cố gắng lớn để thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Ở đây chúng tôi không trình bày kết quả thực hiện của hầu hết các chính sách để có thể thấy rõ tác dụng của mỗi chính sách đến xói đói giảm nghèo ở mức nào. Nhưng do yêu cầu chủ yếu là tạo "cần câu" cho người nghèo lập kế hoạch làm ăn, tự xoá đói giảm nghèo thì có một vài chính sách lớn không thể không đề cập đến. Trước hết, đó là chính sách ruộng đất và vốn hỗ trợ trực tiếp đến hộ đói, nghèo.

a) Về chính sách ruộng đất sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp

Có thể nói đây là chính sách hàng đầu, có vị trí quan trọng nhất để những nông hộ đói, nghèo tự cứu - tự xoá đói giảm nghèo. Nhưng trong nhiều năm qua, nhiều địa phương đã làm sai chính sách này. Chẳng hạn, từ 1993 đến 1997 nhiều nơi, nhất là ở đồng bằng Bắc Bộ, khu Bốn cũ, duyên hải Miền Trung đều có tình hình hợp tác xã hoặc chính quyền các địa phương rút bớt ruộng đất của chủ hộ nông dân nghèo từ 27-44% do hộ bị mắc nợ sản phẩm cũ trước đây của hợp tác xã nhưng khó có thể trả được. Còn ở đồng bằng Bắc Bộ bình quân số đó là 40% so với số ruộng được nhận. Do nguyên nhân chủ yếu đó, ruộng đất bình quân (theo các nguồn điều tra thí điểm đến cuối năm 1996) trong cả nước cho một nhân khẩu ở nông hộ giàu là 1844m^2, thì ở nông hộ nghèo chỉ có 477m^2, bằng 26,4% so với nông hộ giàu. Riêng

đồng bằng Bắc Bộ, ở nông hộ giàu là 1682m²/khẩu, thì ở nông hộ nghèo là 412m²/khẩu, bằng 24,5% so với hộ giàu. Dĩ nhiên là sự chênh lệch đó ngày càng xa cách hơn do nhiều nguyên nhân.

Ở đây, chúng tôi chỉ nêu thêm một nguyên nhân nữa là việc tính khẩu và thời gian chia ruộng cũng có ảnh hưởng đến việc giảm bớt phần ruộng của nông hộ đói nghèo bởi lí do sau đây: hộ nghèo thường là hộ có nhiều con nhỏ, người làm thì ít, trẻ ăn theo thì nhiều. Có nơi tính khẩu để chia ruộng theo quy định từ ngày 15/10/1993 như Thanh Hoá. Còn nhiều nơi như Hải Dương, Hưng Yên thì tự tỉnh quy định (Nghị quyết 03) : nếu sinh con thứ ba, kể từ năm 1990 đến 15.10.1993 thì chỉ được chia 0,5 suất, còn con thứ tư, thứ năm là không được chia ruộng (!?). Thậm chí có nơi như Hà Tĩnh lại quy định mức thời gian chia ruộng, chỉ được tính cho những khẩu sinh trước tháng 1/1996 (!?), xem minh hoạ I.3 thì rõ, v.v..

Đặc biệt khi nghiên cứu về chất lượng đất đai, chúng tôi còn thấy nông hộ đói nghèo còn nợ sản phẩm cũ của hợp tác xã chẳng những bị rút ruộng mà diện tích bình quân đám ruộng giao cho họ nhỏ hơn, manh mún hơn, xấu hơn, xa hơn chỉ bằng 49-74% của bình quân chung. Ruộng loại A (tốt nhất) họ chỉ có từ 0-32%, còn ruộng xấu loại C và xấu nhất loại D thì tăng từ 129,2% đến 208,3%.

Tính ra trên số ruộng bị rút, mỗi hộ đói nghèo (ở nơi điều tra) bị mất không một khoản thu nhập là 147-294kg thóc/năm (đó là chưa tính số sản phẩm giảm và chi phí sản xuất tăng do số ruộng được giao xa, xấu hơn). Đồng thời còn mất đi điều kiện quan

trọng nhất là đất đai để lao động sản xuất, tăng thêm thu nhập, bảo đảm đời sống tối thiểu nhất cho gia đình họ.

Hậu quả của việc rút bớt, chia thiếu ruộng và ruộng xấu nhiều hơn cho nông dân nghèo đói vô tình đã làm giảm việc làm, giảm thu nhập, giảm quyền lợi dẫn đến chỗ chẳng những họ khó tự xoá đói giảm nghèo mà còn làm tăng thêm tình cảnh đói nghèo của họ.

Thấy rõ tác hại của việc làm này đối với việc thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo, nên ngày 29/10/1996 chúng tôi đã kiến nghị trả lại ruộng đất cho nông hộ đói nghèo và đã công bố trên diễn đàn Báo Nhân dân bài: *Có nên rút bớt ruộng của hộ nông dân đói nghèo?* Và đến tháng 12/1996 chúng tôi lại lần nữa tiếp tục kiến nghị qua Tạp chí cộng sản bài: *Ruộng đất của người nghèo: thực trạng và kiến nghị*. Nhưng cho tới 1998 (ở những nơi mà chúng tôi mới trở lại khảo sát) thấy vì lẽ này, lẽ khác, có nơi như Thanh Hoá đã trả, còn nhiều nơi khác vẫn chưa trả, nên đến tháng 9/1998 tỉ lệ số ruộng mỗi hộ đói nghèo bình quân còn bị rút là trên dưới 26% (các minh hoạ I.2; I.3; I.5; I.9 cũng đã chỉ rõ).

Điều đặc biệt lưu ý là, hiện nay (từ 1993 đến 2003) cả nước có đến hơn nửa triệu hộ nông dân đói nghèo không có, hoặc thiếu ruộng sản xuất, trong đó tập trung nhiều nhất vào Đồng bằng sông Cửu Long. (Tính đến tháng 5/1998 ở Đồng bằng sông Cửu Long số hộ nông dân đói nghèo không còn đất và thiếu đất sản xuất chiếm 69,88% trong tổng số hộ nông dân đói nghèo ở Đồng bằng sông Cửu Long). Ở đó lại còn những ông chủ vốn không phải là nông dân mà là dân đô thị chiếm đất (như Nhà nước cho

không) lập hàng trăm đồn điền lớn (mang hình thức trang trại) và có trang trại có quy mô lớn đến 2000-3000 ha [11]. Những điều đó thiết nghĩ cần phải nghiên cứu sao cho hộ nông dân đói nghèo cần ruộng phải có ruộng sản xuất, để họ tự xoá đói giảm nghèo bền vững và cũng là cơ sở đảm bảo thực hiện mục tiêu của Chương trình Quốc gia về xoá đói giảm nghèo. Một thực tế ngày càng khẳng định : đất luôn luôn là "khát khao của người nghèo [cả] ở Đồng bằng sông Cửu Long". Mà người nông dân nghèo ở ngay giữa Đồng Tháp Mười - tỉnh Đồng Tháp - hiện nay (13/5/2003) không có đất và thiếu đất sản xuất đã lên tới 48,51%... [37].

b) Về chính sách vốn đầu tư cho các nông hộ đói nghèo vay sản xuất với lãi suất ưu đãi

Người nông dân đói, nghèo có sức lao động và sau khi có đất, yêu cầu có vốn sản xuất là yếu tố cực kì quan trọng. Mà đã đói, nghèo và càng đói nghèo nhiều thì càng thiếu vốn. Chính họ đã từng phải vay thóc, vay tiền nặng lãi nhất, thậm chí phải bán cả lúa non, cầm cố ruộng đất, bán tư trang (nếu có) với giá rẻ nhất để vượt qua những cơn đói lả, ốm đau, hoạn nạn sắp chết. Vay nặng lãi là "nhát dao tàn bạo nhất" để dẫn những người đói nghèo đến cùng đường, ngày càng đói nghèo hơn và thậm chí khiến họ làm cả điều phạm pháp ("Đói ăn vụng, túng làm liều"). Qua các lần khảo sát nông thôn đã cho chúng tôi thấy hầu như 100% người nông dân đói nghèo đều phải vay nặng lãi. Trong khi đó những khoản vốn ưu đãi theo chính sách thì hầu như đa số hoặc là chưa được vay, hoặc số hộ được vay chiếm một tỉ lệ rất nhỏ với lượng cho vay là rất ít với thời gian rất ngắn. Dĩ nhiên là đó đây

có nơi đã giải quyết vấn đề này tốt hơn gấp nhiều lần như thành phố Hồ Chí Minh chẳng hạn. Nhưng nhìn chung tình trạng không cho vay (sợ không có trả) hoặc vì còn nợ cũ vài ba trăm nghìn đồng với lãi suất khi còn cao (2,5%) nên không cho vay, hoặc cho vay rất ít : vài ba trăm, năm ba trăm nghìn đồng. Cá biệt lắm mới vay được vốn của Ngân hàng phục vụ Người nghèo 1-1,5 triệu đồng với nhiều khoản lệ phí không đáng có, v.v.. Vậy thì một phần hay phần lớn của hàng bao nghìn tỉ đồng tiền vốn cho người nghèo vay lâu nay đã chạy đi đâu ?

Về vấn đề này, lâu nay ít nhiều chúng ta đã biết qua nhiều bài báo: *Xoá đói giảm nghèo - người đói kẻ no* [24]; *Vốn 327 đi về đâu ?* [18]; *Cán bộ chiếm dụng vốn xoá đói giảm nghèo* [23]; v.v.. Bài báo: *"Làm sao để đồng vốn xoá đói giảm nghèo đến đúng địa chỉ"* [17] đã viết: "Được biết, tính tới thời điểm này Chính phủ đã đầu tư 10.927 tỉ đồng cho công tác xoá đói giảm nghèo, cả nước đã có 2,6 triệu nông hộ nghèo được vay vốn...

"Với 10.927 tỉ đồng, trong 6 năm qua các chương trình quốc gia và các chính sách khác đã đầu tư bình quân khoảng 1-1,2 triệu đồng cho 1 nông hộ ở các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên (kể cả vốn đầu tư, cho không và vay vốn) để phát triển sản xuất... Đó là chưa kể các nguồn vốn đầu tư chung của Nhà nước lớn gấp hai lần số tiền nói trên" [17].

Từ đây, bước đầu, chúng ta có thể thử tính số vốn xóa đói giảm nghèo đó đầu tư đến hộ đói nghèo được bao nhiêu phần trăm ? Ta làm một bài toán đơn giản sau đây: 10.927.000 triệu đồng/2.600.000 hộ = 4,2 triệu đồng/hộ, một hộ lẽ ra phải được đầu tư các khoản lên tới 4,2 triệu đồng, nhưng thực tế vốn xoá đói

giảm nghèo đầu tư cho một hộ ở nơi đói, nghèo nhất (miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, lẽ ra được ưu tiên cho vay trước, cho vay nhiều hơn) cũng chỉ có khoảng 1,0 - 1,2 triệu đồng/hộ; tức là 1,1 triệu/4,2 triệu có 26,2% số vốn. *Vậy còn 73,8% vốn xoá đói giảm nghèo chạy đi đâu ?*

Chúng tôi thấy đây còn là một bài toán có nhiều ẩn số. Nhà nước cần nghiên cứu để giải. Vì những lẽ đó, người đói nghèo không có vốn mua phân bón, mua giống tốt, mua thức ăn gia súc chăn nuôi... nên đó đây năng suất cây trồng, gia súc chăn nuôi của người đói nghèo thấp cũng là điều dễ hiểu. Thế mà nhiều người còn cho rằng, người đói nghèo không biết sản xuất, không có trình độ thâm canh, chỉ người giàu mới biết nên dồn ruộng đất, vốn cho người giàu (nhất là người phi nông, lắm tiền) để làm giàu rồi họ sẽ tạo việc làm cho người đói nghèo, chứ không trả lại ruộng, giao thêm ruộng đất, cho vay vốn để người đói nghèo chuộc lại ruộng đất thì có lợi hơn nhiều (!?).

Đây là một quan điểm về kinh tế-xã hội. Nhưng theo sự nghiên cứu, tính toán bước đầu của chúng tôi (tất nhiên đây là một vấn đề sẽ phải được Nhà nước nghiên cứu) thì thấy rằng: "Lợi bất cập hại".

Thử hỏi "cái lợi" mà họ nói đó có bằng số vốn (gồm cả tài, lực) mà Nhà nước, nhân dân ta đã và sẽ phải bỏ ra để chống đói, giảm nghèo không ? Hơn thế nữa, cái hậu quả của đói nghèo sẽ rất to lớn, bởi đói nghèo là nguyên nhân dẫn đến hàng loạt thua thiệt khác như suy dinh dưỡng ở gần 100% bà mẹ và trẻ em trong loại nông hộ nghèo đói, yếu kém về thể chất, ốm đau, bệnh tật, thất học và các tệ nạn xã hội khác (như *hình 1.1*). Điều đó tăng

thêm hậu quả của thực trạng phân hoá giàu nghèo, phát huy mạnh mẽ mặt trái của nó trong nền kinh tế thị trường. Nó sẽ trút lên vai của ai gánh chịu ? *Chắc chắn không phải là chỉ bản thân người nông dân đói nghèo và gia đình của họ gánh chịu mà cả nền kinh tế, xã hội, văn hoá đất nước chịu ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài những điều không thể lường hết được.*

Thêm vào đây, chúng tôi cũng thấy rằng, đó đây có người đói nghèo còn đất và vay được tiền xoá đói giảm nghèo nhưng không đưa vào sản xuất mà chè chén vung phí, thậm chí còn cờ bạc, nhưng đó là cá biệt và rất cá biệt trong khi đó họ không được ai hướng dẫn kế hoạch làm ăn, theo dõi kiểm tra kết quả sản xuất nên nợ vẫn tăng thêm nợ. Một số khác vay được năm ba trăm ngàn đồng về chỉ dám mua con lợn giống còi (cho rẻ vì ít vốn), vài chục ki-lô-gam phân bón, còn một ít phải đong gạo ăn chống đói (để lấy lại sức lao động sản xuất) nên nợ vẫn tăng nợ (vì lãi), không trả được, lại không được vay vốn ưu đãi. Đó là một vòng luẩn quẩn: "Tít mù rồi lại vòng quanh" ! Chứ đâu phải nông dân đói nghèo không biết làm ăn và hoang phí. Trong thực tế, ruộng đất là vấn đề "sống còn" của nông dân, đặc biệt là của nông dân đói nghèo nên nhiều nông hộ đói nghèo đã dồn hết sức mình (bao gồm cả vay mượn) để chăm sóc mấy sào ruộng còn lại mong muốn nuôi sống cả gia đình. Do đó ở nhiều hộ đói nghèo (chúng tôi đến điều tra liên tiếp mấy vụ vừa qua) năng suất lúa của họ có người đạt trên dưới 250kg thóc/sào (360m^2). Như vậy đâu phải họ không biết làm ăn, thâm canh sản xuất nông nghiệp ! Dĩ nhiên là phần lớn ở họ ít học, hoặc mù chữ, mù cả thông tin lại không được hoặc ít được tiếp cận với cán bộ khuyến nông nên tiếp thu

giống mới, công nghệ mới thua kém hơn bà con nông dân khá giả và có học vấn. Do đó, Nhà nước mới có hàng loạt chính sách cho người đói nghèo, trong đó có cả chương trình, tổ chức khuyến nông. Vậy không nhẽ khuyến nông không phục vụ người đói nghèo ư ? Có cả Ngân hàng phục vụ người nghèo nay chuyển thành Ngân hàng Chính sách xã hội phục vụ Xoá đói giảm nghèo. Vậy hỏi tại sao đó đây Ngân hàng phục vụ người nghèo đem tiền phục vụ người giàu, thậm chí là phục vụ nhà buôn có vốn đến trăm triệu [24] ???, v.v.. Bên cạnh đó chúng ta còn có hệ thống tổ chức xoá đói giảm nghèo hoàn toàn có khả năng giúp người nghèo làm tốt mấy sào ruộng, cải tạo vườn tạp, ao, chuồng... để họ phát triển sản xuất, tự xoá đói giảm nghèo bền vững cho chính gia đình họ.

Vì những lẽ trên, chúng tôi hoàn toàn không đồng ý với những lập luận trên và xin kiến nghị :

c) Kiến nghị

** Một là:*

Đề nghị trả lại phần ruộng đất của hộ nông dân đói nghèo nợ sản phẩm cũ bị xã rút bớt ruộng để họ canh tác, tự bảo đảm cuộc sống, xoá đói giảm nghèo của gia đình [9].

Để giải quyết vấn đề này được sớm và nghiêm minh, Nhà nước nên có văn bản cho Uỷ ban nhân dân xã không được rút bớt ruộng của những hộ nông dân đói nghèo có nợ sản phẩm cũ, *thực sự không thể trả được, chứ không phải "người sử dụng đất cố ý không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước"*. Vậy, *nếu nơi nào đã rút thì phải trả lại cho họ đúng số lượng và chất lượng.*

Văn bản này cần được công bố nhiều lần trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi nông dân đói nghèo đều biết, vì họ *rất thiếu thông tin.*

* *Hai là:*

Đề nghị hợp tác xã và các cấp xác định đúng số nợ cũ khó có thể trả được của số nông hộ nghèo đói bị nợ sản phẩm của hợp tác xã, của Ngân hàng và có giải pháp xoá một phần hoặc trường hợp đặc biệt (nợ từ 1988 về trước) thì xoá cả số nợ sản phẩm này và khoanh số nợ Ngân hàng cũ lại cho các chủ nông hộ đang trong hoàn cảnh nghèo đói [9].

Thêm vào đây, chúng tôi còn thấy: Hiện nay (từ 1993 đến 2003) chẳng những ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long có khoảng hơn 140 nghìn hộ cực đói nghèo phải vay nặng lãi của tư nhân, không trả được, hoặc ốm đau, tai nạn,... phải bán ruộng để trả, mà ở một số tỉnh Miền Trung, Miền Bắc nơi chúng tôi điều tra, với lí do trên, cũng đã có một số hộ bán một phần ruộng đất. Do đó, chúng tôi đề nghị Nhà nước có giải pháp để Ngân hàng phục vụ người nghèo nay là Ngân hàng Chính sách xã hội phục vụ Xoá đói giảm nghèo cho họ vay đủ số vốn để chuộc lại số ruộng này và có thêm vốn để phát triển sản xuất, để nhận thêm đất hoang, đất đồi, rừng (một cơ hội như cho không đất) để mở rộng sản xuất, để tự xoá đói giảm nghèo bền vững.

Một thực tế đáng quan tâm là các hộ này hiện nay (từ 1993 đến 2003) phần lớn là không vay được hoặc vay được rất ít vốn từ Ngân hàng phục vụ người nghèo và các nguồn quỹ ưu đãi

khác * mà ngược lại, người khá thậm chí cả người giàu lại được vay nhiều ? Do đó, trong nhiều hoàn cảnh cực kì khó khăn họ buộc phải bán rẻ ruộng đất cũng là điều cần thấu hiểu và rất đáng suy ngẫm !

* *Ba là:*

Đề nghị trong từng thời gian 4-5 năm đối với nông hộ đói và 2-3 năm đối với nông hộ nghèo, Nhà nước nên *dùng chính sách phân phối lại để miễn thu thuế ruộng đất, thuỷ lợi phí, học phí, viện phí; xã miễn thu các khoản về an ninh, phúc lợi và các khoản đóng góp nghĩa vụ xã hội,... cho những nông hộ đói nghèo* [21].

* *Bốn là:*

Cùng với các giải pháp trên, đề nghị *Nhà nước cần hoàn thiện chính sách ưu tiên đầu tư và sử dụng vốn phát triển nông nghiệp, nông thôn - đặc biệt là chính sách đầu tư xoá đói giảm nghèo cho vùng nghèo, xã nghèo, hộ nghèo một cách hợp lí.* Vì chúng luôn luôn có mối quan hệ với nhau rất chặt chẽ trong xoá đói giảm nghèo [10]. Chẳng hạn về việc ưu tiên xây dựng những

---

* Xem thêm nguồn tư liệu mới :

+ Cho vay xoá đói giảm nghèo [...] người nghèo khó tiếp cận vốn vay, phải vay của tư nhân lãi suất 10% tháng - Báo Nhân dân ngày 14/12/2000;

+ Vì sao nông dân Yên Dũng phải đi vay nặng lãi ? - Báo Nông nghiệp Việt Nam ngày 2/10/2001;

+ Lợi dụng cho vay vốn để nhận hối lộ - Báo Công an Nhân dân ngày 5/10/2002.

cơ sở hạ tầng ở những xã nghèo, vùng nghèo như thế nào cho hợp lí là vấn đề cần bổ sung hoàn thiện. Vì qua nghiên cứu những ảnh hưởng trực tiếp của cơ sở hạ tầng đến xoá đói giảm nghèo thì chúng tôi thấy rằng, vấn đề thuỷ lợi cho sản xuất nông nghiệp là vấn đề hàng đầu vừa có lợi cho cả cộng đồng, vừa có lợi trực tiếp đến hộ đói nghèo là rất thiết thực, rõ ràng. Ví như ở Kỳ Phương (Kỳ Anh – Hà Tĩnh, xem các chú thích được minh hoạ ở I.3); ở Đông Minh - Đông Sơn - Thanh Hoá (xem các chú thích được minh hoạ ở I.2) đã cho thấy là rất rõ.

* *Năm là:*

Trong chính sách vốn đầu tư xoá đói giảm nghèo, đề nghị Nhà nước nghiên cứu hoàn thiện theo các giải pháp:

+ Trên cơ sở xác định đúng tiêu chuẩn hộ đói, nghèo và hộ đã được cán bộ xã hướng dẫn lập kế hoạch làm ăn, theo dõi công việc thực hiện công nhận, *Nhà nước cho vay không lãi, không thế chấp và chuyển thẳng tiền mặt trực tiếp theo đơn xin vay của hộ đói khoảng 3-7 triệu, cho hộ nghèo khoảng 2-5 triệu đồng, với thời gian là 5 năm cho hộ đói, 3 năm cho hộ nghèo, sau thời gian đó mới trả dần lại vốn vay cho Nhà nước mỗi năm 1 triệu đồng.*

+ Đồng thời cùng với giải pháp trên, để hạn chế các mặt tiêu cực, tham nhũng các nguồn vốn cho người đói, nghèo như nhiều nơi đã xảy ra, *Nhà nước nên thống nhất quản lí các nguồn vốn cho hộ đói nghèo vay bằng một đầu mối* (không để như hiện nay có đến hơn 10 đầu mối, dễ phát sinh tiêu cực- tham nhũng...).

+ Và nên thống nhất mức lãi suất hợp lí cho người đói, nghèo vay của NHNo và Ngân hàng phục vụ người nghèo (nay là Ngân

hàng chính sách xã hội phục vụ Xoá đói giảm nghèo) khi họ cần vay thêm cho sản xuất (do yêu cầu của kế hoạch làm ăn) và cả cho khi gặp khó khăn để khỏi phải vay tư nhân nặng lãi, đồng thời để hạn chế tình trạng người khá giả (thông đồng với cán bộ) được vay nhiều để cho vay lại và hưởng chênh lệch lãi (chênh lệch giá) v.v..

3. Về biện pháp hành động chủ yếu của các cấp và hộ

Đây là cách làm, việc làm cụ thể của các cấp và hộ đói nghèo nhằm cùng mục đích xoá đói giảm nghèo có hiệu quả, đem lại cơm no, áo ấm, hạnh phúc trực tiếp cho người đói, nghèo và cũng là cho chính mình, cho tất cả. Ở đây chỉ đề cập đến mấy biện pháp hành động chủ yếu :

a) Biện pháp hành động chủ yếu của các cấp (từ trung ương xuống tỉnh, huyện, xã)

* *Một là:* Sau khi Chương trình Quốc gia về xoá đói giảm nghèo được đưa vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá, các cấp cần phải xác định mục tiêu, bước đi và có kế hoạch, có tổ chức thực hiện một cách cụ thể (xác định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của cấp mình và phân công, giao nhiệm vụ cụ thể đến từng người).

* *Hai là:* Tổ chức lại bộ máy xoá đói giảm nghèo cả về mặt quản lí, chỉ đạo và điều hành sao cho thống nhất từ trung ương xuống đến cơ sở để bảo đảm đạt được kết quả tốt hơn. Vì hiện nay có đến hơn 20 chương trình dự án mà trong đó phần lớn nội dung cơ bản vẫn là xoá đói giảm nghèo. Chẳng hạn: Chương trình

135; Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu ở cơ sở; Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã; Chương trình định canh định cư; Chương trình Hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn trong phát triển sản xuất; Chương trình đào tạo cán bộ xã, bản, phum, sóc; v.v.. Nếu để riêng lẻ thì vừa manh mún, chồng chéo, tốn kém nhiều kinh phí hành chính vừa gây nhiều quan liêu, lãng phí, tiêu cực - hầu như chương trình dự án nào cũng bị thất thoát - tham nhũng dẫn đến kết quả đạt được là còn thấp xa so với vốn đã bỏ ra (kiến nghị đã được giải quyết - xem *mục b, phần I.2, chương II*).

* *Ba là:* Về cán bộ xoá đói giảm nghèo gồm cán bộ *chuyên trách và kiêm nhiệm có tâm huyết, có năng lực và liêm khiết* từ trung ương đến cơ sở. Bảo đảm nguyên tắc: gọn nhẹ, chuyên tinh, hiệu quả và thưởng phạt nghiêm minh. Thêm vào đấy, nếu cần, Chính phủ có thể thành lập một nhóm tư vấn về xoá đói giảm nghèo cho Chính phủ.

* *Bốn là*: Có chế độ kiểm tra kiểm toán việc thực hiện các chính sách xoá đói giảm nghèo công khai, minh bạch, không có tham nhũng dưới bất cứ hình thức nào.

* *Năm là*: Có chế độ phân công, giao nhiệm vụ, giúp đỡ theo dõi kế hoạch làm ăn của các nông hộ đói nghèo, có sơ kết, tổng kết và có biện pháp nhân rộng.

* *Sáu là:* Để nhân rộng, nhanh và có hiệu quả thiết thực, cần coi trọng và có sự giúp đỡ *những mô hình* tự phấn đấu thực hiện kế hoạch làm ăn, xoá đói giảm nghèo đã được tổng kết để *học tập nêu gương* và hoàn thiện những điều còn khiếm khuyết như việc nêu gương chị Lê Thị Dương chẳng hạn (xem Báo Thanh Hoá, ngày 24/10/1998).

b) Biện pháp hành động chủ yếu của các nông hộ đói nghèo

Tâm lí và biện pháp hành động làm ăn có kế hoạch của mỗi nông hộ để tự xoá đói giảm nghèo là có tính quyết định. Nó được thể hiện bằng hành động :

* *Một là:* Học tập lập kế hoạch làm ăn, chuẩn bị các nguồn lực và công nghệ cho sản xuất, dịch vụ và phân công điều khiển lao động hợp lí đến từng công việc cho từng người trong gia đình trong từng ngày, từng tuần, bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch sản xuất - dịch vụ đã lập để tự xoá đói giảm nghèo và phát triển. Kiên quyết chống, tránh tư tưởng ỷ lại (xem *chương III*).

* *Hai là:* Tiến hành ghi chép, theo dõi thu chi bằng tiền mặt, để biết việc sử dụng tiền mặt vào sản xuất, vào sinh hoạt và số dư cần có trong mỗi tháng để trả nợ (dưới hình thức dùng nó đầu tư thêm cho mở rộng sản xuất, làm dịch vụ hoặc gửi tiết kiệm). (xem hướng dẫn ở *phần B của phụ lục*).

* *Ba là:* Tập hạch toán giá thành những sản phẩm chính từ giản đơn đến đầy đủ và tập phân tích hiệu quả thực hiện kế hoạch làm ăn sau mỗi vụ, mỗi năm để tự tin, động viên các thành viên trong gia đình phát huy tính tích cực trong lao động sản xuất và tiết kiệm trong tiêu dùng; đồng thời khắc phục những khuyết điểm để phát triển sản xuất, làm dịch vụ cho vụ sau, năm sau tốt hơn, tự xoá đói giảm nghèo bền vững rồi tiến lên khá giả (xem hướng dẫn ở *chương IV*).

Tóm lại, mấy vấn đề cần quan tâm mà tác giả đề cập trong cuốn sách này từ năm 2000, đến nay nhìn lại thấy nó vẫn giữ nguyên giá trị.

Tại Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kì thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xoá đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001-2005 (trong hai ngày 2 và 3/10/2003 tại Hà Nội), khi đề cập đến các giải pháp cho những năm tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ đã lưu ý Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia XĐGN và việc làm : "Cần xem lại cơ chế chính sách chưa phù hợp để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp". Và trong ý kiến của mình, Bộ trưởng Lê Huy Ngọ kết luận : "Mọi vấn đề đều trong tầm tay của chúng ta, tồn tại thuộc về nhận thức, điều hành của cấp chính quyền tỉnh, huyện, xã". Đồng thời Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm yêu cầu các địa phương phải lấy tính bền vững, hiệu quả là hàng đầu, không chạy theo thành tích" [31].

Để XĐGN bền vững và có hiệu quả, chúng ta hãy quan tâm hướng dẫn lập và thực hiện kế hoạch làm ăn để XĐGN bền vững cho hộ nông dân như ở các chương tiếp theo.

CHƯƠNG III

LẬP KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO

I - KẾ HOẠCH LÀM ĂN LÀ KIM CHỈ NAM CHO HÀNH ĐỘNG VÀ LÀ BIỆN PHÁP TỐT ĐỂ VƯỢT ĐÓI NGHÈO BỀN VỮNG CỦA HỘ NÔNG DÂN

1. Kế hoạch làm ăn là kim chỉ nam cho hành động

Hộ nông dân (nông hộ) nói chung và các hộ nông dân đói nghèo là những đơn vị kinh tế *tự chủ*. Tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất dịch vụ kinh doanh, khoa học kĩ thuật, tài chính và *tự chịu hoàn toàn trách nhiệm* về lãi lỗ, dẫn đến khá, giàu hoặc nghèo đói.

Vậy, để tự chủ tốt, tất yếu phải lập kế hoạch làm ăn: Sản xuất, dịch vụ gì ? Vốn và công nghệ sản xuất-dịch vụ như thế nào ? Sản xuất ra được bao nhiêu, để ăn bao nhiêu, bán bao nhiêu, bán cho ai, bán lúc nào, bán ở đâu ? Giá bán so với chi phí sản xuất (giá thành) thì lãi, hoà hay lỗ ?

Làm ra sản phẩm, làm dịch vụ, làm thuê kiếm được tiền thì ăn tiêu sao cho (có lượng, có chất mà rẻ nhất) phù hợp với hoàn cảnh kinh tế còn nợ, còn đói nghèo của gia đình mình nên càng

phải có kế hoạch ăn tiêu một cách tiết kiệm nhất. Do đó kế hoạch làm ăn *vừa cần, vừa kiệm* của mỗi hộ nông dân, đặc biệt là hộ nông dân đói nghèo, là yêu cầu khách quan. *Nó như ngọn đèn, bó đuốc soi sáng cách làm ăn cho hộ nông dân đói nghèo vượt đói nghèo bền vững.* Như bó đuốc soi sáng cho người nghèo lần đường đi trong đêm tối trong những nẻo đường gập nghềnh khúc khuỷu, lắm vực thẳm, nhiều đèo cao có thể khỏi bị vấp ngã xuống vực thẳm của đói nghèo mà vững bước vượt qua.

Nhưng, để lập được kế hoạch làm ăn (sản xuất-dịch vụ, khoa học-kĩ thuật, tài chính) được sát đúng (hay gần đúng) và chắc chắn là có thể thực hiện được, thì cần phải học để làm từ thấp đến cao. Vì nó là một khoa học của quản lí kinh doanh sản xuất, dịch vụ.

2. Lập kế hoạch làm ăn từ thấp đến cao là biện pháp kết hợp tốt sự giúp đỡ của Nhà nước (chính sách xoá đói giảm nghèo) với hành động tự cứu mình - tự xoá đói giảm nghèo - có hiệu quả nhất. Chính nó là một dự án về xoá đói giảm nghèo.

Tự xoá đói giảm nghèo là hành động - là việc làm cụ thể - mà bất cứ người đói, nghèo nào cũng mong muốn để có cơm no, áo ấm, có độc lập - tự do - hạnh phúc. Đó chính là *tâm lí*, là ước mơ đơn giản nhất của con người để khỏi *xấu hổ* với mình, với người đời. Nhưng làm sao để vượt qua ? Cái đói nghèo từ đời này sang đời khác, ngày nọ đến tháng kia cứ níu kéo họ mãi mãi! Nếu không có sự giúp đỡ ? Nhưng có sự giúp đỡ mà tự bản thân người đói nghèo thiếu nhận thức, thiếu tình cảm, thiếu ý chí "*thương*

người không tày thương thân" để có hành động quyết chí vượt qua đói nghèo thì những cơ hội giúp đỡ *"thương người như thể thương thân"* được thể hiện trong chính sách xoá đói giảm nghèo của Nhà nước sẽ trôi qua, khó tự xoá đói giảm nghèo như mong muốn !

Thực tế chỉ ra là chỉ có sự kết hợp: tự thương mình, tự cứu mình là chính, kết hợp với người thương, người cứu mình bằng chính sách xoá đói giảm nghèo của Đảng, của Nhà nước mới có thể thực hiện được mục tiêu xoá đói giảm nghèo và vượt qua đói, nghèo bền vững. Nhưng để vượt qua sao cho có hiệu quả cao (từ giảm dần mức đói, nghèo đến xoá được đói, tiến lên xoá được nghèo với thời gian ngắn nhất so với mục tiêu, với tiền vốn, sức lực đã chi ra) *thì đòi hỏi phải lập và thực hiện cho kì được kế hoạch làm ăn từ thấp lên cao sao cho sát với hoàn cảnh cụ thể của mỗi hộ đói nghèo thì mới có thể thực hiện tốt được việc kết hợp này.* Kết hợp tự cứu mình với sự giúp đỡ mình, được thể hiện trong kế hoạch làm ăn ở từng vụ, từng năm có sự giúp đỡ, kiểm tra theo dõi chặt chẽ, *nhằm chẳng những để đảm bảo vốn vay làm ăn đạt được hiệu quả cao; để đảm bảo hoàn trả vốn, lãi vay; mà còn bảo đảm tái sản xuất mở rộng, bảo đảm xoá đói giảm nghèo bền vững. Như vậy thực chất của kế hoạch làm ăn của mỗi nông hộ đói nghèo là một dự án thực hiện chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo quan trọng nhất và có hiệu quả trực tiếp nhất.*

Theo chúng tôi, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước đã có hơn 12 năm rồi và Nhà nước chi tiền cho xoá đói giảm nghèo cũng đã nhiều (dù chưa thoả đáng), nhưng mục tiêu đề ra đạt được còn thấp. Có tình hình đó bởi một trong nhiều nguyên

nhân là chưa có biện pháp chủ yếu này. Song, để lập và thực hiện được kế hoạch làm ăn sát đúng với hoàn cảnh cụ thể của mỗi nông hộ đói nghèo thì cần phải biết được những điều kiện cơ bản dưới đây:

II - NHỮNG ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN CẦN BIẾT ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO

1. Những thông tin về chính sách đối với hộ đói nghèo, xã nghèo có ảnh hưởng đến việc lập và thực hiện kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo

Để thực hiện chủ trương, mục tiêu xoá đói giảm nghèo của Đảng, Nhà nước đã có chương trình Quốc gia và nhiều chính sách cụ thể để xoá đói giảm nghèo như đã trình bày ở *mục I chương II*. Nhưng qua tiếp cận với các loại nông hộ đói nghèo ở nhiều vùng trong cả nước, có thể nói đối với phần lớn các chính sách, người nghèo đói nhận được thông tin không đầy đủ, thiếu chính xác, thậm chí sai lệch hoặc không nhận được thông tin. Do đó, chúng tôi thấy, để tính toán được nguồn lực (nhất là ruộng đất canh tác, đất trồng rừng ưu tiên cho người nghèo trong dự án trồng 5 triệu ha rừng[1] và vốn được cấp, được vay, v.v.) thì Ban

---

[1] Về trồng rừng sản xuất : Trong dự án trồng 5 triệu hecta rừng có quy định : "Hộ nghèo được cấp 0,5-2ha đất phát triển kinh tế gia đình, được cấp 1,5 triệu đồng/ha rừng trồng; được vay ngân hàng tới 10 triệu đồng, không phải thế chấp" (Báo Nhân dân : 6/5/1998).

xoá đói giảm nghèo xã cần có biện pháp thông tin sao cho từng hộ đói nghèo có thể nắm chắc được các chính sách này để làm thủ tục xin nhận đất, vay tiền, v.v. để lập kế hoạch làm ăn, tự xoá đói giảm nghèo.

2. Thông tin thị trường hiện tại và dự báo ở một số năm tới

Thị trường có vị trí trọng yếu đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đến chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, đến tiểu vùng, đến xã và thực hiện trong doanh nghiệp, trong hộ nông dân và đến cả kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo là có tính quy luật của nền kinh tế thị trường. Do đó, vấn đề thông tin thị trường chẳng những là yêu cầu, đòi hỏi cấp bách của doanh nghiệp, của nông hộ khá giàu sản xuất nông sản hàng hoá ngày càng nhiều mà ngay cả các hộ nông dân đói nghèo cũng rất cần, nhất là cần cho việc lập kế hoạch làm ăn để xoá đói giảm nghèo có hiệu quả. Vì thực tế hiện nay, vấn đề giá cả nông sản phẩm thì ngoài giá lương thực gần đây có tăng lên đã chống được lỗ, sản phẩm đã có lãi hợp lí, nhưng các nông sản phẩm khác thì giá cả không ổn định đã gây nhiều tổn thất - làm ăn thua lỗ cho nông dân, nhất là các hộ đói nghèo. Chẳng hạn, đầu năm 1998 nhà nghèo nào vay được ít vốn cũng cố mua được một, hai con lợn giống để nuôi - như "tiền bỏ ống tre" - để góp phần kiếm một món tiền trả nợ, để góp phần xoá đói giảm nghèo. Nhưng do "mù mịt" về thông tin dự báo giá cả thị trường nên chăn nuôi lợn đang bị thua lỗ to. Vì giá lợn năm 1998 xuống quá thấp, 1kg thịt lợn hơi giá 7 nghìn đồng và 1kg lợn hơi giống giá chỉ có 5 nghìn đồng (1998, tại Thanh Hoá) nên

đã nợ càng tăng thêm nợ, v.v.. Mà biết rằng, những biểu hiện này không phải chỉ diễn ra ở những năm trước và sau năm 1998 mà hiện nay cũng đang là vấn đề bức xúc. Chẳng hạn, giá tiêu năm 2002 từ 75-90 nghìn đồng/kg (loại 1) còn 29-32 nghìn đồng/kg, rồi cà phê, điều, dứa, v.v. cũng có tình hình tương tự. Mới đây như vụ mía đường 2002-2003, nhiều nhà máy đường đã định giá mua mía cho nông dân là 220 nghìn đồng/tấn (loại 1023) đã giảm xuống còn trên dưới 100 nghìn đồng/tấn. Vì nhiều nhà máy đường bị thua lỗ lớn. Nhưng có nơi còn tệ hại hơn: có nhà máy bỏ mặc kệ nông dân - không mua mía. "Bà con đã mất công trồng, bây giờ lại phải khổ công chặt bỏ" bởi "mía bị tồn đọng, bị hư hỏng đã làm cho người trồng mía rất bất bình, nhất là đối với hộ thuộc diện đói nghèo phải đi vay vốn để đầu tư trồng mía. Họ đã mất cả chì lẫn chài" [39], v.v. và v.v..

Vậy:

- Vấn đề thông tin thị trường với xoá đói giảm nghèo quan hệ với nhau như thế nào ?

- Tổ chức thông tin thị trường - cơ sở phục vụ kế hoạch làm ăn cho nông dân đói nghèo như thế nào ?

- Hoạch định và thực thi chính sách thị trường tiêu thụ nông sản rõ ràng, thông thoáng và có lợi cho người dân – cho người nghèo như thế nào ?

- Chính sách cung ứng các yếu tố đầu vào (vật tư nông nghiệp) cho nông dân sản xuất như thế nào, nhất là cho nông hộ đói nghèo ?

- Chính sách hợp đồng cung ứng vật tư, thu mua nông sản, hỗ trợ và bảo hộ nông dân - đặc biệt là cho hộ nông dân đói nghèo trong trao đổi hàng hoá như thế nào ?

- XĐGN với bình đẳng kinh tế trong toàn cầu hoá ?

Đây là những vấn đề rộng lớn, xin gợi ra để nghiên cứu và sẽ trình bày đầy đủ, cụ thể hơn ở một dịp khác.

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ảnh hưởng đến lập kế hoạch làm ăn xoá đói giảm nghèo của hộ

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thực chất là chuyển đổi, giảm, bỏ ngành sản xuất, dịch vụ không có hiệu quả, hoặc có hiệu quả kinh tế-xã hội thấp và tăng thêm quy mô, phát triển thêm ngành mới hoặc củng cố những ngành sản suất, dịch vụ có hiệu quả kinh tế-xã hội cao hơn, mà trung tâm là hiệu quả kinh tế cao. Thực chất là xác định các ngành sản xuất chính, bổ sung, phụ và dịch vụ, hay nói theo thuật ngữ khoa học là việc xác định các ngành chuyên môn hoá sản xuất hàng hoá và ngành sản xuất bổ sung, phụ và dịch vụ một cách hợp lí để có hiệu quả kinh tế cao. Mà nơi thực hiện, *người thực hiện sự chuyển dịch đó chính là các doanh nghiệp, các chủ hộ nông dân bao gồm cả hộ đói nghèo*. Do đó, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của một tiểu vùng (của xã, huyện, tỉnh với những chương trình, dự án tương ứng) phải được thực hiện đến hộ nông dân... trong đó có những dự án được ưu tiên cho các hộ nông dân đói nghèo. Ví dụ dự án kinh tế gò đồi, dự án ổn định tái định cư,... ở xã Kỳ Phương (mặc dù còn những vấn đề cần bàn).

Vì những lẽ trên, để chuẩn bị lập kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo cần phải biết đến sự chuyển dịch cơ cấu chung với những dự án của nó để tính đến sự phát triển các ngành sản xuất - dịch vụ trong kế hoạch làm ăn của nông hộ mình.

4. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, dịch vụ của hộ mình trong một năm bình thường hoặc vài năm qua

Nội dung của vấn đề này sẽ được thể hiện ở *chương IV*. Nhưng vấn đề đặt ra ở đây là lập kế hoạch làm ăn cho năm tới thì phải đánh giá đúng kết quả sản xuất, làm dịch vụ trong từng vụ và cả năm của một hoặc vài năm qua để biết rõ ưu, khuyết, nguyên nhân và khả năng phát triển sản xuất, dịch vụ trong năm tới. Từ đó, sẽ lập được kế hoạch sát đúng, có thể thực hiện tốt.

5. Đánh giá về thu chi bằng tiền mặt, kể cả chi ăn tiêu của hộ mình trong năm qua

Đây là một nội dung sẽ trình bày ở chương IV. Nhưng để lập kế hoạch làm ăn được sát đúng thì yêu cầu hộ phải tự đánh giá kết quả thu chi bằng tiền (kể cả tiền bán nông sản, làm thuê và tiền vay, bao gồm cả việc dùng cho ăn tiêu) có gì ưu, khuyết cần rút kinh nghiệm để phát huy hoặc khắc phục trong kế hoạch làm ăn của năm tới.

6. Kiểm kê những năng lực sản xuất hiện có và tính đến những khả năng mới có thể có trong năm tới của hộ mình

Đối với các hộ nông dân đói nghèo thì năng lực sản xuất hiện nay không có gì lớn, ngoài sức lao động, mấy sào ruộng (gò đồi, rừng trồng nếu có), ít đất vườn, ao, một số công cụ cầm tay thô sơ, lạc hậu (xem *minh hoạ I.1; I.3 và I.9*). Nhưng cần chú ý tính đến khả năng mới, gồm năng suất cây trồng có thể thâm canh trên ruộng, đất vườn và tôm, cá trong diện tích ao đầm có thể nuôi thâm canh. Thêm vào đó, cần tính đến phần ruộng đất bị rút sẽ được trả lại, chia còn thiếu sẽ được giao đủ, ruộng, ao cầm cố (bán) sẽ được chuộc lại, đặc biệt là đất gò đồi (như minh hoạ I.3), đất trồng rừng sẽ được giao, khả năng chăn nuôi và nghề phụ có thể phát triển (như *minh hoạ I.1*) khi vay được vốn và có quy trình công nghệ sản xuất được hướng dẫn.

7. Đặc biệt chú ý đến những tác động của điều kiện tự nhiên và môi trường (kinh tế-xã hội) của xã, thôn, xóm

Sản xuất nông nghiệp và hộ nông dân được trải rộng trên khắp các vùng lãnh thổ, mà sản xuất nông nghiệp thì chịu ảnh hưởng của tự nhiên (thời tiết khí hậu, hạn, bão, lụt, đất đai, địa hình,...) là rất lớn. Hầu hết các minh hoạ trong *chương I* trong chừng mực cũng đã chỉ rõ. Bởi thế, những hộ nông dân ở vùng được thiên nhiên ưu đãi: đất tốt và mưa thuận gió hoà, được mùa liên tục thì đời sống nông dân khá hơn, hộ đói nghèo ít hơn và ngược lại. Vì vậy, Đảng và Nhà nước đã có chính sách đối với xã nghèo, vùng nghèo (đất xấu, địa hình phức tạp, điều kiện thiên

nhiên khắc nghiệt như minh hoạ I.3; I.8...), mà ta chưa có khả năng chế ngự thiên tai; và vùng cao, sâu, xa hẻo lánh (minh hoạ I.4; I.5; I.7) mà chưa giải quyết được đường sá,... Hoặc ở vùng đồng bằng, chưa chủ động được thuỷ lợi tưới tiêu (như minh hoạ I.2; I.3; I.8...) cũng đã gây tác hại không ít đến mùa màng, dẫn đến nhiều hộ nông dân lâm vào cảnh đói nghèo nên trong việc lập kế hoạch làm ăn của hộ cần phải tính đến. Trong đó, vấn đề thuỷ lợi là vấn đề ảnh hưởng hàng đầu đến đói nghèo trong hầu hết các xã nghèo, các loại nông hộ đói nghèo. Do vậy, theo chúng tôi, đây là vấn đề nổi cộm mà trong thời gian tới, nếu Nhà nước ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn thì ưu tiên của ưu tiên phải là vấn đề thuỷ lợi cho sản xuất nông nghiệp *và vấn đề thuỷ lợi cũng chính là vấn đề để xoá đói giảm nghèo có hiệu quả nhất.* Đồng thời cần phải chú ý đến môi trường hoạt động kinh tế-xã hội trong mỗi cộng đồng như vấn đề hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp ; thông tin thị trường tại cơ sở, các doanh nghiệp ; cung ứng vật tư, thu mua nông sản phẩm, chế biến nông lâm hải sản của Nhà nước,... Trong đó có hợp đồng sản xuất bao tiêu sản phẩm* bảo đảm ổn định giá cả cho nông dân yên tâm sản xuất là những vấn đề cần được quan tâm.

---

* Về vấn đề này, nay đã có Quyết định số 80 của Chính phủ giữa năm 2002 : "4 nhà" tham gia hợp đồng.

III - LẬP KẾ HOẠCH LÀM ĂN HÀNG NĂM CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO

Sau khi nắm vững những điều kiện cơ bản nói chung để lập kế hoạch làm ăn (sản xuất, dịch vụ, kĩ thuật, tài chính, ăn tiêu) của hộ như đã trình bày ở trên, từng hộ nông dân đói nghèo cần xác định mục đích và mục tiêu xoá đói giảm nghèo cụ thể của mình, đồng thời căn cứ vào những điều kiện cơ bản của gia đình để lập kế hoạch làm ăn từng năm (như kế hoạch làm ăn năm 1999 của gia đình chị Lê Thị Dương, sẽ dẫn ra dưới đây để làm một ví dụ chẳng hạn).

A. XÁC ĐỊNH MỤC ĐÍCH VÀ MỤC TIÊU LẬP KẾ HOẠCH LÀM ĂN TỰ XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO CỦA TỪNG HỘ

1. *Mục đích* lập kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo là *nhằm làm ra được thêm sản phẩm, thêm tiền để có ăn no, mặc ấm, con được học hành, trả được nợ ; tự xoá đói, nghèo tiến lên có đời sống khá giả.*

2. *Mục tiêu kế hoạch làm ăn phấn đấu đến năm 2000, 2001, 2002,... của hộ đói nghèo* (theo cách tính hiện nay).

B. NHỮNG ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN VỀ SỨC LAO ĐỘNG VÀ RUỘNG ĐẤT, CHUỒNG TRẠI CHĂN NUÔI..., CÔNG CỤ SẢN XUẤT (CÔNG CỤ LAO ĐỘNG) CỦA HỘ

Bảng III.1 : ***Nhận khẩu và sức lao động trong gia đình chị Dương năm 1999***

Họ tên	*Quan hệ*	*Tuổi và khả năng lao động (chính, phụ)*	*Trình độ văn hoá và nghề nghiệp*	*Sức khoẻ*
1. Lê Thị Dương	Chủ hộ	41 - Lao động chính	7/10 - nông	A
2. Lê Ngọc Việt	Chồng	41 - Bệnh	7/10 - nông	Bệnh tâm thần từ 11-1985
3. Lê Thị Hải	Con	14 - Phụ	7/12 - học sinh và giúp mẹ	A
4. Lê Ngọc Lương	Con	12 - Phụ	6/12 - học sinh và chăn bò	A
5. Lê Thị Thuật	Mẹ chồng (mẹ liệt sĩ, cùng hộ khẩu nhưng ăn riêng)	79 - già		Tuổi già, yếu

Bảng III.2: ***Ruộng đất, chuồng trại chăn nuôi,... công cụ sản xuất của hộ chị Dương***

Năm	Ruộng đất		Chuồng trại chăn nuôi... Công cụ sản xuất			Ghi chú
	Loại ruộng đất	Số lượng (m^2)	Tên	Số lượng (m^2 chuồng, con, cái, đôi,...)	Giá trị 1.000đ	
1997	- Ruộng (2 lúa + rau vụ đông)	2.500	* Chuồng chăn nuôi: bò (trâu), lợn, gà, vịt)	14m^2 (bò, lợn, gà, vịt)	1000	
			* Công cụ sản xuất:			
			- Bò (trâu) cày kéo kết hợp sinh sản (nếu có)	1 con bò cày (kết hợp cày bừa với,sinh sản)	1500	
			- Cày bừa	1 bộ	160	
			- Máy tuốt lúa đạp chân	1 cái	230	
	- Đất đồi	-	- 1 cuốc, 1 xẻng, 2 cào cỏ, 2 liềm, 1 đôi quang gánh....	7 cái	20	Mỗi năm thay 1 lần
	- Đất rừng	-				
	- Ao (bèo -vịt - cá, chung 2 anh em)	40	- Nồi nấu rượu	1 cái	120	
			- Thùng gánh nước tưới rau	1 đôi	40	
1999 có thêm	- Đất vườn (mía + xen rau dưới mía - do em chồng đi ở nơi khác để cho chị sử dụng)	136	* Nhà chế biến nông sản nấu rượu gạo	2m^2 chung với bếp	150	Có từ 1998
			* Công cụ sản xuất			
	- Ruộng, đất được trả lại	-	- Mua 1 nồi nấu cơm rượu	1 cái	120	
	- Ruộng, đất được chia thêm	-	- Tạo 1 lợn nái sinh sản (nái cơ bản)	1 con	760	
	- Ruộng, đất, ao được chuộc lại	-				
	- ...					
	Cộng	2.676			4.100	

Ghi chú bảng III.2: Ruộng đất, chuồng trại chăn nuôi,... công cụ sản xuất có ở năm 1997 cũng là số có của năm kế hoạch 1999. Do đó, năm 1999 chỉ ghi những thứ mới có thêm.

C. LẬP KẾ HOẠCH CÁC NGÀNH SẢN XUẤT - DỊCH VỤ VÀ TÍNH HIỆU QUẢ

Dựa vào mục tiêu đã được xác định và điều kiện cơ bản về khả năng lao động, ruộng đất, chuồng trại chăn nuôi, nhà chế biến nông sản,... và công cụ sản xuất của mỗi hộ đói nghèo để lập kế hoạch sản xuất, dịch vụ của hộ mình sao cho sát đúng, có thể thực hiện được tốt, đồng thời tính hiệu quả kinh tế cho từng cây trồng, từng con gia súc chăn nuôi và từng ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ bằng hai chỉ tiêu chủ yếu *là lỗ hay lãi và thu nhập thực tế một ngày công cao hơn hay thấp hơn tiền công* bình quân một ngày đi làm thuê để biết được hiệu quả kinh tế cao hay thấp.

Để thấy rõ cách lập kế hoạch và cách tính hiệu quả kinh tế đó, chúng ta hãy tham khảo cách làm và cách tính kế hoạch các ngành sản xuất - dịch vụ của hộ chị Dương ở các *bảng III.3, III.4, III.5, III.6* ở các trang sau.

Bảng III.3 : ***Kế hoạch sản xuất sản phẩm các cây trồng và hiệu quả (hộ chị Dương)***

(Đơn vị tiền: 1.000 đồng)

Năm	Ngành trồng trọt	Quy mô diện tích (m^2)	Thu - Chi: Thu (sản lượng): Sản lượng (kg): Tổng số	Thu (sản lượng): Sản lượng (kg): Trong đó bán	Thu (sản lượng): Giá bán 1kg (1 đơn vị)	Thu (sản lượng): Tổng thu tiền	Chi (chi phí sản xuất): Mua vật tư, thuốc và phí/diện tích: Giống	Phân	Thuốc sâu	...	Thuế và phí/diện tích	Cộng tiền	Cộng: Số ngày công	Cộng: Cộng tiền công	Tổng chi tiền	Giá thành 1kg (1 đơn vị) (a)	Hiệu quả: Lãi (+) lỗ (-) (Tổng thu - tổng chi)	Hiệu quả: Thu nhập thực tế 1 ngày công (quy 8 giờ/ngày) (b)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7 = 6x4	8	9	10	11	12	13	14	15	16 = 13+15	17 = 16:4	18 = 7-16	19 = (7-13) :14	20
Thực tế 1997	- Lúa xuân	2500	1100	-	1,5	1650	52,5	180,5	20	...	206	459	60	600	1059	0,963	+591	19,8	
	- Lúa mùa	2500	900	-	1,5	1350	52,5	180,5	20		206	459	60	600	1059	1,177	+291	14,8	
	- Khoai lang đông	360	Củ 200	-	0,40														
			Dây500	-	0,16	160	20,0	60,0	-	-	...	86	5	50	136	...	+24	14,8	
	- Ao thả bèo	40																	
	Cộng	**5400**				**3160**						**1004**	**125**	**1250**	**2254**		**+906**		
Kế hoạch 1999	- Lúa xuân	2500	1300	-	1,80	2340	63	240,5	20		232	55,5	60	600	1155,5	0,84	+1184,5	29,7	
	- Lúa mùa	2500	1100	-	1,80	1980	63	220,5	20		232	535,5	60	600	1135,5	1,00	+844,5	24,0	
	- Khoai lang đông	360	Củ 250	-	0,50														
			Dây500	-	0,16	205	20	71,0	-		-	91,0	6	60	151,0	...	+54,0	19,0	
	- Mía (trong vườn)	136	200	200	0,50	100	10	15,0	-		-	25,0	3	30	55,0	...	+45,0	25,0	
	- Rau (dưới mía)	136	395	-	0,35	138	9	21,0	-		-	30,0	10	100	130,0	...	+8,2	10,8	
	- Ao thả bèo	40																	
	Cộng	**5672**				**4763**						**1237**	**139**	**1390**	**2627**		**+2136,2**		

Bảng III.4 : ***Kế hoạch sản xuất sản phẩm các gia súc chăn nuôi và hiệu quả (hộ chị Dương)***

(Đơn vị tiền: 1.000 đồng)

Năm	Ngành chăn nuôi	Quy mô số lượng gia súc (con)	Thu - Chi														Hiệu quả		Ghi chú
			Thu (sản lượng)				Chi (chi phí sản xuất)												
			Sản lượng		Giá bán một đơn vị sản phẩm	Tổng thu tiền	Mua vật tư						Cộng		Tổng chi tiền	Giá thành một đơn vị sản phẩm (a)	Lãi + lỗ (Tổng thu - Tổng chi)	Thu nhập thực tế 1 ngày công (quy 8/giờ ngày) (b)	
			Tổng số	Trong đó bán			Con giống	Thức ăn	Thú y	...	Khấu hao (c)	Cộng tiền	Số ngày công	Cộng tiền công					
1	2	3	4	5	6	7 = 6x4	8	9	10	11	12	13	14	15	16= 13+15	17= 16:4	18= 7-16	19= (7-13) :14	20
Thực tế 1997	**Trâu cày**	1 con																	
	- Giá trị cày		Cày 3 mẫu (1,5ha)	Cày thuê 2 mẫu (1ha)	10/1 sào (500 m²)	300	-	250 (rơm)	-		80	330	100	1000	1330		-830	1,7	Tận dụng được lao động phụ
	- Phân trâu		4 tấn	-	50/tấn	200													
	Lợn																		
	- Lợn thịt	2 con (1con x 2 lứa)	134kg	134kg	9,5/kg	1273	168	700	-		-	868	45	450	1318	9,4/kg	+20	10,4	
	- Phân lợn	-	1,3 tấn	-	50/tấn	65													
	Gà																		
	+ Đẻ (ấp sinh sản)	5mái	300 gà con	200 con	2/con	600	Tự túc 30	202	-		-	202	23	230	432	1,4/gà con	+168	17,3	
	+ Thịt	10	15kg	12,5kg	16/kg	240		100	-		-	130	3	30	160	10,7/kg	+80	36,6	

1	2	3	4	5	6	7 = 6x4	8	9	10	11	12	13	14	15	16= 13+15	17 = 16:4	18 = 7-16	19 = (7-13) :14	20
	Vịt thịt	10 (vịt bầu)	15kg	5 con	13/con	130	27	30	-	10		67	8	80	147	14,7/con	-17	7,9	
	Cộng					2808						1597	179	1790	3387		-579		
Kế hoạch 1999	**Bò (thay trâu)** cày và sinh sản	1 con																	*
	- Giá trị cày		Cày 3 mẫu	Cày thuê 2 mẫu	10/1 sào	300	-	250	-		80	330	100	1000	1330		-830*	1,7	
	- Phân		4 tấn	-	50/tấn	200													
	Lợn																		
	- Nái đẻ																		
	+ Con giống	1 con				2180	-	1444	30		50	1524	65	650	2174	13,6/kg	+6	10,1	
	+ Phân		160kg	110	13/kg	2080													
	- Lợn thịt		2 tấn	-	50/tấn	100													
	+ Phân	3+3=6	420kg	420kg	9,5/kg	3990	546	2500	-	-		3046	85	850	3896	8,8/kg	+294	13,4	
	Gà		4 tấn	-	50/tấn	200													
	- Đẻ (ấp, sinh sản)	10 mái	600 gà	400	2/con	1200	Tự túc	404	-	-		404	45	450	854	1,4/gà	+346	17,7	
	- Gà thịt	20 con	con	con												con			
	Vịt thịt	10 (vịt bầu	30kg	25kg	16/kg	480	60	200	-			260	6	60	320	10,7/kg	+160	36,7	
			15kg	5 con	13/con	130	27	30	-	10		67	8	80	147	14,7/con	-17	7,9	
	Cộng					8660						5631	309	3090	8721		-41		

* Năm có sinh bê sẽ chống được lỗ

Ghi chú cho bảng III.3: Trong thuế sử dụng ruộng đất được giảm 50% (cho các gia đình liệt sĩ, bằng 47,7 kg thóc cho 5 sào) còn đóng 47,7 kg thóc.

Ghi chú cho bảng III.3 và III.4:

(a) Trong sản phẩm nông nghiệp thường có sản phẩm chính và sản phẩm phụ (ví dụ với nuôi lợn thì lợn thịt là sản phẩm chính, phân là sản phẩm phụ, hay với sản xuất lúa thì thóc là sản phẩm chính còn rơm rạ là sản phẩm phụ, v.v.). Do đó *để tính được giá thành đơn vị sản phẩm chính được chính xác*, người ta lấy tổng chi phí sản xuất (ví dụ tổng chi của chăn nuôi lợn thịt ở cột 16) trừ giá trị sản phẩm phụ (ví dụ là phân ở cột 7) rồi chia kết quả cho số sản phẩm chính (ví dụ là thịt lợn hơi ở cột 4) thì ta sẽ được giá thành đơn vị sản phẩm chính. Nhưng cũng có trường hợp số sản phẩm phụ ít (như có một ít rơm của ngành sản xuất lúa dùng để đun nấu) thì có thể người ta không tính giá trị sản phẩm phụ để trừ, v.v..

(b) Để *tính thu nhập thực tế một ngày công* (8 giờ) thì lấy tổng thu bằng tiền (ở cột 7) trừ chi phí mua vật tư, thuế,... (ở cột 13), rồi lấy kết quả chia cho số ngày công (ở cột 14) sẽ được kết quả về thu nhập thực tế của một ngày công.

Đối với các hộ nông dân đây là chỉ tiêu tính hiệu quả kinh tế rất quan trọng. Vì trong thu nhập thực tế nó vừa phản ánh tiền thù lao lao động của một ngày công (8 giờ), vừa phản ánh lãi (hay lỗ) chứa đựng trong 1 ngày công (nếu cao hơn, hoặc thấp hơn giá trị một công bình quân đi làm thuê). Ví dụ, giá trị ngày công (8 giờ) bình quân đi làm thuê là 10 nghìn đồng mà ở ngành này hay ngành khác tính ra có thu nhập thực tế một ngày công được hơn 10 nghìn đồng thì có nghĩa là có hiệu quả. Ngành có giá trị thu nhập thực tế một ngày công càng cao thì hiệu quả của nó càng cao, và ngược lại.

Tuy nhiên, trong nông nghiệp hiện nay nói chung và trong từng nông hộ - nhất là nông hộ đói nghèo - thường thiếu công ăn việc làm,

mỗi năm thừa đến 50-60-70% số ngày lao động thì có những ngành, nghề dù có giá trị thu nhập thực tế cho một ngày công có thấp hơn giá trị ngày công lao động đi làm thuê, chỉ được 8-9 nghìn đồng/ngày công cũng cần phải làm. Vì thực tế là trong lúc nông nhàn ít ai có việc cần thuê mà có làm thì mới có thêm thu nhập, mới chống được đói nghèo. Do đó cần hiểu "hiệu quả" cho đúng và vận dụng cho sát với hoàn cảnh cụ thể của mỗi hộ nông dân ở mỗi nơi mỗi lúc (ít việc hay nhiều việc). Dĩ nhiên là phải bằng mọi cách thực hiện chuyển dịch ngành nghề, tìm và tạo việc làm để vừa sử dụng đầy đủ và hợp lí sức lao động trong từng gia đình ở các tháng trong năm, vừa có thu nhập thực tế cho một ngày công càng cao càng tốt để nâng cao hiệu quả kinh tế, sớm thực hiện được mục tiêu xoá đói giảm nghèo, tiến lên làm giàu như mỗi hộ chúng ta đều mong muốn.

(c) *Khấu hao là gì ?* Nói gọn cho bà con nông dân dễ hiểu: *Khấu hao là trừ dần số tiền mua sắm những thứ tương đối nhiều tiền dùng cho sản xuất trong nhiều năm.* Có nhiều cách tính khác nhau. Ở đây tính sao cho thật đơn giản. Ví dụ: mua một con bò cái tơ để vừa cày vừa kéo vừa sinh sản giá là 1,5 triệu đồng, sử dụng trong 10 năm và sau đó sẽ vỗ béo bán thịt - ước được một số tiền tương đương lúc mua. Do đó ta không tính khấu hao tiền mua con bò đó. Nhưng để nuôi và sử dụng nó cày thì phải làm chuồng hết chừng 320 nghìn đồng và cứ 3 năm phải mua 1 bộ cày bừa giá chừng 160 nghìn đồng. Tính trong 10 năm sử dụng con bò này thì tiền làm chuồng và mua cày bừa (3 lần), tổng cộng hết chừng 800 nghìn đồng. Vậy mỗi một năm phải trừ dần (khấu hao) số tiền mua sắm đó là 80 nghìn đồng (như chị Dương đã tính).

Bảng III.5 : *Kế hoạch sản xuất sản phẩm tiểu thủ công nghiệp.- chế biến nông (lâm, hải) sản (hộ chị Dương)*

(Đơn vị tiền: 1000 đồng)

Năm	Tên sản phẩm	Thu			Chi: vật tư				Hiệu quả			
		Số lượng sản phẩm sản xuất-chế biến	*Giá bán đơn vị sản phẩm*	*Tổng thu: tiền*	*Thóc (làm gạo nấu) (kg)*	*Men, than, nồi...*	*...*	*Tổng chi vật tư: tiền*	*Tổng thu nhập thực tế*	*Số ngày công (quy 8 giờ)*	*Thu nhập thực tế 1ngày công*	*Lãi + Lỗ- hoà =*
1997	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kế hoạch 1999	* Nấu rượu gạo (10kg thóc làm gạo nấu 1 nồi được 4 lít/ngày x 300 ngày- năm)	12.000 lít	5/lít	6.000	5.400 (1,8kg x3.000)	675 (men: 105 +than: 450 +nồi :120)		6075				
	*Bỗng rượu (bã rượu)	300 nồi	3,5/lít	1050								
	Cộng			7050	5400	675		6075	975	100	9,75	-25

Bảng III.6 : ***Kế hoạch làm dịch vụ (hộ chị Dương)***

Năm	Loại công việc dịch vụ	Thu nhập thực tế bằng tiền (đơn vị tiền: 1.000đ)			Ghi chú
		Số ngày công (8 giờ)	*Tiền công một ngày*	*Tổng thu nhập thực tế*	
Thực tế 1997	- Làm thuê (sản xuất vôi cho chủ lò ở xã Đông Tân)	120	8	960	
	- Cày thuê 2 mẫu ruộng lúa (1 ha)	30	10	300	
	Cộng	**150**		**1260**	
Kế hoạch 1999	- Cày thuê 2 mẫu ruộng lúa (1ha)	30	10	300	
	- Bán hàng tạp phẩm (xà phòng, nước gội đầu, muối, mì chính, bánh kẹo,...) tại nhà	30		300	Các ngày có bán hàng trong năm là 300 ngày, mỗi ngày thu nhập được chừng 1000đ
	Cộng	**60**	**...**	**600**	

Bảng III.7 : ***Kế hoạch vay và cân đối tiền nợ cuối năm (1999) (hộ chị Dương)***

(Đơn vị tiền: 1000 đồng; vật: kg thóc)

Vay của ai	Nợ cũ					Vay mới (1999)						Trả nợ cũ cộng lãi	Cân đối tiền nợ cuối năm		
	Ngày	*Số lượng*		*% lãi*	*Ngày phải trả*	*Ngày vay*	*Mục đích*	*Số lượng*		*% lãi*	*Ngày phải trả*		*Tổng số nợ còn*	*Khả năng trả nợ*	*Cân đối nợ - khả năng trả nợ (=+-)*
		Thóc	Tiền					Thóc	Tiền						
1. Các ngân hàng - NHNg - NHNo - Quỹ tín dụng ND 2. Các tổ chức khác 3. Tư nhân	25/5/98 1/1997	- -	1000 400	0,8 2,5	25/5/2001	1/1/1999	Mở rộng sản xuất	-	1000	0,8	31/122001	520	2000		
Cộng			1.400						1000			520 *(a)*	2000	1000	-1000

(a) Trả nợ vay tư nhân 400 công (+) lãi 120/năm = 520 (nghìn đồng)

Bảng III.8 : ***Kế hoạch thu chi, cân đối bằng tiền mặt, năm 1999 (hộ chị Dương)*** *(đơn vị tiền: 1000 đồng)*

Thu			Chi		
Các khoản thu	*Thực tế 1997*	*1999*	*Các khoản chi*	*Thực tế 1997*	*1999*
Bán các loại sản phẩm :			**Cho sản xuất-dịch vụ :**	867 *(b)*	4339 *(b)*
1. Mía			1. Cây trồng (lúa, mía,	...	...
2. Lợn thịt	-	100	rau,...)		
3. Lợn giống	1273	3990	2. Chăn nuôi	...	...
4. Giá trị sức kéo	-	1430	- Lợn nái	...	...
bò cày 2 mẫu	300	300	- Lợn thịt	...	...
ruộng			- Gà + vịt	...	...
5. Gà con giống	400	800	3. Tiểu thủ công nghiệp	...	...
6. Gà thịt	200	400	Nấu rượu gạo	...	...
7. Vịt	65	65	4. Vốn mua tạp phẩm bán	...	...
8. Thu nhập từ bán	-	975	**Cho đời sống :**	3031	3251
rượu gạo-nấu *(a)*			1. Ăn: mua thực phẩm	1095	1195
Làm dịch vụ :			2. Mặc	200	250
1. Làm thuê	1260	300	3. Nhà ở và đồ dùng	50	50
2. Thu nhập từ bán tạp	-	300	4. Học hành	486 *(c)*	200 *(c)*
phẩm tại nhà *(a)*			5. Chữa bệnh (miễn viện	400	556
Các khoản thu khác :			phí)		
1. Vay NHNg (ngân	-	1000	6. Phương tiện đi lại	100	100
hàng phục vụ			7. Giỗ tết, tang lễ, cưới	400	500
người nghèo)			8. Tiếp khách	40	100
2. Vay tiền tư nhân	400	-	9. Chi khác		
3. Lương hưu, mất	-	-	- Điện thắp sáng	200	200
sức, trợ cấp nếu có...			- Các khoản khác	60	100
			Trả nợ và lãi	-	520 *(d)*
			Gửi tiết kiệm để tăng sản xuất và trả nợ	-	1550 *(d)*
Tổng cộng	**3898**	**9660**		**3898**	**9660**

Chú thích :

(a) Chỉ tính tổng thu nhập thực tế về tiền công và lãi nếu có.

(b) Ước tính hơn 1/3 tổng chi phí vật tư, thuế, phí,...

(c) Năm 1997 chưa được miễn học phí, 1999 tin rằng sẽ được miễn học phí

(d) 520 + 1550 = 2.070 (nghìn đồng) bằng số tiền lãi kế hoạch 1999.

LỜI DẶN CÁCH TÍNH THU - CHI TIỀN MẶT Ở BẢNG III.8 :

1. Để tính được các khoản thu bằng tiền mặt năm 1997 và kế hoạch năm 1999 thì tính :

a) Các loại sản phẩm bán ra thị trường thu về tiền mặt: Trước hết căn cứ vào số liệu đã tính ở bảng III.3 (sản phẩm cây trồng) và bảng III.4 (sản phẩm các gia súc chăn nuôi) đã ghi số lượng sản phẩm bán ở cột 5 và giá bán đơn vị sản phẩm ở cột 6 thì tính ra được số tiền bằng cách nhân số lượng bán với đơn giá.

Tiếp theo, ghi tổng thu nhập thực tế bằng tiền của ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp - chế biến nông sản bằng nghề nấu rượu gạo ở bảng III.5.

b) Các khoản làm dịch vụ thu về tiền mặt: Căn cứ bảng III.6, ta có tổng thu nhập thực tế của 1997 và kế hoạch 1999.

c) Các khoản thu khác: Căn cứ bảng III.7, có thể biết được số tiền đã vay - nợ cũ năm 1997 và kế hoạch vay mới ở năm 1999, v.v..

2. Để tính được các khoản chi bằng tiền mặt ở năm 1997 và kế hoạch 1999, chúng ta tính các khoản chi bằng tiền mua vật tư, nộp thuế, phí khác cho các ngành sản xuất, dịch vụ. Nhưng để đơn giản cách tính cho các hộ, chúng ta có thể tính bằng 1/3 tổng chi phí vật tư, thuế... được tổng hợp ở bảng IV.1 (*chương IV*). Vì trong tổng chi đó có một phần là phân chuồng, hộ tự túc giống không phải mua và hơn nữa là còn có sự luân chuyển vốn sản xuất - dịch vụ qua các chu kì sản xuất - dịch vụ trong năm của hộ.

D. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CẢI TẠO VƯỜN TẠP, AO, CHUỒNG ĐỂ LÀM VAC VÀ KHAI HOANG TRỒNG MỚI

Đây chính là kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản... Kế hoạch đầu tư cải tạo vườn tạp, ao, chuồng để làm VAC là cấp bách, mang tính phổ biến trong các hộ nông dân đói nghèo. Qua minh hoạ I.2; I.3; I.9 đã chỉ rõ yêu cầu khách quan đó. Đồng thời đó cũng là một hướng đầu tư có hiệu quả nhất, đặc biệt đối với hộ nông dân đói nghèo. Có hộ (như *minh hoạ I.2*) chẳng những không cải tạo, xây dựng được mô hình kinh tế VAC mà còn phải bán ao và có hộ còn phải bán một phần đất vườn (như anh Vũ Hữu Học ở Di Sử, Mỹ Văn, Hưng Yên. v.v.) vì không có vốn và không vay được hoặc vay được rất ít vốn của Ngân hàng người nghèo. Lẽ ra họ phải được vay trên dưới 4 triệu (như đã thử tính ở *mục II. 2b, chương II*) với thời gian 3-5 năm. Do đó, các hộ có điều kiện làm VAC cần lập kế hoạch cải tạo xây dựng. Tin rằng, trong thời gian tới Ngân hàng người nghèo (nay là Ngân hàng chính sách xã hội phục vụ XĐGN) và quỹ xoá đói giảm nghèo sẽ cho hộ nông dân đói nghèo vay vốn : 2 đến 10 triệu (với lãi suất 0,6%/tháng như thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện) và thời gian là 3-5 năm để thực hiện cải tạo, xây dựng làm kinh tế VAC.

Thêm vào đây, những hộ có điều kiện khai hoang lập vườn đồi như hộ anh Lê Bình (ở xã Kỳ Phương, Kỳ Anh, Hà Tĩnh - đã minh hoạ ở I.3 hoặc những hộ nằm trong dự án của Chương trình Quốc gia trồng 5 triệu ha rừng thì được ưu đãi : "Hộ nghèo được cấp 1,5 triệu đồng/ha rừng trồng, 0,5-3 ha đất để phát triển kinh tế gia đình và được vay ngân hàng 10 triệu, không phải thế chấp" [13], cần lập kế hoạch làm VACR hoặc VCR. Trong đó phải tính

cụ thể về: diện tích vườn, ao, chuồng, rừng cần làm, cần trồng cây gì, nuôi con gì (theo đúng quy trình kinh tế-kĩ thuật để chuẩn bị cho thâm canh từ đầu) thì tốn hết bao nhiêu vốn, công. Phải tính cho cụ thể từng vụ, từng năm... bảo đảm đạt được kết quả tốt, tiếp tục mở rộng sản xuất trong những năm tới, thực hiện xoá đói giảm nghèo bền vững và là cơ sở tiến lên xoá đói vững chắc.

Đ. LẬP KẾ HOẠCH BIỆN PHÁP ÁP DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC - KĨ THUẬT

Kế hoạch áp dụng khoa học-kĩ thuật vào sản xuất, dịch vụ bao gồm nhiều mặt về kinh tế được thể hiện trong kế hoạch làm ăn như : xác định các ngành nghề cần phát triển trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của hộ, xác định cây trồng, gia súc chăn nuôi và thâm canh theo mùa vụ, theo kế hoạch làm ăn của hộ có sự giúp đỡ của cán bộ xoá đói giảm nghèo mà các thành viên trong hộ cần chủ động tiếp thu để thực hiện, đồng thời nó còn bao gồm nhiều mặt về kĩ thuật như : sử dụng các loại giống, phân hoá học, phân hữu cơ, dùng các loại thuốc trừ sâu, bệnh cho cây trồng, gia súc, cùng với phương pháp canh tác trên đất dốc, thực hiện nông lâm kết hợp,... mà hệ thống tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư sẽ hướng dẫn đến tận các thôn xóm và cả đến các nhóm nông hộ đói nghèo.

Tóm lại: Các chủ hộ đói nghèo cần có kế hoạch phân công các thành viên trong gia đình học tập kinh nghiệm làm ăn, kết hợp chặt chẽ với sự hướng dẫn về kinh tế và kĩ thuật của cán bộ

khuyến nông, để bảo đảm thực hiện kế hoạch làm ăn đạt được hiệu quả kinh tế cao, sớm xoá được đói, giảm được nghèo như mục tiêu đã đề ra.

IV - TỔ CHỨC PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ VÀ SỰ PHÂN CÔNG GIÚP ĐỠ THEO DÕI CỤ THỂ CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ

1. Kế hoạch phân công lao động thực hiện quy trình sản xuất theo mùa vụ, theo khả năng

Đây là kế hoạch phân công lao động trong từng đợt công việc canh tác theo thời vụ : làm đất, làm mạ, gieo cấy, chăm sóc, thu hoạch đối với ngành trồng trọt và kế hoạch phân giao công việc chăn nuôi, làm dịch vụ cụ thể đến từng người trong gia đình để *vừa đảm bảo chế độ canh tác trong thời vụ tối ưu, vừa sử dụng sức lao động trong gia đình được hợp lí nhất.*

2. Phân công lao động từng ngày cụ thể cho từng thành viên trong hộ

Đây là việc *thực hiện vai trò chỉ huy của chủ nông hộ,* phân công nhiệm vụ cụ thể hàng ngày cho mỗi thành viên trong gia đình. Thường tiến hành gọn việc này sau các bữa ăn tối, cho công việc ngày mai. Và có thể linh hoạt - điều chỉnh công việc sau bữa cơm trưa cho công việc buổi chiều, hoặc ngay trên đồng ruộng (nếu có nhiều người cùng làm), v.v..

3. Tổ chức cơ sở phân công người giúp đỡ theo dõi kiểm tra thực hiện kế hoạch làm ăn đến từng hộ đói nghèo, có sơ kết, tổng kết

Đây là nhân tố quan trọng nhất để biến chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước thành hiện thực trong công tác xoá đói giảm nghèo. *Vì hộ đói nghèo mới là nơi, là địa chỉ thực hiện tốt hoặc không tốt Chương trình Quốc gia xoá đói giảm nghèo.* Hộ đói nghèo đồng thời cũng là nơi, là địa chỉ phản ánh chính sách của Đảng của Nhà nước (tiền của Nhà nước, của nhân dân) xuống tới hộ đói nghèo được là bao nhiêu ? Trong thực hiện có gì đúng, có gì sai ? Có gì tốt, có gì chưa tốt ? Với những nguyên nhân của nó cần bổ sung hoàn thiện chính sách gì ? Tránh chung chung, tránh tham nhũng, lãng phí và đảm bảo thu hồi được vốn cho vay.

Biết rằng, các hộ nông dân đói nghèo thì mỗi hộ có hoàn cảnh khác nhau, ở những mức độ nhất định. Đặc biệt là trình độ văn hoá và kiến thức làm ăn thì có nhiều mặt yếu kém. Do vậy, yêu cầu tổ chức cơ sở phải phân công người giúp đỡ, theo dõi cụ thể (tránh chung chung) về mọi mặt trong kế hoạch làm ăn sao cho gọn nhẹ mà có hiệu quả thiết thực, có trách nhiệm rõ ràng. Do đó, chúng tôi đề nghị, dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ và sự chỉ đạo trực tiếp thống nhất giữa Uỷ ban nhân dân và các tổ chức quần chúng được hình thành từ ban xoá đói giảm nghèo xã xuống đến chi bộ và các trưởng thôn (trưởng xóm) cùng với các tổ chức quần chúng của thôn (hoặc xóm, bản, làng) thực hiện việc phân công đến đảng viên, đoàn viên, hội viên ; người có kinh nghiệm làm ăn khá, giỏi có điều kiện, có năng lực và nhiệt tình giúp đỡ

đến từng hộ trong nhóm hộ đói nghèo (hoặc đến thẳng từng hộ đói nghèo) cụ thể, có địa chỉ rõ ràng, có lịch định thời gian trao đổi, góp ý, kiểm tra công việc làm cụ thể.

Hàng tháng dưới sự lãnh đạo của chi bộ, chỉ đạo của các trưởng thôn (hoặc trưởng xóm, làng, bản) họp (hay hội ý) với anh em được phân công giúp đỡ để nắm tình hình và rút kinh nghiệm chung về ưu điểm để phát huy và khuyết điểm để khắc phục. *Coi đây là một nhiệm vụ chính trị, kinh tế-xã hội được tổ chức cơ sở phân công, giao nhiệm vụ.*

Một điển hình về kết quả XĐGN của xã Sa Nhân (huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum) đã đạt được trong năm 2002 thì ngoài nhận thức đúng, có ruộng đất, có vốn Nhà nước cho vay thì nhân tố quyết định là ý thức tự vươn lên của người nghèo để lập và thực hiện kế hoạch làm ăn và đặc biệt quan trọng là vai trò của chính quyền - của tổ chức cơ sở phân công người giúp đỡ theo dõi kiểm tra việc lập và thực hiện kế hoạch làm ăn đến từng hộ nghèo rất cụ thể [38].

Cuối vụ, cuối năm có sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch làm ăn của từng hộ đến từng nhóm hộ để phát huy, động viên ưu điểm (có khen thưởng) và khắc phục khuyết điểm, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch làm ăn, phấn đấu xoá đói giảm nghèo cho năm sau đạt được kết quả tốt hơn. Do đó cần thiết phải biết cách tính giá thành (hạch toán giá thành) giản đơn và phân tích hiệu quả thực hiện kế hoạch làm ăn như ở *chương IV* cũng là yêu cầu khách quan.

CHƯƠNG IV

HẠCH TOÁN GIÁ THÀNH ĐƠN GIẢN VÀ PHÂN TÍCH KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO

I. HẠCH TOÁN GIÁ THÀNH ĐƠN VỊ SẢN PHẨM

1. Giá thành và ý nghĩa hạch toán giá thành đơn giản của hộ nông dân

Khái niệm :

Giá thành đơn vị sản phẩm (1 kg thóc, 1 kg thịt lợn hơi, v.v.), hoặc dịch vụ (cày thuê 1 sào ruộng) là tổng hợp tất cả các khoản chi phí sản xuất (gồm tiền chi phí vật tư, khấu hao tài sản cố định, thuế, lãi tiền vay, tiền công lao động...) biểu hiện dưới hình thức tiền tệ theo giá thị trường đối với từng đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ của hộ (hay của các trang trại, các doanh nghiệp).

Ý nghĩa :

Giá thành là chỉ tiêu tổng hợp, là một chỉ tiêu chất lượng, phản ánh hiệu quả sản xuất, dịch vụ (hay còn gọi là hiệu quả kinh doanh) của hộ (hoặc của doanh nghiệp). Nếu giá thành thấp hơn giá bán ở thị trường thì có lãi, cao hơn là lỗ, bằng thì hoà vốn. Do đó phải tính đúng, tính đủ tất cả các khoản chi phí sản xuất, dịch vụ.

Song, trong điều kiện của hộ (về trình độ và trách nhiệm, quyền lợi và kết quả sản xuất, dịch vụ lãi thì hộ hưởng cả, lỗ thì tự chịu hết) nên có thể hạch toán giản đơn (không cần tính chi li, để không phức tạp) cho dễ tính, nhất là hộ nông dân đói nghèo, trình độ văn hoá còn thấp. Tuy nhiên, nó vẫn có một ý nghĩa lớn trong kế hoạch làm ăn của hộ : định mở rộng, tăng thêm, hoặc thu hẹp ngành sản xuất này, nghề dịch vụ kia, và còn là cơ sở để tính toán kết quả thu chi, làm ăn trong năm của hộ như đã tính thử trên *bảng III.3, III.4*, v.v. ở *chương III*.

Biện pháp :

Để hạ thấp giá thành và nâng cao lãi thì các hộ phải học tập thâm canh và ứng dụng tiến bộ khoa học-kĩ thuật, đưa công nghệ mới vào sản xuất để *tăng năng suất, tăng sản lượng, có chất lượng tốt* và đồng thời *phải tiết kiệm* các chi phí sản xuất một cách hợp lí nhất.

2. Nội dung phương pháp và trình tự hạch toán giá thành đơn vị sản phẩm nông nghiệp

Gồm có :

- Xác định đúng các khoản chi phí sản xuất để phân bổ vào các đối tượng (cây trồng, gia súc, cá, chăn nuôi, v.v.), tính giá thành hợp lí.

- Xác định đúng số lượng sản phẩm chính và sản phẩm phụ (nếu có).

- Dùng công thức chung để tính giá thành một đơn vị sản phẩm hoặc một đơn vị dịch vụ của hộ nông dân:

$$Gt = \frac{TC}{Q}$$

Trong đó :

- Gt : Giá thành một đơn vị sản phẩm hoặc một đơn vị dịch vụ (đồng/đơn vị).
- TC : Tổng chi phí (đồng).
- Q : Số lượng sản phẩm hoặc số lượng dịch vụ (đơn vị).

Nếu một ngành sản xuất (cây, con, chế biến nông sản, v.v.) có giá trị sản phẩm phụ thì việc tính giá thành sản phẩm chính được áp dụng theo công thức sau :

$$Gt = \frac{TC - GP}{Q}$$

Trong đó GP giá trị sản phẩm phụ. Ví dụ trong chăn nuôi lợn thịt thì phân bón là sản phẩm phụ và xem cách tính giá thành đơn vị sản phẩm chính (kg thịt lợn hơi) như đã thể hiện ở *bảng III.4* (*chương III*) và giải thích cách tính ở chú thích (a).

II - THEO DÕI THU TIỀN MẶT CỦA HỘ GIA ĐÌNH NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO

1. Mục đích và ý nghĩa ghi thu chi tiền mặt của hộ gia đình nông dân đói nghèo

Hộ gia đình nông dân nói chung, đặc biệt là hộ gia đình nông dân đói nghèo càng *phải tập dượt ghi thu chi tiền mặt nhằm mục*

đích: khi có đồng tiền vay để sản xuất và làm dịch vụ kiếm được tiền mặt thì sử dụng nó như thế nào vào những hoạt động gì *để đồng tiền phát huy được hiệu quả.* Sau mỗi tháng và cuối năm biết được giữa thu và chi thừa hay thiếu ? Làm gì để mở rộng được sản xuất, tăng được thu bằng tiền để có thể ăn, học... và trả được nợ ? Chứ không phải để "tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống" và cuối cùng nợ lại tăng thêm nợ !

Ngoài mục đích chung đó còn thấy nhiều *ý nghĩa* :

a) Ý nghĩa đối với hộ :

- Biết kết quả thu nhập và chi tiêu bằng tiền, nếu tăng lên thì đó là sự thể hiện khả năng phát triển sản xuất hàng hoá (nhanh hay chậm hoặc chỉ là sản xuất tự cấp tự túc...). Qua *bảng III.8*, tổng hợp thu chi bằng tiền mặt của hộ chị Dương đã chỉ ra hướng xoá đói giảm nghèo gắn với sản xuất hàng hoá là rất rõ (thu bằng tiền mặt 1997 chỉ có 3.898.000 đồng thì kế hoạch có khả năng thực hiện năm 1999 sẽ là 9.660.000 đồng).

- Biết được mối quan hệ giữa thu và chi bằng tiền : thừa hay thiếu. Thừa thì sẽ có điều kiện để tăng sản xuất (tái sản xuất mở rộng) và gửi tiết kiệm để trả nợ và lãi vay khi đến hạn. Ngược lại, nếu thiếu thì ắt là phải vay nặng lãi hoặc còn gì phải bán rẻ để trang trải khó khăn, túng đói; khiến cho nợ càng tăng nợ, tình cảnh đói nghèo càng gay gắt hơn.

- Biết được việc sử dụng đồng tiền để làm ăn, chi tiêu đã hợp lí, đã hết sức tiết kiệm chưa ? Có nghĩa là cái cần chi để tăng sản xuất thì phải chi, cái có thể tiết kiệm được thì phải tiết kiệm. Tránh được tình trạng cá biệt có người vay tiền về không biết làm

gì cho có hiệu quả, thậm chí có người còn dùng nó vào việc rượu chè,... dẫn đến chẳng những không trả được nợ vay mà còn tăng thêm nợ. Vì vậy, cần nhắc lại rằng, trong hướng dẫn kế hoạch làm ăn này, chúng tôi đã có đề cập đến vai trò hướng dẫn kiểm tra của cán bộ, hoặc của đảng viên, đoàn viên, hội viên được tổ chức cơ sở phân công, giao nhiệm vụ giúp đỡ, theo dõi kế hoạch làm ăn, trong đó có việc theo dõi sử dụng tiền mặt đến từng hộ cũng là yêu cầu khách quan.

- Biết được có thêm tiền mặt thì tìm cách tăng gia sản xuất, làm thêm dịch vụ để sử dụng đầy đủ và hợp lí sức lao động trong gia đình ở các tháng trong năm, tăng thêm thu nhập như thế nào ? Qua hộ chị Dương cũng đã cho chúng ta một bài học tốt, cần được vận dụng để có thể nhân lên.

- Cuối cùng là qua cân đối giữa thu và chi bằng tiền mặt sau mỗi tháng và cuối năm thì biết được có khả năng tăng sản xuất, khả năng trả được nợ và cũng là khả năng tự xoá được đói nghèo bền vững hay không ?

b) Ý nghĩa đối với Nhà nước và các tổ chức có liên quan

- Đánh giá chính sách và việc thực hiện chính sách XĐGN - qua số liệu ghi chép liên tục của hộ, ta có thể tổng hợp, phân tích đánh giá các mặt : ưu, khuyết, tồn tại cần được bổ sung, hoàn thiện chính sách.

- Quan sát được mức độ rủi ro của hộ đói nghèo. Qua nội dung và số liệu ghi thu chi của hộ ta có thể biết được tần suất rủi ro và mức độ rủi ro của hộ để có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện

cho hộ vượt khó khăn, tránh tái đói nghèo để XĐGN gắn với phát triển kinh tế bền vững.

- Đối với các tổ chức có liên quan : Qua hệ thống tài liệu được hộ ghi thu chi cụ thể này, các ngành có liên quan đến XĐGN như : y tế, giáo dục, vì sự tiến bộ của phụ nữ, v.v. có thể nghiên cứu để lồng ghép các chương trình, dự án của ngành mình để có thể bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu của mỗi ngành đã đề ra.

2. Nội dung và phương pháp ghi thu chi tiền mặt

Nội dung ghi:

Có thu bất cứ khoản gì bằng tiền (tiền bán các loại sản phẩm, làm dịch vụ, tiền lương hưu - mất sức - trợ giúp xã hội - tiền vay, v.v.) và *có chi* bất cứ khoản chi gì bằng tiền (mua vật tư cho sản xuất - dịch vụ - nộp thuế, nộp các khoản đóng góp, chi cho tiêu dùng về đời sống và quan hệ xã hội, trả nợ và lãi, gửi quỹ tiết kiệm. v.v.) *thì có ghi.*

Nội dung ghi thu chi đúng, không bỏ sót, không ghi sai thì số thu luôn luôn bằng số chi cộng với số dư tiền mặt còn lại.

Chú ý:

Nếu là hộ có làm dịch vụ như mua bán tạp phẩm tại nhà (như hộ chị Dương), hay có gánh hàng bán ở chợ (như hộ ông bà Diến...) thì chỉ ghi số tiền thu nhập thực tế (công và lãi nếu có).

Phương pháp ghi:

Có thể ghi hàng ngày, 2 ngày một lần hoặc ghi theo phiên chợ... sao cho có thể vừa đơn giản, vừa không bỏ sót.

Nếu những hộ chăn nuôi gà, vịt đẻ trứng có quy mô tương đối lớn, hàng ngày có thu chi bằng tiền thì nên ghi hàng ngày.

Cũng có nhiều hộ 2-3 ngày hoặc hàng tuần đến phiên chợ mới đi chợ và có mua bán thì sau khi đi chợ về nên ghi ngay.

Tóm lại, ngày nào có thu, có chi bằng tiền mặt thì ghi ngay, không thì thôi.

Để tiện theo dõi, dễ nhớ, dễ ghi, chúng ta có thể lập bảng, kẻ cột sẵn cho hai ngày ghi vào một ô (nếu ô nào có phát sinh tiền mặt thì ghi, không thì để trống).

Sau mỗi tháng, cân đối thu chi để biết thừa hay thiếu. Và cuối năm lập bảng tổng hợp để cân đối cho cả năm.

3. Tìm hiểu bước đầu về cách theo dõi thu chi tiền mặt của một số hộ nông dân ở huyện Đông Sơn (tỉnh Thanh Hoá)

Tôi đã nhiều lần được TS. Ngô Huy Liêm, một chuyên gia giỏi và là phái viên chương trình hợp tác Việt - Đức về xoá đói giảm nghèo, kể cách hướng dẫn cho một số hộ nông dân ở huyện Đông Sơn áp dụng cách ghi thu chi tiền mặt, điều mà trong nhiều năm chúng tôi đã từng quan tâm.

Để hiểu một thực tế còn tràn đầy khó khăn đối với sự ghi chép của nông dân đói nghèo, còn ít chữ, tôi trân trọng và tìm đến

một số chủ hộ đã ghi "theo dõi thu chi", đặc biệt là qua trao đổi với đồng chí Hoàng Thị Mong - chủ tịch Hội Nông dân huyện Đông Sơn - người mà trong hai năm qua, hàng tháng đã kiểm tra việc ghi sổ, góp ý kiến cho các hộ, đã cho nhận xét :

Một là: Cách ghi sổ này đơn giản nhưng rất khoa học. Nó đã có tác dụng:

- Để các hộ tự làm quen cách tính toán làm ăn gắn với ghi thu chi bằng tiền trong gia đình hàng ngày - hàng tuần - hàng tháng.

- Sau mỗi tháng giúp họ tính toán cân đối được thu chi, biết được thừa thiếu để có kế hoạch sản xuất và tiết kiệm chi tiêu sao cho có số dư gửi vào quỹ tiết kiệm để dành tiền trả nợ, có thêm vốn cho phát triển sản xuất.

Hai là: Đối với hộ nông dân, việc ghi sổ thu chi bằng tiền tuy là đơn giản, nhưng lúc đầu còn rất khó khăn. Vì phải ghi hàng ngày, có hộ thiếu kiên trì và thường thấy yêu cầu chi thì nhiều mà nguồn thu thì hầu như không có, không cân đối được thu chi, họ đâm chán nên có hộ đã bỏ. Do vậy, có thời kì Huyện hội đã hướng dẫn được 40 hộ ghi, nhưng đến nay chỉ còn 10 hộ ghi.

Đúng ! Làm được việc này thì có tác dụng đáng kể trên, nhưng vấn đề cực khó, nhất là đối với các hộ đói nghèo. Vì đối với các hộ đói nghèo, ít chữ thì một thực tế là trong số 40 hộ đó nay chỉ còn lại 10 hộ. Trong 10 hộ đó, chủ hộ đều có trình độ văn hoá khá (cấp II) và điều kiện kinh tế đương vượt nghèo, hoặc là hộ có đời sống kinh tế tương đối khá.

Song, mục tiêu của ta là giúp người nghèo phấn đấu vượt đói nghèo, mà để vượt đói nghèo, *Nhà nước chẳng những chỉ giúp cho vay vốn,... mà quan trọng hơn là phải giúp đỡ họ, hướng dẫn họ lập và thực hiện được kế hoạch làm ăn sao cho có hiệu quả.* Do đó gắn với việc hướng dẫn họ lập và thực hiện kế hoạch làm ăn, ta hướng dẫn giúp họ ghi "theo dõi thu chi" bằng tiền mặt là một yêu cầu khách quan. Nhưng, việc lập bảng, kẻ ô có thể phải hoàn thiện như trên đã nói. Vì người đói nghèo thường ít phát sinh các khoản thu chi tiền mặt, nên có thể 2 ngày ghi một lần vào 1 ô đã kẻ (ngày không có thu chi thì không ghi). Đặc biệt, rèn luyện tính kiên trì cho bà con nông dân ít chữ tự ghi được là một việc khó. Nhưng tin rằng với sự nhiệt tình giúp đỡ của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên được phân công theo dõi giúp đỡ đến từng hộ đói nghèo cụ thể như đã nói ở *chương III*, thì chắc chắn bà con nông dân đói nghèo, ít chữ, nhất định cũng sẽ từng bước ghi được tốt.

III - PHÂN TÍCH KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO

1. Mục đích và yêu cầu phân tích kế hoạch làm ăn của hộ nông dân

a) Mục đích :

Mục đích phân tích kế hoạch làm ăn của hộ nông dân là nhằm :

- Đánh giá *kết quả và hiệu quả* của kế hoạch làm ăn ở hộ *đã đạt được*.

- Giúp hộ thấy rõ ưu, khuyết, nguyên nhân thực hiện kế hoạch và những khuyết điểm, tồn tại để khắc phục, đồng thời *phát hiện những khả năng tiềm tàng*, những nguồn lực sản xuất chưa được sử dụng hoặc sử dụng đạt hiệu quả còn thấp để có kế hoạch và biện pháp tổ chức sản xuất, làm dịch vụ tốt hơn cho các vụ sau, năm sau.

b) Yêu cầu :

- Phân tích một cách toàn diện từ việc *lập* kế hoạch đến các *biện pháp* tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Phân tích tính *tự chủ, sáng tạo, cần cù lao động và học hỏi* để thực hiện vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã xây dựng của hộ (có tính đến những đặc điểm của sản xuất nông nghiệp).

2. Nội dung và phương pháp phân tích

a) Nội dung :

Một là, phân tích việc lập kế hoạch, xác định các ngành sản xuất - dịch vụ đã sát, đúng chưa?

Hai là, phân tích kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch theo quy trình sản xuất và công nghệ mới (chủ yếu là thời vụ và nước - phân - cần - giống).

Ba là, phân tích tình hình sử dụng đầy đủ và hợp lí sức lao động của từng người trong gia đình ở các tháng trong năm.

Bốn là, phân tích tình hình sử dụng hợp lí và tiết kiệm vật tư, sản phẩm, tiền mặt cho sản xuất - dịch vụ và đời sống.

Năm là, phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm trên 3 mặt: thời điểm bán, nhu cầu thị trường và giá cả (sao cho có lợi - tránh được những tổn thất, bán rẻ).

b) Phương pháp :

Chủ yếu là dùng phương pháp so sánh:

- So sánh giữa kế hoạch với thực tế năm trước (KH/TT).

- So sánh giữa kết quả thực hiện với kế hoạch.

- Đặc biệt là so sánh năng suất cây trồng, năng suất gia súc của hộ mình với các đám ruộng, vườn, ao, chuồng sát cạnh nhà mình (có kinh nghiệm làm ăn) để học tập.

3. Phân tích kế hoạch làm ăn (sản xuất - dịch vụ - chỉ tiêu) của hộ

(Thử phân tích sơ bộ kế hoạch làm ăn của hộ chị Dương).

Phân tích kế hoạch làm ăn của hộ là sự tổng hợp, so sánh, đánh giá kế hoạch làm ăn cụ thể của một hộ cụ thể, chứ không thể là sự phân tích đánh giá chung chung. Do đó, ở đây chúng ta thử phân tích sơ bộ kế hoạch làm ăn của hộ chị Lê Thị Dương về một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 1999 so với thực tế năm 1997 như *bảng IV.1* và so kết quả thực hiện với kế hoạch (TH/KH) năm 1999 ở *bảng IV.2*, trang 133.

Bảng IV.1 : ***Tổng hợp so sánh, đánh giá một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 1999/1997 (hộ chị Dương)***

(Đơn vị tính: 1000 đồng và %; % 1999/1997 = % cột 2/cột1)

Các ngành sản xuất và dịch vụ	1) Giá trị tổng sản phẩm và dịch vụ (tổng thu)			2) Tổng chi phí vật tư, thuế và phí			3) Tổng số ngày công lao động			4) Tổng thu nhập thực tế			5) Lãi + Lỗ - Hoà =		
	1997 (1)	1999 (2)	% 2/1	1997 (1)	1999 (2)	% 2/1	1997 (1)	1999 (2)	% 2/1	1997 (1)	1999 (2)	% 2/1	1997 (1)	1999 (2)	% 2/1
- Trồng trọt	3160	4763	150,7	1004	1237	123,2	125	139	111,2	2156	3526	163,5	+906	+2136	235,8
- Chăn nuôi	2808	8680	309,1	1597	5631	352,6	179	309	172,6	1211	3049	251,8	-579	-41	-7,1
- Tiểu thủ công nghiệp - nấu rượu gạo	-	7050	-	-	6075	-	-	100	-	-	975	-	-	-25	
- Dịch vụ (làm thuê và bán hàng tạp phẩm)	1260	600	47,6	-	-	-	150	60	40,0	1260	600	47,6	-240	=	
Cộng	**7228**	**21093**	**291,8**	**2601**	**12943**		**454**	**608**	**133,9**	**4627**	**8150**	**176,1**	**+87**	**+2070**	**2379,3**

Thuyết minh và phân tích bảng IV.1 (đơn vị tính 1000 đồng và %):

Bảng này được xác định 5 chỉ tiêu rất cơ bản và khi cần có thể dễ dàng tính ra một số chỉ tiêu khác (ví dụ chỉ tiêu 2+3 tính ra số tiền công thì biết được tổng chi phí sản xuất) của 4 ngành kinh doanh chủ yếu (trồng trọt - chăn nuôi - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ) và kế hoạch đầu tư hoạt động kinh doanh chung của hộ trong năm.

Cách tính 5 chỉ tiêu trên bảng IV.1 là căn cứ vào số liệu đã tính, đã ghi, đã cộng cả về số thực tế năm 1997 và số kế hoạch năm 1999 trên bảng III.3 của ngành trồng trọt (các cây trồng), trên bảng III.4 của ngành chăn nuôi (các con gia súc chăn nuôi), trên bảng III.5 của ngành tiểu thủ công nghiệp, trên bảng III.6 của ngành dịch vụ. Chú ý tìm những cột đúng với từng chỉ tiêu trên bảng IV.1 :

• Ví dụ cách tìm số liệu kế hoạch của ngành trồng trọt ở *bảng III.3* để ghi từng chỉ tiêu tổng hợp vào *bảng IV.1* như dưới đây :

- *Giá trị tổng sản lượng (tổng sản phẩm)* : xem cộng cột 7 *bảng III.3* có số thực tế năm 1997 là 3.160, kế hoạch năm 1999 là 4.763. Từ 2 số liệu này, tính tỉ lệ % so sánh giữa kế hoạch với thực tế là : 4763/3160 = 150,7% tăng 50,7%.

- *Tổng chi phí vật tư, thuế và phí* : xem cộng cột 13 *bảng III.3* có số liệu thực tế năm 1997 là 1.004 và kế hoạch năm 1999 là 1.237. So kế hoạch với thực tế 1.237/1.004 = 123,2%.

- *Tổng số ngày công lao động* : xem cột 14 *bảng III.3* có số liệu thực tế năm 1997 là 125 ngày công và kế hoạch năm 1999 là 139 ngày công. So kế hoạch với thực tế 139/125 = 111,2% tăng 11,2%.

- *Tìm tổng thu nhập thực tế* : cộng tiền công (cột 15, *bảng III.3*) với tiền lãi (cột 18, *bảng III.3*) thì có số thực tế năm 1997 là 1.250 + 906 = 2.156 và kế hoạch năm 1999 là 1.390 + 2.136,2 = 3.526,2. So kế hoạch với thực tế là 3.426/2.156 = 163,5% tăng 63,5%.

- *Lãi , lỗ, hoà* : xem cột 18 *bảng III.3* cho thấy lãi thực tế năm 1997 là 906 và kế hoạch năm 1999 là 2.136,2. So kế hoạch với thực tế thì đạt 2.136/906 = 235,8% tăng 135,8%.

Kết quả, chúng ta đã tìm được số liệu đúng của 5 chỉ tiêu ngành trồng trọt ghi vào *bảng IV.1* để tổng hợp, so sánh, đánh giá tình hình lập kế hoạch gắn với hạch toán tính hiệu quả kế hoạch kinh doanh của hộ chị Dương để có thể học tập và vận dụng.

• **Cách tìm số liệu kế hoạch của ngành chăn nuôi cho 5 chỉ tiêu tổng hợp ở *bảng IV.1*.** Tương ứng như các cột của *bảng III.3* đã tính cho ngành trồng trọt ở trên, chúng ta sẽ tìm được số liệu cho 5 chỉ tiêu tổng hợp cho *bảng IV.1* từ số liệu đã cộng ở các cột *bảng III.4* của ngành chăn nuôi.

• **Cách tìm số liệu kế hoạch của ngành tiểu thủ công ở *bảng III.5* cho 5 chỉ tiêu tổng hợp ở *bảng IV.1*** : Lưu ý là, hộ chị Dương năm 1997 chưa có nghề nấu rượu nên chỉ có số liệu năm 1999 trên *bảng III.5*. Do đó trên *bảng III.5* không có số liệu ghi vào các cột thực tế năm 1997, nên không thể so sánh % giữa kế hoạch với thực tế

(%2/1). Nhưng có thể tìm được kế hoạch giá trị tổng sản phẩm của nó ở cột tổng thu tiền đã cộng được là 7.050, tìm được tổng chi vật tư là 6.075, tìm được số ngày công kế hoạch đã cộng là 100 ngày công. Từ đó tính được tổng thu nhập thực tế bằng cách lấy kế hoạch giá trị tổng thu trừ cho số kế hoạch tổng chi phí vật tư (7.050 - 6.075) thì được số kế hoạch thu nhập thực tế của 100 ngày công là 975.000 đồng. Vậy nếu lấy mặt bằng ngày công là 10.000 đồng để tính lỗ lãi thì kế hoạch nấu rượu còn bị lỗ 25.000 đồng (10.000đ x 100 công - 975.000đ = 25.000 đồng).

• Cách tìm số liệu kế hoạch của ngành dịch vụ ở *bảng III.6* cho 5 chỉ tiêu tổng hợp vào bảng IV.1 cho thấy :

- *Giá trị tổng thu dịch vụ* : Cộng cột tổng thu nhập thực tế năm 1997 ở *bảng III.6* là 1.260 và số kế hoạch là 600. So kế hoạch với thực tế là 47,6% giảm 52,4%, do giảm công đi làm thuê.

- *Tổng chi phí vật tư, thuế...* : không tính, vì đi làm thuê lao động chân tay, dụng cụ thô sơ thì chủ sắm ; bán một ít tạp phẩm, có một ít vốn luân chuyển, để đơn giản nên không tính chỉ tiêu này.

- *Tổng số ngày công lao động làm dịch vụ* : Cộng thực tế năm 1997 là 150 ngày công, năm 1999 là 60, so kế hoạch với thực tế là 40%, giảm 60% do giảm công đi làm thuê.

- *Tổng thu nhập thực tế* : Các nghề dịch vụ ở đây cũng có giá trị bằng giá trị tổng thu ở chỉ tiêu 1 như đã ghi trên *bảng IV.1*.

- *Lãi, lỗ, hoà* : Từ số liệu bảng 6 cho thấy thực tế năm 1997 trong số 120 ngày công đi làm thuê, tiền công một ngày chỉ được

trả 8.000 đồng, nếu so với mặt bằng chung là 10.000 đồng một ngày công thì coi như bị lỗ 240.000 đồng, còn kế hoạch năm 1999 thì hoà.

Từ số liệu tổng hợp, so sánh ở bảng IV.1, nếu chúng ta lần lượt phân tích, so sánh, đánh giá từng chỉ tiêu đến từng cây, con... thì có thể rút ra được những cơ sở khoa học của kế hoạch.

Ở chỉ tiêu về giá trị tổng sản phẩm (tổng sản lượng) kể cả các ngành trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ 1999 so với năm 1997 (1999/1997) tăng lên 291,8% (tức là tăng 191,8%). Trong đó ngành trồng trọt : 150,7%, ngành chăn nuôi là 309,1%, ngành tiểu thủ công nghiệp, nấu rượu gạo thì 1998-1999 mới có, còn ngành dịch vụ năm 1999 lại giảm xuống, còn 47,6% so với năm 1997, tại sao vậy ?

Để thấy rõ mức tăng giảm và nguyên nhân tăng giảm hợp lí hay không cần tiếp tục phân tích giá trị tổng sản lượng các cây, con, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ cụ thể với nguyên nhân của nó thì sẽ cho ta những bài học thú vị.

Chẳng hạn, trong kế hoạch ngành trồng trọt năm 1999 bằng 150,7%, so với năm 1997 tức là tăng 50,7% là do diện tích năm 1999 có thêm 136m² đất vườn (do em chồng đi ở nơi khác để lại, chị trồng mía xen rau). Có thêm số diện tích ấy cũng chỉ tăng có 5,4% (xem *bảng III.2*, 2.676m²/2.540m². Vậy, số lượng kế hoạch tăng lên 50,7% thì chủ yếu là do ruộng lúa được bón thêm phân chuồng nên năng suất lúa bình quân vụ năm 1999 sẽ tăng hơn 1997 là 20% (xem *bảng III.3*, 240kg/sào/ 200kg/sào).

Thêm vào đó còn cho thấy, giá thóc năm 1999 dự kiến sẽ tăng hơn 1997 ít nhất là 300đ/kg, tức là tăng 20% (xem giá ở *bảng III.3*, 1.800đ/1.500đ).

Đến chỉ tiêu về giá trị tổng sản lượng ngành chăn nuôi, trong đó chủ yếu là do phát triển chăn nuôi lợn thịt hơn gấp ba lần và mới nuôi một con lợn nái sinh sản (xem *bảng III.4*).

Còn ngành tiểu thủ công nghiệp - nấu rượu gạo thì năm 1997 chưa có. Đặc biệt, kế hoạch ngành dịch vụ năm 1999 lại giảm nhiều so với năm 1997 là vì nhiều năm trước đến đầu năm 1998, nhà thiếu việc làm nên hàng năm chị phải đi làm thuê cho chủ lò vôi 120 ngày công nên thu nhập về dịch vụ làm thuê tăng lên. Tháng 5/1998, nhờ vay được một triệu đồng vốn của Ngân hàng phục vụ người nghèo, chị đã chuyển sang làm nghề nấu rượu gạo để có cám, có bã rượu phát triển thêm chăn nuôi lợn, bỏ nghề đi làm thuê. Do đó giá trị thu từ nghề dịch vụ giảm xuống và ngành tiểu thủ công nghiệp - nấu rượu gạo đã từ không đến có giá trị nhiều lên (như *bảng III.5*, *III.6*), mà tính ra hiệu quả kinh tế cao hơn, đồng thời giảm được độc hại của nghề làm thuê cho chủ lò vôi. Như vậy, đây là một bài học tự chủ về chuyển dịch cơ cấu các ngành nghề sản xuất và dịch vụ trong hộ gia đình chị Dương.

Tiếp đến, chúng ta thấy chỉ tiêu kế hoạch tổng chi phí vật tư,... cho ngành trồng trọt, chăn nuôi ở 1999/1997 cũng đã tăng lên tương ứng với giá trị tổng sản phẩm kế hoạch tăng lên (bảng IV.1).

Đặc biệt, xem chỉ tiêu về tổng số ngày công lao động, chúng ta thấy nhà chị đến năm 1997, trong gia đình về lao động chỉ có một mình chị với 2 đứa trẻ ở tuổi lên 9 và 11, năm 1997 đã làm

đến 454 ngày công. Song năm 1999, hai cháu còn ở tuổi 12 và 14, cùng với tăng thời gian lao động trong ngày để làm thêm nghề nấu rượu, tăng thêm đầu lợn chăn nuôi và bán chút ít tạp phẩm tại nhà thì tổng số ngày công kế hoạch (quy 8 giờ) đã tăng lên 608 ngày. Từ đây cho ta bài học thứ hai là nhờ vay được 1 triệu đồng vốn mà đã chuyển dịch và phát triển được ngành nghề, xây dựng được kế hoạch làm ăn một cách hợp lí và là điều kiện để sử dụng đầy đủ và hợp lí sức lao động trong gia đình - nhân tố quyết định tăng tổng thu nhập thực tế. Đó là cơ sở bền vững để gia đình chị vượt đói và nhất định sẽ vượt nghèo.

Đến 2 chỉ tiêu kế hoạch phản ánh về hiệu quả kinh doanh : tổng thu nhập thực tế và lãi, lỗ, hoà (*ở bảng IV.1*) đã cho ta thấy kết quả tổng thu nhập thực tế từ 4,6 triệu đồng năm 1997 sẽ tăng lên 8,1 triệu đồng theo kế hoạch năm 1999; và hiệu quả (lãi) cũng sẽ tăng lên từ 87 nghìn đồng (1997) lên 2,1 triệu đồng (1999) là một kế hoạch có khả năng thực thi, mục tiêu xoá đói giảm nghèo vào cuối năm 1999 sẽ trở thành hiện thực. Nhưng thực hiện (TH) so với kế hoạch (KH) thì sẽ đạt, vượt hay hụt ?

Để thấy rõ kết quả thực hiện, chúng ta hãy xem số liệu tổng hợp ở *bảng IV.2* dưới đây :

Bảng IV.2 : ***Đánh giá một số chỉ tiêu chủ yếu qua so sánh kết quả thực hiện với kế hoạch (TH/KH) 1999 (hộ chị Dương)***

(Đơn vị tính: 1000 đồng và %)

Các ngành sản xuất và dịch vụ	1) Giá trị tổng sản phẩm và dịch vụ (tổng thu)			2) Tổng chi phí vật tư, thuế và phí			3) Tổng số ngày công lao động			4) Tổng thu nhập thực tế			5) Lãi + Lỗ - Hoà =		
	KH	TH	% TH/KH	KH	TH	% TH/KH	KH	TH	% TH/KH	KH	TH	% TH/KH	KH	TH	% TH/KH
- Trồng trọt	4763	4858	102,0	1237	1237	100,0	139	139	100,0	3526	3621	102,7	+2136	+2231	104,4
- Chăn nuôi	8680	9602	1106,6	5631	5866	104,2	309	391	103,2	3049	3736	122,5	-41	+546	...
- Tiểu thủ công nghiệp - nấu rượu gạo	7050	7647	108,5	6075	6215	102,3	100	102	102,0	975	1432	146,8	-25	+412	...
- Dịch vụ (làm thuê và bán hàng tạp phẩm)	600	800	133,3	-	-	-	60	60	100,0	600	800	133,3	=	...	...
Cộng	**21093**	**22907**	**108,6**	**12943**	**13318**	**102,9**	**608**	**620**	**102**	**8150**	**9589**	**117,6**	**+2070**	**+3389**	**163,7**

Thuyết minh và phân tích bảng IV.2. Để có số liệu cho 5 chỉ tiêu trên bảng này, các hộ căn cứ:

- Số liệu kế hoạch (KH) năm 1999 đã có sẵn trên các bảng kế hoạch năm đã lập và đã được tổng hợp ghi vào 5 chỉ tiêu trên bảng IV.1, thì đó cũng là số liệu kế hoạch (KH) cho *bảng IV.2*.

- Về số liệu thực hiện kế hoạch năm 1999 (ở *bảng IV.2*) :

Nhìn chung bước đầu, các nông hộ chỉ có thể theo dõi, tính toán đơn giản bằng cách : Dựa trên các bảng kế hoạch năm đã lập bằng tờ rời hoặc đóng thành quyển sổ được in mẫu bảng sẵn. Trong đó theo dõi chủ yếu là kế hoạch trồng trọt bảng III.3, chăn nuôi bảng III.4, tiểu thủ công nghiệp bảng III.5, dịch vụ bảng III.6.

Để theo hoạt động thực hiện kế hoạch kinh doanh, chủ nông hộ thường tiến hành :

Với các cây trồng của ngành trồng trọt theo dõi theo vụ.

Với các vật nuôi của ngành chăn nuôi theo dõi theo lứa, tháng...

Với các ngành tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo dõi theo tuần, tháng.

Trong quá trình thực hiện thấy có gì phát sinh ngoài kế hoạch hoặc tăng lên, giảm xuống hơi nhiều thì ghi ngay phía sau tờ kế hoạch hoặc ghi ngay vào sổ theo dõi thực hiện kế hoạch của từng loại sản phẩm, nếu tăng giảm chút ít cái nọ bù cái kia, chênh lệch không đáng kể thì không ghi. Sau mỗi vụ thu hoạch, cuối năm thì tính toán, đối chiếu với các chỉ tiêu kế hoạch để biết kết quả đạt, vượt, hoà hay hụt (cả về số lượng và giá trị sản phẩm) của từng loại sản phẩm và làm dịch vụ theo kế hoạch của hộ. Qua đó thấy được nguyên nhân và là căn cứ để lập kế hoạch gắn với hạch toán,

tính hiệu quả kinh doanh cho vụ tiếp theo. Từ phương pháp đơn giản như trên, thí dụ hộ chị Dương đã tính được kết quả thực hiện kế hoạch năm 1999 và đã tổng hợp ghi trên bảng IV.2, phục vụ cho yêu cầu phân tích so sánh đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 1999 đã cho thấy :

Giá trị tổng sản phẩm và dịch vụ của các ngành sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đều vượt kế hoạch từ 2% (TT), 8,5% (TTCN), 10,6% (CN) đến 33,3% (DV) và kết quả chung của các ngành đã thực hiện vượt kế hoạch (22.907/21.093) là +8,6%. Trong khi đó chi phí sản xuất (vật tư... lao động) cho các ngành khá hợp lí : thể hiện chi phí sản xuất cho ngành trồng trọt không tăng (trong khi giá cả dự kiến là 1800đ/kg thóc, nhưng thực tế chỉ có 1700đ/kg) mà giá trị tổng sản phẩm ngành trồng trọt vẫn tăng hơn kế hoạch là 2%, còn chi phí sản xuất cho ngành chăn nuôi, cho tiểu thủ công nghiệp có tăng, nhưng kết quả cho thấy tốc độ tăng sản phẩm nhanh hơn tăng chi phí sản xuất. Kết quả đó cho thấy (trong điều kiện thời tiết - khí hậu bình thường) việc xác lập các chỉ tiêu kế hoạch của gia đình chị Dương nhìn chung là sát đúng với điều kiện thực tế ; đặc biệt là đã biết áp dụng tốt các biện pháp kĩ thuật và công nghệ liên hoàn trong các ngành sản xuất, dịch vụ bảo đảm năng suất cây trồng và vật nuôi tăng lên.. Nhờ đó, tổng thu nhập thực tế và lãi của mỗi ngành kinh doanh đều vượt mức kế hoạch đã đề ra, dẫn đến có kết quả chung về tổng thu nhập thực tế của các ngành kinh doanh đã tăng vượt mức kế hoạch là 17,6%, đặc biệt lãi kinh doanh đã vượt mức kế hoạch cao đến 63,7%. Đó là một kết quả rất đáng mừng - bảo đảm thực hiện được mục tiêu xoá đói giảm nghèo của gia đình chị Dương. Thật đáng trân trọng !

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

CHUẨN MỰC HỘ ĐÓI NGHÈO*, XÃ NGHÈO

Hộ có thu nhập bình quân đầu người 1 tháng:

1. a) Giai đoạn 1992-2000

ĐÓI	Dưới 13kg gạo hay 45.000 đồng	
NGHÈO	Vùng núi, hải đảo	Dưới 15kg gạo hay 55.000 đồng
	Khu vực nông thôn, vùng đồng bằng, trung du	Dưới 20kg gạo hay 70.000 đồng
	Khu vực thành thị	Dưới 25kg gạo hay 90.000 đồng

Nguồn : Theo Thông tư số 1751/LĐTBXH của Bộ LĐ - TB - XH ngày 20/5/1997

1. b) Giai đoạn 2001-2005

	Vùng	Đồng/người/tháng
NGHÈO (ĐÓI VÀ NGHÈO)	Nông thôn miền núi, hải đảo	< 80.000
	Nông thôn đồng bằng, trung du	< 100.000
	Thành thị	< 150.000

* *Nguồn* : Báo Nông nghiệp Việt Nam, 3/11/2000.

Ghi chú :

Các tỉnh, thành phố có thể nâng chuẩn hộ nghèo cao hơn so với mức trên nếu có 3 điều kiện : Thu nhập bình quân đầu người của cả nước ; tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh, thành phố thấp hơn tỉ lệ nghèo chung cả nước ; có đủ nguồn lực hỗ trợ người nghèo.

I. c) Ban hành tiêu chí xã nghèo *

Ngày 22/5/2002, Bộ LĐ-TB & XH ban hành tiêu chí xã nghèo giai đoạn 2001-2005 (ngoài Chương trình 135). Theo đó, xã nghèo là xã có : tỉ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên ; chưa đủ sáu hạng mục cơ sở hạ tầng thiết yếu : dưới 30% số hộ sử dụng nước sạch, dưới 50% số hộ sử dụng điện sinh hoạt, chưa có đường ô tô đến trung tâm xã hoặc ô tô không đi được cả năm, số phòng học chỉ đáp ứng được 70% nhu cầu của học sinh hoặc phòng học tạm bằng tranh tre, nứa lá, chưa có trạm y tế xã hoặc có nhưng là nhà tạm, chưa có chợ hoặc là chợ tạm.

Căn cứ vào tiêu chí này, các địa phương điều tra xác định số xã nghèo, làm cơ sở để Bộ LĐ-TB & XH xây dựng kế hoạch hỗ trợ xã nghèo giai đoạn 2002-2005.

Ghi chú :

Đây là tiêu chí xã nghèo, không nằm trong Chương trình 135. Chương trình 135 là của những xã nghèo nhất, có tiêu chí nghèo cao hơn xã nghèo (L.T).

---

*. *Nguồn* : Báo Nhân dân, 27/5/2002

PHỤ LỤC 2

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH 133 *

1. Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng

Đường giao thông đến trung tâm xã; điện sinh hoạt ; trạm y tế xã ; trường tiểu học ; nước sinh hoạt ; chợ và sắp xếp lại dân cư.

2. Định canh định cư, di dân và kinh tế mới

Tiến hành định canh định cư theo dự án, hỗ trợ sản xuất và đời sống; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại các khu định cư. Khuyến khích và tổ chức di dân theo quy hoạch, phát triển hợp lí và ổn định các khu kinh tế mới.

3. Hỗ trợ đồng bào dân tộc khó khăn

Nhằm ổn định và phát triển sản xuất, xây dựng các công trình phúc lợi nhỏ.

4. Hỗ trợ người đói, nghèo trong giáo dục

Miễn, giảm học phí, các khoản đóng góp học đường; hỗ trợ vở viết, sách giáo khoa đối với con hộ nghèo và cấp học bổng đối với học sinh quá nghèo.

---

*. Nguồn: Theo Quyết định số 133/1998/QĐ-TTg ngày 23/7/1998

5. Hỗ trợ người đói, nghèo trong y tế

Miễn giảm viện phí và các khoản đóng góp cho người nghèo đói khi đến khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế của Nhà nước.

6. Hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề

Hỗ trợ giải quyết đất đai sản xuất, công cụ sản xuất. Khuyến khích và hỗ trợ phát triển ngành nghề thủ công nghiệp và dịch vụ, khôi phục các làng nghề truyền thống, tạo việc làm tại chỗ.

7. Hướng dẫn người nghèo

Hướng dẫn kĩ thuật sản xuất, chế biến, tiếp cận thị trường, sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả, cách chi tiêu trong sinh hoạt gia đình và thực hiện khuyến nông, lâm, ngư nghiệp.

8. Hỗ trợ tín dụng cho hộ đói nghèo và đẩy mạnh tiết kiệm.

9. Hỗ trợ nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo và cán bộ các xã miền núi.

PHỤ LỤC 3

Phép nước

Xã tôi lấy đất của dân
Bán mua, mua bán, dành phần cho nhau
Nông dân thiếu đất lòng đau
Kẻ giàu mua đất để sau kiếm lời
Cơ quan chức trách đâu rồi ?
Sao để luật đất quê tôi nổi chìm
Làm cho dân mất lòng tin
Thấy sai thì sợ... mà nhiều việc sai !
Bán đất lỗi ở tại ai ?
Cỗ ô che chở biết sai cứ làm
Người dân chỉ biết kêu oan
Phép nước mà chịu lệ làng mãi sao ?

Trần Thu Hằng
(Quỳ Hợp, Nghệ An)

Nguồn: Báo Nhân dân ngày ngày 14.6.1998

PHỤ LỤC 4

Nghịch lí đói nghèo

Diệu Hương

Thực tế cho thấy, xung quanh chuyện đói, nghèo có không ít điều nghịch lí. Tôi xin tạm nêu ra một số trường hợp cụ thể rồi đặt cho nó một cái đầu đề nhỏ.

"Vũ điệu tăng giảm"

Cứ vào dịp cuối năm, cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) phải viết báo cáo toàn diện về tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở đơn vị của mình gửi lên cấp huyện, quận. Cấp huyện, quận lại viết báo cáo gửi lên cấp tỉnh, thành phố. Và, tỉnh, thành phố viết báo cáo gửi lên Trung ương. Gần như đã trở thành quy luật, khi viết báo cáo, người ta thường chú ý nói nhiều hơn tới những thành tích đạt được và giảm bớt đi những khó khăn tồn tại, đặc biệt là những khuyết điểm, sai lầm. Về chuyện đói, nghèo cũng vậy. Có xã báo cáo tổng số hộ đói, nghèo năm 1997 là 20%, năm 1998 giảm xuống còn 14,6%. Họ không làm tròn mà lấy con số lẻ. Như vậy chắc là phải khảo sát và tính toán cẩn thận lắm. Nhưng cũng chính cái xã ấy khi biết tỉnh và huyện có dự án đầu tư kinh phí cho cơ sở trong việc xoá đói, giảm nghèo thì họ lại báo cáo năm 1998 số hộ đói 11%; số hộ nghèo 19,26% và tổng số hộ đói, nghèo là 30,26%. Ôi ! Cái con số 14,6% để lấy thành tích và con số 30,26% để lấy tiền của Nhà nước sao nó xa cách nhau đến thế.

Nếu cơ sở nào cũng báo cáo theo kiểu ngẫu hứng "nay giảm, mai tăng" như vậy thì làm sao chúng ta có được những con số thật chính xác về thực trạng đói, nghèo ?

Dự án 246 biến thành 642

Đây là cách nói hóm hỉnh trong dân gian để phản ánh một số thực tế có thật: số tiền đối tượng được hưởng cứ bị bớt xén dần từ trên xuống dưới. Có nơi, kinh phí được đầu tư cho việc xoá đói, giảm nghèo trong hai năm 1997-1998 là 1.014 triệu đồng. Ban quản lí dự án đã lập các hồ sơ, chứng từ khống để rút ra 660 triệu đồng chia nhau. Như vậy, số tiền xuống đến cơ sở chỉ còn 354 triệu đồng. Có địa phương, số kinh phí hỗ trợ việc xoá đói, giảm nghèo huyện tự ý quyết định giữ lại 30%; xã tự ý quyết định giữ lại 10%; kinh phí đến dân chỉ còn 60%. Còn nhiều thí dụ khác nữa, nhưng thiết nghĩ chỉ cần nêu một vài trường hợp như vậy cũng đã thấy rõ vấn đề rồi.

Của "trời cho"

Chính sách Tín dụng phục vụ hộ nghèo thiếu vốn sản xuất được xem là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện chương trình quốc gia về xoá đói, giảm nghèo. Khác với dịch vụ tín dụng truyền thống của các Ngân hàng thương mại, Tín dụng phục vụ hộ nghèo thiếu vốn sản xuất mang tính đặc thù : được ưu đãi về lãi suất (lãi suất thấp), thủ tục cho vay đơn giản, không có thế chấp tài sản; được giải ngân trực tiếp tại xã... Chính vì có những ưu đãi đó cho nên Nhà nước quy định đối tượng được vay vốn phải là những hộ nghèo thực sự, thiếu vốn sản xuất nhưng có sức lao động, chịu khó làm ăn, chứ không phải là những hộ nghèo do lười lao động, không biết cách làm ăn, gia đình có người

nghiện hút hoặc mắc các tệ nạn xã hội... Khá nhiều địa phương và cơ sở không quán triệt được tinh thần này cho nên họ coi đó như là "của trời cho", là khoản tiền trước mắt thì Nhà nước cho vay nhưng sau này sẽ xóa nợ. Do nhận thức như vậy cho nên không ít nơi đã thực hiện phương thức "mưa cho khắp". Họ đem số tiền được vay chia đều cho từng hộ dân, chưa nói tới việc bớt lại một số khá lớn dành riêng cho các cán bộ xã vay (kể cả những hộ khá giàu). Như vậy, đồng vốn Nhà nước bỏ ra đã bị sử dụng sai mục đích, không đúng đối tượng.

* *
*

Những nghịch lí nêu trên hầu như ở địa phương nào cũng có. Rõ ràng đã đến lúc phải lập lại trật tự kỉ cương để cho những nghịch lí trong việc xoá đói, giảm nghèo không còn cơ hội tồn tại.

Nguồn : Tạp chí Cộng sản số 9 (5.2000).

PHỤ LỤC 5

Cần nhìn thẳng vào thực trạng đói nghèo ở nông thôn *

Thanh Vũ

- Báo cáo bác, nhà cháu làm gì ra nổi 100 nghìn một người mỗi tháng mà bác xoá tên nhà cháu khỏi danh sách hộ nghèo ?

- Các ông chả công bằng một tí nào. Nhà tôi, có róc xương lột da cả nhà ra mà bán cũng chả được đến chừng ấy...

Đó là những câu mà chúng tôi thường được nghe ở các làng xóm trong mỗi dịp "bình xét" tiêu chuẩn hộ nghèo. Người "kiến nghị" rất khổ tâm (nào ai muốn nghèo làm gì cơ chứ). *Bà Vũ Thị Mậu* ở Liên Hoà (Kim Thành, Hải Dương) có 7 khẩu sống trong *căn nhà lụp xụp chỉ độ 30m²*, đã tính rành rọt cho chúng tôi nghe khi được hỏi về thu nhập: 5 sào ruộng cấy (con dâu bà người xã khác nên không có ruộng) vụ chiêm được 8 tạ thóc, vụ mùa độ 6 tạ nữa. Với giá thóc *17.000 đồng/ một yến* như ở chợ, thì được hai triệu tư. Lợn gà các thứ độ tám trăm nghìn đồng nữa, là trên ba triệu bạc. Ấy là mới tính thu. Để làm ra được tấn tư thóc, để chăn nuôi được con lợn, con gà, cũng phải có cái gì đổ vào đó chứ. Nếu trừ chi phí đi, chỉ còn già một nửa. Bảy con người trông cả vào đó. Vậy mỗi người một tháng được bao nhiêu ?

Những hộ có *mức thu thập như bà Mậu rất phổ biến ở nông thôn*. Người được tiếp nhận những "kiến nghị" đó, thường là các trưởng thôn, cũng đau đầu không kém. Bởi họ đâu có "được phép" trung thực trước yêu cầu của bà con: "Thu nhập của chúng

tôi, khi điều tra các ông đã ghi chép hết rồi. Từ quả trứng gà đem đi chợ, từ ngày công *đi làm thuê được 10 nghìn đồng* cũng không bỏ sót. Ai nghèo, thì các ông cứ báo cáo lên trên, việc gì phải giấu". Nói các trưởng thôn giấu bớt hộ nghèo, quả không sai. Nhưng không phải tự họ, mà do họ bị buộc phải thế. Quy định của Nhà nước: Hộ nghèo là hộ có thu nhập bình quân dưới 100 nghìn đồng/người/tháng. Nhưng *nhiều địa phương đã tự ý hạ xuống* "cho phù hợp với tình hình thực tế". Như ở Liên Sơn (Ninh Bình) tiêu chuẩn *nghèo là thu nhập dưới 80.000 đồng/người/tháng*; ở Liên Hoà (Kim Thành, Hải Dương) cũng cùng mức đó. *Ở xã Bối Cầu (Bình Lục, Hà Nam) tiêu chuẩn còn được hạ xuống thấp hơn: dưới 60.000 đồng/người/tháng mới được coi là nghèo (xin lưu ý rằng đây là nói thu nhập, nghĩa là thu mà chưa trừ chi phí. Nếu trừ đi, thì một số hộ chỉ còn trên dưới 30.000 đồng/người/tháng).* Đã thế lại "khống chế" số lượng hộ nghèo. Ông trưởng thôn Hưng Hoà (Kim Thành, Hải Dương) nói: "Thôn này nếu duyệt đúng chuẩn dưới 80 nghìn đồng/người/tháng, thì phải 90% (cả thôn 416 hộ) nhưng chúng tôi chỉ được "chỉ tiêu" 62 hộ. Thôn Bác Thắng (Kim Thành, Hải Dương) 474 hộ, cũng chỉ được "chỉ tiêu" 60 hộ, trong khi duyệt đúng phải 200 hộ. Một chủ tịch xã ở Thái Thuỵ (Thái Bình) nói: "Xã tôi hộ nghèo là 25,3% nhưng khi đưa lên, cấp trên bảo phải dưới 20% mới duyệt, chúng tôi phải họp, phải rút vợi số hộ ra, còn 19%. Đưa lên vẫn không được, yêu cầu rút xuống dưới 15%. Lại họp, lại xét. Lần thứ ba đưa lên, cấp trên lại yêu cầu phải dưới 10% mới được, cuối cùng, còn 9%"...

Rõ ràng ở không ít nơi đã có hẳn một chủ trương, thậm chí một *"nghị quyết" về việc che giấu thực trạng đói nghèo ở địa*

phương mình: xã nói dối huyện, huyện nói dối tỉnh, tỉnh nói dối trung ương (không chỉ việc này, mà nhiều việc khác nữa cũng bị họ nói dối kiểu "dây chuyền"). Vì sao như vậy ? Chỉ có thể nói đó là bệnh sính thành tích. Xoá đói giảm nghèo là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta. Nhưng muốn xoá được đói, giảm được nghèo thì trước hết phải thực sự có tấm lòng vì người nghèo, phải nhìn thẳng vào thực trạng đói nghèo ở nông thôn, phải thống kê chính xác, trung thực rồi trên cơ sở đó phân loại ra: bao nhiêu hộ nghèo do thiếu sức lao động ? bao nhiêu hộ nghèo do thiếu vốn, thiếu tư liệu sản xuất (đất đai, nông cụ...) từ đó có những chính sách cụ thể. Xoá đói giảm nghèo là công việc của toàn xã hội, phải huy động sức lực, trí tuệ của cả nước, chứ đâu phải chỉ ngồi mà giảm... những con số phần trăm. Cứ tình trạng này, thì chẳng mấy lúc nữa cả Trung ương lẫn địa phương đều ngồi mà xoa tay "hết đói nghèo rồi" (do sính thành tích, nên năm sau thường báo cáo tỉ lệ hộ nghèo thấp hơn năm trước), trong khi hàng triệu hộ dân ở nông thôn vẫn nghèo, vẫn khổ.

**Nguồn* : Báo Nông nghiệp Việt Nam số 106 (1400) ngày thứ sáu, 14/6/2002

PHỤ LỤC 6

6. a) TỈ LỆ ĐÓI NGHÈO Ở VIỆT NAM 1993-1998 (%)

Nguồn: Theo kết quả tính toán các ngưỡng nghèo của nhóm cộng tác viên Tổng cục thống kê và Ngân hàng Thế giới (Trong báo cáo Việt Nam tấn công đói nghèo, tháng 12-1999).

Ngưỡng nghèo (đói + nghèo)	1993			1998		
	Cả nước	*Thành thị*	*Nông thôn*	*Cả nước*	*Thành thị*	*Nông thôn*
Tỉ lệ nghèo lương thực, thực phẩm (LTTP)	24,9	7,9	29,1	15,0	2,3	18,3
Tỉ lệ nghèo chung (LTTP + phi LTTP)	58,1	25,1	66,4	37,4	9,0	44,9

6. b) KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU ĐIỀU TRA HỘ NGHÈO Ở BỐN TỈNH NĂM 2002*

ĐC

Chiều 30/9/2003, tại Hà Nội, Bộ LĐ-TB & XH tổ chức công bố kết quả điều tra hộ nghèo năm 2002 ở bốn tỉnh : Lai Châu, Hoà Bình, Quảng Trị và Đồng Tháp nhằm cung cấp thông tin bước đầu cho cuộc điều tra toàn diện về đói nghèo trong cả nước vào năm 2004 ; làm căn cứ xây dựng kế hoạch XĐGN bền vững cho những năm tiếp theo.

Kết quả điều tra cho thấy mặc dù có những cố gắng nhất định của Nhà nước, chính quyền địa phương và cộng đồng xã hội, tỉ lệ hộ nghèo vẫn còn cao : Lai Châu 36,84%; Hoà Bình 17,04%;

Quảng Trị 17,10% và Đồng Tháp 10,31%. Nguyên nhân là do phần lớn các hộ nghèo chưa được vay vốn XĐGN, nhiều hộ thiếu đất sản xuất và kinh nghiệm làm ăn, thiếu lao động và đông người ăn theo; một số làng bản, xã còn thiếu các công trình hạ tầng, đồng thời tỉ lệ hộ có con em không được đi học và ở nhà tranh dột nát còn cao.

Việc XĐGN, nhất là ở vùng miền núi, vùng sâu, xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống còn gặp rất nhiều khó khăn, đòi hỏi sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa của Nhà nước và xã hội để đẩy nhanh tốc độ XĐGN, đạt hiệu quả thiết thực và bền vững.

**Nguồn* : Báo Nhân dân, 1/10/2003

PHỤ LỤC 7

MẪU SỔ GHI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, DỊCH VỤ VÀ THEO DÕI THU CHI TIỀN MẶT

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT DỊCH VỤ VÀ THEO DÕI THU CHI TIỀN MẶT

Hộ gia đình nông dân năm...

Chủ hộ :

Loại hộ :

Địa chỉ :

Mục đích lập kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo là nhằm làm ra được thêm sản phẩm, thêm tiền, có hiệu quả hơn để có ăn no, mặc ấm, con được học hành, có tiền chữa bệnh, trả được nợ, tự xoá được đói nghèo, tiến lên có đời sống khá giả.

Mục tiêu kế hoạch làm ăn đến năm 2000, 2001, 2002, v.v. của hộ đói thì xoá được đói, của hộ nghèo thì xoá được nghèo.

Phần A

CÁC BẢNG LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, DỊCH VỤ
(1999- 2000...)

1. Những điều kiện cơ bản để sản xuất, dịch vụ của hộ

Bảng 1: ***Nhân khẩu và sức lao động trong gia đình*** *

Họ tên	Quan hệ	Tuổi và khả năng lao động (chính, phụ)	Trình độ văn hoá và nghề nghiệp	Sức khoẻ
1				
2				
3				
4				
5				

(*) Tham khảo cách ghi (cách lập) của hộ gia đình chị Dương

Bảng 2 : ***Ruộng đất, chuồng trại, chăn nuôi, nhà xưởng... công cụ sản xuất*** *

Năm	Ruộng đất		Chuồng trại chăn nuôi... công cụ			Ghi chú
	Loại ruộng đất	*Số lượng (m^2)*	*Tên*	*Số lượng (m^2 chuồng, con, cái, đôi...)*	*Giá trị (1.000 đồng)*	
Thực tế ... (đã có)						
Kế hoạch ... (sẽ có thêm)						
Tổng cộng						

(*) Tham khảo cách ghi (cách lập) của hộ gia đình chị Dương

Bảng 3 : ***Kế hoạch sản xuất sản phẩm các cây trồng và hiệu quả ****

(Đơn vị tiền: 1.000 đồng)

Năm	Ngành trồng trọt	Quy mô diện tích (m^2)	Thu - chi														Hiệu quả		Ghi chú
			Thu (sản lượng)				Chi (chi phí sản xuất)												
			Sản lượng (kg)		Giá bán 1kg (1 đơn vị)	Tổng thu tiền	Mua vật tư, thuế và phí/diện tích (m^2)						Công		Tổng chi tiền	Giá thành 1kg (1 đơn vị) *(a)*	Lãi + Lỗ (Tổng thu - Tổng chi)	Thu nhập thực tế 1 ngày công (quy 8 giờ/ ngày) *(b)*	
			Tổng số	Trong đó bán			Giống	Phân	Thuốc sâu	...	Thuế và phí/ diện tích	Cộng tiền	Số ngày công	Cộng tiền công					
1	2	3	4	5	6	7= 6x4	8	9	10	11	12	13	14	15	16= 13+15	17= 16:4	18= 7-16	19= (7-13) :14	20
Thực tế năm (ví dụ 1997)																			
Kế hoạch năm (ví dụ 1999)																			
Cộng																			

* Như đã dẫn ở cuối bảng 1; (a) và (b) - Xem chú thích ở bảng III.4 (trang 103 - 104)

Bảng 4 : ***Kế hoạch sản xuất các gia súc chăn nuôi và hiệu quả ****

(Đơn vị tiền: 1.000 đồng)

Năm	Ngành chăn nuôi	Quy mô số lượng gia súc (con)	Thu - chi																		Ghi chú
			Thu (sản lượng)				Chi (chi phí sản xuất)										Hiệu quả		
			Sản lượng (kg)		Giá bán 1kg (1 đơn vị)	Tổng thu tiền	Mua vật tư						Công		Tổng chi tiền	Giá thành 1kg (1 đơn vị) *(a)*	Lãi + Lỗ (Tổng thu - Tổng chi)	Thu nhập thực tế 1 ngày công (quy 8 giờ/ ngày) *(b)*	
			Tổng số	Trong đó bán			Giống	Thức ăn	Thú y	...	Khấu hao *(c)*	Cộng tiền	Số ngày công	Cộng tiền công					
1	2	3	4	5	6	7= 6x4	8	9	10	11	12	13	14	15	16= 13+15	17= 16:4	18= 7-16	19= (7-13) :14	20
Thực tế (ví dụ 1997)																			
Kế hoạch (ví dụ 1999)																			
Cộng																			

(a), (b) và (c) - Xem chú thích ở bảng III. 4 (trang 103 - 104) * Như đã dẫn cuối bảng 1

Bảng 5 : ***Kế hoạch sản xuất sản phẩm tiểu thủ công nghiệp - Chế biến nông (lâm, hải) sản ****

(Đơn vị tiền: 1.000 đồng)

Năm	Tên sản phẩm	Thu			Chi vật tư				Hiệu quả		
		Số lượng sản xuất, chế biến	Giá bán đơn vị sản phẩm	Tổng thu: tiền	...	...	...	Tổng chi: tiền	Tổng thu nhập thực tế	Số ngày công (quy 8 giờ)	Thu nhập thực tế 1 ngày công
Thực tế ... (ví dụ 1997)											
Kế hoạch ... (ví dụ 1999)											
	Cộng										

* Như đã dẫn ở cuối bảng 1.

Bảng 6 : ***Kế hoạch làm dịch vụ*** *

(Đơn vị tiền: 1.000 đồng)

Năm	*Loại công việc dịch vụ*	*Thu nhập thực tế (1000đ)*			*Ghi chú*
Thực tế ... (ví dụ 1997)					
Kế hoạch ... (ví dụ 1999)					
Cộng					

* Như đã dẫn ở cuối bảng 1.

Bảng 7 : ***Kế hoạch vay và cân đối tiền, năm... ****

(Đơn vị tiền: 1.000 đồng, vật (kg thóc)

Vay của ai	Nợ cũ					Vay mới năm...						Sử dụng tiền mặt trong năm				Cân đối tiền nợ cuối năm		
	Ngày vay	Số lượng		% lãi	Ngày trả	Ngày vay	Mục đích	Số lượng		% lãi	Ngày phải trả	Để sản xuất bình thường	Cho đời sống	Trả nợ cũ cộng lãi	Để tăng sản xuất và trả nợ khi đến hạn (gửi tiết kiệm) ...	Tổng số còn nợ	Khả năng trả nợ	Cân đối nợ và khả năng trả nợ (= + -)
		Tiền	Thóc					Tiền	Thóc									
1. Các ngân hàng																		
2. Các tổ chức khác																		
3. Tư nhân																		
Cộng																		

* Như đã dẫn ở cuối bảng 1.

Bảng 8 : ***Kế hoạch thu chi, cân đối bằng tiền mặt, năm... ****

(Đơn vị tiền: 1.000 đồng)

Thu			Chi		
Các khoản thu	Thực tế... (Ví dụ 1997)	Kế hoạch... (Ví dụ 1999)	Các khoản chi	Thực tế... (Ví dụ 1997)	Kế hoạch... (Ví dụ 1999)
I. Các loại sản phẩm			*I. Cho sản xuất - dịch vụ* 1. Cây trồng 2. Chăn nuôi 3. Tiểu thủ công nghiệp 4. Dịch vụ		
II. Làm dịch vụ			*II. Cho đời sống* 1. Ăn - Mua thực phẩm - Mua gạo 2. Mặc 3. Nhà ở và đồ dùng 4. Học hành 5. Chữa bệnh 6. Phương tiện đi lại 7. Giỗ tết, tang lễ, cưới 8. Tiếp khách 9. Chi khác - Điện thắp sáng - Khoản khác		
III. Các khoản thu khác 1. Người nghèo 2. Vay tiền tư nhân 3. Lương hưu, mất sức, cứu trợ xã hội (nếu có)			*III. Trả nợ và lãi*		
			IV. Gửi tiết kiệm để tăng sản xuất và để dành trả nợ khi đến hạn		
Tổng cộng					

* Như đã dẫn ở cuối bảng 1.

Bảng 9 : ***Tổng hợp so sánh, đánh giá một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch...***

(năm kế hoạch/năm thực tế) *

(Đơn vị tiền: 1.000 đồng và %; % năm kế hoạch/năm thực tế = 1/2)

Các ngành sản xuất và dịch vụ	Giá trị tổng sản phẩm và dịch vụ (tổng thu)			Tổng chi phí vật tư... (Tổng chi)			Tổng số ngày công lao động			Tổng thu nhập thực tế			Lãi +; Lỗ -; Hoà =		
	Năm thực tế (1)	Năm kế hoạch (2)	% (2/1)	Năm thực tế (1)	Năm kế hoạch (2)	% (2/1)	Năm thực tế (1)	Năm kế hoạch (2)	% (2/1)	Năm thực tế (1)	Năm kế hoạch (2)	% (2/1)	Năm thực tế (1)	Năm kế hoạch (2)	% (2/1)
Trồng trọt															
Chăn nuôi															
Tiểu thủ công nghiệp - chế biến nông sản...															
Dịch vụ (làm thuê, buôn bán nhỏ,...)															

* Xem cách so sánh, đánh giá của hộ gia đình chị Dương đã thể hiện ở bảng IV.1.

Bảng 9 : ***Đánh giá một số chỉ tiêu chủ yếu qua so sánh kết quả thực hiện (TH) với kế hoạch (KH) năm... ****

Đơn vị tính: 1.000 đồng và % (TH/KH)

Các ngành sản xuất và dịch vụ	Giá trị tổng sản phẩm và dịch vụ (tổng thu)			Tổng chi phí vật tư... (Tổng chi)			Tổng số ngày công lao động			Tổng thu nhập thực tế			Lãi +; Lỗ- ; Hoà =		
	KH	TH	% TH/KH	KH	TH	% TH/KH	KH	TH	% TH/KH	KH	TH	% TH/KH	KH	TH	% TH/KH
Trồng trọt															
Chăn nuôi															
Tiểu thủ công nghiệp - chế biến nông sản...															
Dịch vụ (làm thuê, buôn bán nhỏ,...)															
Cộng															

* Xem cách tổng hợp số liệu, so sánh đánh giá của hộ chị Dương đã thể hiện bảng IV.2.

Phần B

BẢNG THEO DÕI THU CHI TIỀN MẶT

(2 ngày ghi một lần, cuối tháng cộng lại - cân đối- để biết thừa, thiếu; cuối năm lập bảng cân đối (tổng hợp 12 tháng) để biết thừa, thiếu)

Bảng : ***Tháng 1 (1999)***

Ngày	Thu		Chi	
	Các khoản thu	Số tiền	Các khoản chi	Số tiền
1-2				
3-4				
5-6				
7-8				
9-10				
11-12				
13-14				
15-16				
17-18				
19-20				
21-22				
23-24				
25-26				
27-28				
29-30 và 31				
Cộng				

* Các tháng khác cũng lập bảng kẻ ô tương tự.

Bảng : ***Tổng hợp cân đối của 12 tháng***

Các tháng trong năm	Thu : Số tiền	Chi : Số tiền	Thừa + Thiếu - Đủ =
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
Tổng cộng			

PHỤ LỤC 8

THƯ BẠN ĐỌC TỪ CÁC MIỀN GỬI ĐẾN ĐÁNH GIÁ TÁC DỤNG THIẾT THỰC CỦA CUỐN SÁCH

1) MỘT TRONG NHỮNG BỨC THƯ CỦA BẠN ĐỌC TỪ MIỀN NAM GỬI RA

Thạnh Hoá, Long An, ngày 16/7/2001

Kính thưa PGS TS Lê Trọng !

Em là một công chức Nhà nước, thuộc cơ quan kho bạc Nhà nước huyện Thạnh Hoá - Long An. Em kính gửi lời thăm sức khoẻ của PGS và cho phép em được kính gọi PGS là thầy, vì thông qua quyển sách "Hướng dẫn kế hoạch làm ăn cho hộ nông dân để xoá đói giảm nghèo" của thầy em học hỏi được nhiều kiến thức và kinh nghiệm quý để ra sức làm tròn trách nhiệm của một người có tâm huyết trên mặt trận XĐGN ở địa phương mà hiện nay trên 11 năm thành lập huyện vẫn chưa có gì khởi sắc.

Là một công chức tài chính - ngân hàng có thâm niên từ năm 1975 đến nay, dù có nhiều nỗ lực để tự trang bị cho mình kiến thức với mục đích góp phần cải thiện đời sống cho các hộ nông dân nghèo nhưng em gặp nhiều trở ngại (...).

Kính thưa thầy, em đang viết tiểu luận tốt nghiệp lớp đào tạo chính trị cao cấp với đề tài "Giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng

vốn "XĐGN" nên cuốn sách của thầy đã gợi ý cho em một số giải pháp mà qua nghiên cứu của thầy đã phát kiến ra. Tiểu luận trên em phải hoàn thành trong tháng 8.2001. Những năm tiếp theo em sẽ nghiên cứu đề tài khoa học cấp ngành, dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2003, nếu có tài liệu liên quan, hoặc những lời khuyên quý nhờ thầy quan tâm giúp đỡ.

Một lần nữa xin thầy nhận nơi đây lòng biết ơn chân thành của một người chiến sĩ luôn khát vọng được phục vụ vô điều kiện cho dân nghèo suốt cuộc đời.

Kính thầy.

Lê Minh Thiết

Kho bạc Nhà nước huyện Thạnh Hoá, tỉnh Long An

2) MỘT TRONG NHỮNG BỨC THƯ CỦA BẠN ĐỌC TỪ MIỀN TRUNG GỬI ĐẾN

Quảng Bình 15/11/2001

Thưa ông ! Tình cờ vào siêu thị sách Đà Nẵng tôi đã mua được cuốn sách "Hướng dẫn kế hoạch làm ăn cho hộ nông dân để xoá đói giảm nghèo", 2000. Sau khi đọc và nghiên cứu tôi thấy khá phù hợp để tôi có thể thực hiện thí điểm trên địa bàn Dự án của chúng tôi. Tuy nhiên sau đây là một số mong muốn của tôi về những vấn đề liên quan đến kế hoạch :

Đồng ý mỗi hộ gia đình là một đơn vị kinh tế tự chủ nên có kế hoạch làm ăn riêng. Nhưng nhiều người lập thành nhóm và xây dựng kế hoạch cho nhóm sản xuất hoặc cả thôn bản có thể xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội chung cho mọi người dân trong vùng. Vậy ông đã có nghiên cứu gì chưa đối với việc một thôn, bản xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển KTXH mỗi năm ?

Thưa ông đây là bức thư đầu tiên mà tôi viết đến ông. (...) Chúng tôi đang làm dự án An toàn lương thực Quảng Bình. Một trong những mảng hoạt động hỗ trợ lớn cho nhóm mục tiêu là "Nâng cao năng lực tự chủ" thông qua xây dựng kế hoạch. Vì vậy, qua bức thư ngắn ngủi này tôi chỉ mong có được những chỉ dẫn ân cần của ông và hi vọng chúng ta sẽ liên lạc với nhau và kể cả gặp nhau nữa. Tôi xin chúc sức khoẻ ông và đợi thư. Cảm ơn ông.

Nguyễn Anh Quốc
Tư vấn năng lực tự chủ
Dự án ATLTQB, ĐT : 052 820599
6 Phan Chu Trinh, Đồng Hới, Quảng Bình

3) MỘT TRONG NHỮNG BỨC THƯ CỦA BẠN ĐỌC TỪ MIỀN BẮC - Ở TUỔI 20

Lạc Sơn, ngày 28/02/2002

Cháu là con, cháu nông dân Miền Bắc có khát vọng làm kinh tế để xoá đói giảm nghèo nhưng chưa biết làm như thế nào để đạt hiệu quả. Khi đọc được sách "Hướng dẫn kế hoạch làm ăn để xoá

đói giảm nghèo" nó đã giúp cho cháu rất nhiều điều bổ ích để biết cách làm giàu.

Kính thưa PGS TS Lê Trọng !

Cháu tên là Bùi Văn Nhình ở xóm Vành, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Cháu biết bác qua một lần đọc quyển sách "Hướng dẫn kế hoạch làm ăn cho hộ nông dân để xoá đói giảm nghèo" do bác biên soạn. Qua nhiều lần do dự hôm nay cháu viết lá thư này mong có điều kiện để liên hệ trao đổi với bác về tình hình đói nghèo ở quê cháu, cháu đã nhiều lần đến điểm Bưu điện văn hoá xã để tìm đọc các quyển sách đã xuất bản. Cháu đã tìm thấy ở đó nhiều điều bổ ích và thiết thực góp phần hiểu biết cho những người nông dân về cách làm ăn để xoá đói giảm nghèo. Hiện nay nông dân cả nước nói chung và người dân quê cháu nói riêng vẫn còn thiếu cơm ăn áo mặc hàng ngày, tình trạng này ở quê cháu cũng có phần tương đồng với các minh hoạ mà bác dẫn ra ở trong sách. Cháu năm nay 20 tuổi là người con gắn bó với nghề nông, quanh năm vất vả nhưng vẫn không đủ ăn. Cháu có khát vọng làm mô hình kinh tế VAC để dần dần xoá được đói giảm được nghèo, nhưng chưa biết làm như thế nào để đạt hiệu quả. Qua những lần đọc sách báo và đặc biệt cháu đọc quyển sách "Hướng dẫn kế hoạch làm ăn cho hộ nông dân để xoá đói giảm nghèo" của bác, nó đã giúp cháu rất nhiều điều bổ ích để biết cách làm giàu. Thông qua lá thư này, cháu muốn biết có nhiều tài liệu như vậy để tham khảo, biết các chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo cho hộ nông dân và các thông tin khác liên quan đến vấn đề này.

Cuối cùng cháu xin chân thành cám ơn PGS TS Lê Trọng đã viết nên quyển sách hay đó.

4) TRÍCH MỘT TRONG NHỮNG BỨC THƯ CỦA BÀ CON DÂN

TỘC MƯỜNG GỬI ĐẾN NÓI RÕ TÁC DỤNG LỚN CỦA CUỐN SÁCH : "*HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH LÀM ĂN CHO HỘ NÔNG DÂN ĐỂ XĐGN*".

Đó là cô ***Phạm Thị Thuý Miền***, quê ở làng Sòng, xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc (miền núi Thanh Hoá).

Làng Sòng 3/04/2002

Bác Lê Trọng kính mến !

... Cháu đã đọc kĩ từng chương mục, rồi các bài minh hoạ từ 1.10. Cháu thực sự cảm ơn bác nhiều lắm. Nhờ có cuốn sách của bác mà cháu đã xoá bỏ mặc cảm về xã hội. Từ đây cháu mới biết rõ và thực tế Đảng và Nhà nước rất quan tâm chú trọng đến người nghèo.

Bác ơi, cuốn sách này có rất nhiều tác dụng lớn đối với mọi người để học tập lập kế hoạch làm ăn xoá đói giảm nghèo và làm giàu chứ không riêng gì cho người nghèo, hộ đói nghèo. Do đó có rất nhiều người mượn đọc, cháu cho họ mượn, cháu ra điều kiện lần lượt và giao thời hạn. Vì cháu muốn mọi người được xem cuốn sách này (...). Từ đó họ có thêm nghị lực xoá bỏ mặc cảm và tự mình nhìn thẳng về phía trước, phấn đấu để vượt qua khó khăn, đói nghèo.

Bác ơi, nhất là mấy anh thương binh, họ say mê quá, có người họ hẹn sẽ viết thư gửi bác đấy...

Cháu của Bác

Thuý Miền

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN CHÍNH

1. Đảng CSVN : *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb Sự thật, 1991.
2. *Đảng CSVN : Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000*. Nxb Sự thật 1991.
3. Đảng CSVN : *Nghị quyết Hội nghị TW5 (khoá VII) tiếp tục đổi mới*. Báo Nhân dân, 1/7/1993.
4. Đảng CSVN : *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (trang 38 và 221)*. Nxb Chính trị quốc gia, 1996.
5. Quốc hội : *Luật Đất đai*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
6. Phan Huy Hiền : *Bảo hiểm y tế khám chữa bệnh cho người nghèo*. Nhân dân, 6/11/1998.
7. Nguyễn Thị Hằng : *Khẩn trương thực hiện Nghị quyết Hội nghị TW4 (khoá VIII) về xoá đói giảm nghèo*. Tạp chí Lao động và Xã hội, số Chuyên đề 11/1998.
8. Nguyễn Thị Hằng : *Từ thực tiễn 5 năm xoá đói giảm nghèo*. Tạp chí Cộng sản, số 21/11/1996.
9. PGS TS Lê Trọng : *Ruộng đất người nghèo - thực trạng và kiến nghị*. Tạp chí Cộng sản, số 24/12/1996.
10. PGS TS Lê Trọng : *Phụ nữ nghèo ở nông thôn và quyền sử dụng đất đai*. Thông tin chuyên đề số 8 - 98 về PNNSTH.
11. Mai Thanh Hải : *Có thể thấy gì thêm về 115.000 trang trại ?* (Có trang trại >< 3.000ha). Báo NNVN 1-4/10/1998.
12. Nguyễn Văn Tiêm (chủ biên) : *Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay*. Nxb Nông nghiệp, 1993.
13. Quyết Thắng : *Bước khởi đầu của dự án trồng 5 triệu ha từng (có quy định đất và vốn cho người nghèo - hộ nghèo...)*. Nhân

dân, 6/5/1998.

14. PTS. Vũ Thị Hiếu : *Xây dựng chính sách hỗ trợ hộ nghèo và xã nghèo.* Nhân dân, 31/3/1997.

15. Kim Anh: *Hai năm "xoá đói giảm nghèo" ở Gia Lai.* Nhân dân, 28/8/1997.

16. PGS. TS. Lê Trọng : *Phát triển và quản lí trang trại trong kinh tế thị trường.* Nxb Nông nghiệp, 1993, Tái bản 2000.

17. Thái Anh : *Làm sao để đồng vốn xoá đói giảm nghèo đến đúng địa chỉ.* Nông nghiệp Việt Nam 24-27/9/1998.

18. Hồng Văn... *Vốn 327 đi về đâu ?* Nông nghiệp Việt Nam 12-14/10/98.

19. Robert Chambers : *Phát triển nông thôn hãy bắt đầu từ những người cùng khổ.* Nxb Đại học & Giáo dục chuyên nghiệp, 1991.

20. Trần Ngọc Khánh : *Tiếng kêu cứu của một xã anh hùng.* Nông nghiệp Việt Nam, 15-18/10/98.

21. PGS.TS. Lê Trọng : *Có nên rút bớt ruộng của hộ đói nghèo.* Nhân Dân, 29/10/1996.

22. Nguyễn Hồng : *Cần xử lí nghiêm những người tham nhũng tiền vốn vay của nông dân.* Nhân dân, 7/4/1998.

23. Lê Hải : *Cán bộ chiếm dụng vốn xoá đói giảm nghèo.* Nông nghiệp Việt Nam 25-28/12/1997.

24. Trần Trí Phương : *Xoá đói giảm nghèo - người đói kẻ no.* Nông nghiệp Việt Nam 7-9/9/1998.

25. Nguyễn Thị Vi : *Mấy nét về tham nhũng và pháp luật chống tham nhũng.* Tạp chí Cộng sản 19/10/1998.

26. Vũ Hoàng Nam : *Trồng rừng trên giấy.* Nhân dân, 31/10/1998.

27. Ngô Giang : *Đồng bằng sông Cửu Long : Giải pháp nào cho nông dân không đất, thiếu đất sản xuất.* Nông nghiệp Việt Nam, 2-4/11/1998.

28. Thủ tướng Chính phủ : *Chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói giảm nghèo* (CT.133). 23-7-1998.

29. PGS.TS. Lê Trọng, TS. Ngô Huy Liêm : *Làm thế nào hộ nông dân xoá đói giảm nghèo có hiệu quả*. Tạp chí Cộng sản, số 8 tháng 4/1999.

30. PV *Sơ kết chương trình xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế–xã hội các xã đặc biệt khó khăn*. Nhân dân 21/4/2000.

31. Lê Hùng - Thanh Phúc : Chương trình mục tiêu quốc gia XĐGN và việc làm 2001-2003 : *Thách thức vẫn ở phía trước...* Báo Nông nghiệp Việt Nam, 6/10/2003.

32. Mã Điền Cư : *Xoá đói, giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi*. Báo Nhân dân, 9/7/2003.

33. ĐH : *22.580 tỉ đồng cho hộ nghèo và tạo 7,5 triệu việc làm giai đoạn 2001-2005*. Báo Nông nghiệp Việt Nam, 30/10/2001.

34. Đảng CSVN : *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. NXB CTQG, 2001 (tr. 265).

35. *Kết quả bước đầu điều tra hộ nghèo ở bốn tỉnh năm 2002*. Báo Nhân dân, 1/10/2003.

36. Khôi Nguyên : *Chương trình 135 quy tụ sự quan tâm của cả nước đối với vùng nghèo*. Báo Nhân dân, 26/6/2002.

37. Nhóm phóng viên tại ĐBSCL : *Khát khao của người nghèo ở ĐBSCL*. Báo Nông nghiệp Việt Nam, 13/5/2003.

38. Trương Huy Đức : *Xoá đói giảm nghèo ở Sa Nhơn*. Báo Nhân dân, 5/10/2003.

39. Nguyễn Thị Lương : *Hơn 400 tấn mía ở Văn Lợi [Quỳ Hợp, Nghệ An] bị khô, ai chịu trách nhiệm ?* Báo Nông nghiệp Việt Nam, 1/7/2003.

40. Dương Đình Trường : *Về quê xem dân chi tiêu....* Báo Nông nghiệp Việt Nam 31/7/2003.

MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

I. Một số văn kiện và nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nxb Sự thật Hà Nội - 1987.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nbx Sự thật, Hà Nội 1991.
3. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1996.
4. Chỉ thị số 100 - CT/TƯ của Bí thư Trung ương Đảng: Cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong Hợp tác xã nông nghiệp. Báo Nhân dân, ngày 20/1/1981.
5. Nghị quyết số 10 - NQTƯ của Bộ Chính trị về đổi mới quản lí kinh tế nông nghiệp. Báo nhân dân, ngày 12/4/1988.
6. Nghị quyết Hội nghị TW 6 (Khoá VI) của Ban chấp hành TW Đảng (tháng 3/1989, xác định "Gia đình xã viên trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ"), Báo Nhân dân 27-28/4/1989.
7. Nghị quyết Hội nghị TW5 (Khoá V) của Ban chấp hành TW Đảng (6/1993) về "tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn" Báo Nhân dân ngày 1/7/1993.

II. Một số pháp luật và văn bản của Nhà nước

8. Luật đất đai 1993. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1995.

9. Nghị định số 64/CP của Chính phủ (ban hành ngày 27/9/1993) về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

10. Bộ Luật lao động của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Báo Nhân dân số 22, 23, 25, 26/7/1994.

11. Pháp lệnh về nghĩa vụ lao động công ích. Báo Nhân dân 22/11/1988.

12. Pháp lệnh chống tham nhũng, Báo Nhân dân 18/3/1998.

13. Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Báo Nhân dân 17/3/1998.

14. Nghị quyết số 120 của Hội đồng Bộ trưởng về giải quyết việc làm. Báo Nhân dân 21/4/1992.

III. Sách

15. Ph.Ang-ghen: *Nguồn gốc gia đình của chế độ tư hữu của Nhà nước*. Nxb Sự thật, Hà Nội - 1972.

16. *Lịch sử nông nghiệp Việt Nam*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1994.

17. Nguyễn Sinh Cúc: *Thực trạng nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam 1976 - 1990*. Nxb TK, Hà Nội - 1991.

18. Ban Nông nghiệp Trung ương: *Kinh tế xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay tập I*. Nxb Tư tưởng văn hoá, Hà Nội - 1991.

19. Ban Chính sách và quản lí nông nghiệp: *Thực trạng kinh tế hộ nông dân Việt Nam*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1992.

20. PGS.TS. Lê Trọng: *(Giáo trình) Cơ sở hình thành kinh tế nông hộ*... Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1991.

21. Nguyễn Văn Tiêm (Chủ biên): *Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay.* Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1993.

22. Đào Thế Tuấn - Phạm Tiến Dũng: *Trình độ hộ nông dân ở nước ta và biện pháp thúc đẩy sự phát triển.* Viện KHKTNN Việt Nam, Kết quả nghiên cứu khoa học 1992. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội - 1993.

23. PGS. TS. Lê Trọng: *Phát triển và quản lí trang trại trong kinh tế thị trường.* Nxb Nông nghiệp, Hà Nội- 1993.

24. PGS.TS. Lê Trọng: *Kinh tế hợp tác của nông dân trong kinh tế thị trường,* Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1994.

25. Robert Chambers: *Phát triển nông thôn hãy bắt đầu từ những người cùng khổ.* NXBĐH và GDCN, Hà Nội- 1991.

26. Tủ sách kiến thức: *Cẩm nang kinh doanh ("Theo chương trình huấn luyện các nhà kinh doanh nhỏ"* do trường Đại học Tổng hợp Georgetown Mỹ xuất bản). Nxb Thông tin -1989.

27. Khoa Kinh tế nông nghiệp, Trường Đại học kinh tế quốc dân: *Marketing trong nông nghiệp.* Nxb Nông nghiệp, Hà Nội- 1992.

28. Ngân hàng thế giới: *Giảm bớt nghèo đói thông qua các dự án nông nghiệp.* Nxb Sự thật (trang 21-32), Hà Nội- 1992.

IV. Tạp chí

29. Bùi Ngọc Trình: *Người nghèo ở nông thôn và chương trình quốc gia chống đói nghèo.* Tạp chí Cộng sản, số 11- 1991.

30. Võ Trần Chi (UVBCT, BTTU- tp. Hồ Chí Minh): *Xoá đói giảm nghèo - một chương trình hội tụ ý Đảng, lòng dân.* Tạp chí Lao động và Xã hội, tháng 11- 1992.

31. Nguyễn Văn Tuất: *Sự phân hoá giàu nghèo ở nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Cộng sản, số 1 - 1993.

32. PGS.TS. Nguyễn Sinh Cúc: *Phân hoá giàu nghèo ở các tỉnh miền Trung*. Tạp chí Cộng sản, số 22 - 1996.

33. PTS. Nguyễn Sinh: *Sự phân hoá giàu nghèo ở các tỉnh Tây Nguyên*. Tạp chí Cộng sản, số 11- 1997.

34. Nguyễn Thị Hằng (UVTWĐ , Thứ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội): *Từ thực tiễn 5 năm xoá đói giảm nghèo*. Tạp chí Cộng sản, số 21- 1996.

35. Phùng Văn Tiến: *Thanh Sơn tập trung sức mạnh tổng hợp để từng bước xoá đói giảm nghèo*. Tạp chí cộng sản, số 22- 1997.

36. PGS.TS. Lê Trọng: *Ruộng đất của người nghèo; thực trạng và kiến nghị*. Tạp chí Cộng sản, số 21- 1996.

37. PGS.TS. Lê Trọng: *Từ thực tế xã hội, suy ngẫm về sự đóng góp của nông dân (Thái Bình)*. Tạp chí Cộng sản, số 6- 1998.

38. PGS.TS. Lê Trọng: *Đầu tư và sử dụng có hiệu quả vốn phát triển nông nghiệp và nông thôn*. Tạp chí Cộng sản, số 16 tháng 8 - 1997.

39. PGS.TS. Lê Trọng: *Làm gì cho phát triển nông thôn Việt Nam theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá*. Tập san hội thảo khoa học (HKHKTNLN). Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1997.

V. Các đề tài khoa học đã được nghiên cứu

40. Nguyễn Thị Hương: *Tình cảnh đói nghèo và những giải pháp chủ yếu xoá đói giảm nghèo ở nông thôn (qua khảo sát ở một xã huyện Kim Môn - 1993)*.

41. Từ Thị Xuyến: *Những giải pháp phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hoá vùng gò đồi ngoại thị xã Sơn Tây* (Luận án Thạc sĩ - 1995).

42. Nguyễn Thanh Hiền: *Những giải pháp phát triển kinh tế chủ yếu nhằm phát triển sản xuất các cán bộ nông dân nghèo ở vùng khu bốn cũ* (Luận án TS - 1994).

43. Hoàng Văn Chính: *Những vấn đề chủ yếu về phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội* (Luận án TS - 1993).

44. *Báo cáo về đề tài KX08* do Viện Khoa học kĩ thuật nông nghiệp chủ trì tháng 3 năm 1994.

45. PGS.TS. Lê Trọng: *Thực trạng về lao động nữ trong kinh tế nông nghiệp hộ vùng đồng bằng sông Hồng* (Hội thảo Quốc gia: *Sự hoà nhập của phụ nữ trong phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam,* do Bộ Nông nghiệp và CNTP- NC FAW-FAO tổ chức tháng 12/1994.

46. Liên Hiệp Quốc: *Tiến kịp phát triển năng lực để xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam,* Hà Nội, Việt Nam Tháng 10/1996.

47. Thị trấn Vín: Báo cáo tham dự hội thảo "*Phát triển cân bằng giới" trong xoá đói giảm nghèo- người dân tộc Dao Quần Trắng, Tuyên Quang* tháng 12/1996.

48. Biggs, *Agricultural Models and Rural Poverty.* Institute of Development Studies, University of Sussex England, 1982.

49. FAO, *Farming sytems development*, Rome, 1990.

50. GRET, F*arming systems research and development in Thailand,* price of Songkhla Univesity, 1998.

IV. Các nguồn tư liệu và báo chí khác.

MỤC LỤC

Lời nói đầu 7

Chương I : TÌNH TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN ĐÓI NGHÈO CỦA VIỆT NAM 11

I. Tình trạng và khái niệm đói nghèo 11

II. Những cụm nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng đói nghèo 55

Chương II : CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO 60

I. Chủ trương của Đảng và chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói giảm nghèo; kết quả và tồn tại 60

II. Mấy vấn đề cần quan tâm 69

Chương III : LẬP KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO 86

I. Kế hoạch làm ăn là kim chỉ nam cho hành động và là biện pháp tốt để vượt đói nghèo bền vững của hộ nông dân 86

II. Những điều kiện cơ bản cần biết để lập kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo 89

III. Lập kế hoạch làm ăn hàng năm của hộ nông dân đói nghèo 96

IV. Tổ chức phân công lao động thực hiện kế hoạch làm ăn của hộ và sự phân công giúp đỡ theo dõi cụ thể của tổ chức cơ sở 112

Chương IV : HẠCH TOÁN GIÁ THÀNH ĐƠN GIẢN VÀ PHÂN TÍCH KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO 115

I. Hạch toán giá thành đơn vị sản phẩm 115

II. Theo dõi thu chi tiền mặt của hộ gia đình nông dân đói nghèo 117

III. Phân tích kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo 123

Phụ lục 136

Tài liệu trích dẫn chính 166

Một số tài liệu tham khảo chính 169

HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH LÀM ĂN XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CHO HỘ NÔNG DÂN

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Trần Trọng Tân

Giám đốc Nhà xuất bản Nghệ An

CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢN THẢO

PGS TS Nguyễn Hữu Quỳnh

Giám đốc Viện Nghiên cứu và Phổ biến kiến thức bách khoa

BIÊN TẬP

Phạm Thị Thuý Lan

Hồ Văn Sơn, Nguyễn Văn Tuyên

CHẾ BẢN - SỬA BÀI

Hồ Thanh Hương, Phạm Thanh Tâm

BÌA

Hoạ sĩ ***Doãn Tuân***

In 1000 cuốn, Khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ti in Khuyến học- Hà Nội.

Giấy phép xuất bản số 6-981/XB-QLXB ngày 6.8.2002

của Cục Xuất bản - Bộ Văn hoá & Thông tin

In xong và nộp lưu chiểu Quý I.2004

VIỆN NGHIÊN CỨU & PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA
INSTITUTE FOR RESEARCH AND UNIVERSALIZATION FOR ENCYCLOPEADIC KNOWLEDGE (IRUEK)
Văn phòng: B4, P411 (53) TT Giảng Võ - Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội
ĐT: (04) 8463456 - Fax: (04) 7260335

TỦ SÁCH HỒNG PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA

CHỦ ĐỀ: NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN

1. KỸ THUẬT TRỒNG CÀ CHUA AN TOÀN QUANH NĂM — *TS Mai Thị Phương Anh*
2. CÂY CHÈ — *GS Đỗ Ngọc Quỹ*
3. CÂY VỪNG — *GS TS Nguyễn Vy*
4. CÂY MÍA — *KS Trần Văn Sỏi*
5. CÂY ĂN QUẢ CÓ MÚI — *PGS TS Nguyễn Hữu Đống*
5. CÂY LÚA VÀ KỸ THUẬT THÂM CANH LÚA — *PGS TS Nguyễn Văn Hoan*
7. TRE TRÚC (GÂY TRỒNG & SỬ DỤNG) — *GS TS Ngô Quang Đệ*
8. CHĂN NUÔI GÀ CÔNG NGHIỆP VÀ GÀ LÔNG MẦU THẢ VƯỜN — *PGS TS Bùi Đức Lũng, GS TSKH Lê Hồng Mận*
9. KỸ THUẬT CHĂN NUÔI VỊT, NGAN VÀ PHÒNG TRỊ MỘT SỐ BỆNH — *GS TSKH Lê Hồng Mận, PGS TS Bùi Đức Lũng*
10. NUÔI ONG (NỘI ĐỊA) — *KS Ngô Đức Thắng*
11. CHĂN NUÔI DÊ SỮA VÀ DÊ THỊT — *GS TS Nguyễn Thiện*
12. NUÔI BÒ VÀ BÒ SỮA — *GS TS Nguyễn Văn Thưởng*
13. NUÔI CÁ NƯỚC NGỌT — *KS Trần Văn Vỹ, Huỳnh Thị Dung*
14. SỔ TAY CHẨN ĐOÁN VÀ PHÒNG TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI — *PGS TS Phạm Sỹ Lăng, PGS TS Trịnh Thơ Thơ, TS Nguyễn Đăng Khải*

Giá: 21.000đ